

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ MINH HIỀN

CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG  
SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN  
NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**PHAN THỊ MINH HIỀN**

**CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG  
SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN  
NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

**Mã số: 9310202**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PGS, TS. LÂM QUỐC TUẤN**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

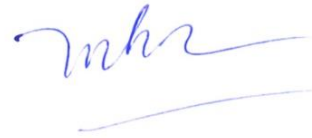
**PGS, TS. NGUYỄN THẮNG LỢI**

**HÀ NỘI - 2026**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả luận án**



**Phan Thị Minh Hiền**

## MỤC LỤC

Trang

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	9
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án .....	9
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài luận án.....	13
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu.....	27
<b>Chương 2: CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN</b> .....	30
2.1. Khái quát về các tỉnh, đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay .....	30
2.2. Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững - Quan niệm, nội dung, phương thức, vai trò.....	51
<b>Chương 3: CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, KINH NGHIỆM</b> .....	72
3.1. Thực trạng các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững .....	72
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.....	116
<b>Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035</b> .....	133
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2035.....	133
4.2. Những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2035.....	151
<b>KẾT LUẬN</b> .....	183
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b> .....	185
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	186
<b>PHỤ LỤC</b> .....	206

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CT-XH	Chính trị - xã hội
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
HĐND	Hội đồng nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NDLĐ	Nội dung lãnh đạo
PTLD	Phương thức lãnh đạo
UBND	Ủy ban nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG

*Trang*

Bảng 3.1: Hệ thống văn bản do tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy các tỉnh vùng ĐBSCL ban hành lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững từ năm 2015 đến 2024 .....	93
Bảng 3.2: Mức độ triển khai thực hiện nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của chính quyền, MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh .....	113

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là quốc gia có truyền thống nông nghiệp lâu đời, nông nghiệp luôn giữ vai trò là “trụ đỡ” vững chắc của nền kinh tế. Trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp, đã ban hành và hoàn thiện các chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế đặt ra yêu cầu cao về chất lượng, tiêu chuẩn, năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra phương thức sản xuất mới đòi hỏi nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng hiện đại, thông minh. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái tài nguyên đất, nước... diễn biến ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp. Những vấn đề nêu trên đặt ra yêu cầu cấp bách phải phát triển nông nghiệp bền vững. Nhận thức sâu sắc yêu cầu đó, Đảng, Nhà nước đã ban hành các nghị quyết, đề án lớn chỉ đạo sâu sát, định hướng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 khẳng định quan điểm phát triển bền vững vừa là một quá trình, vừa là mục tiêu của ngành nông nghiệp [129]. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, đã khẳng định mục tiêu tổng quát đến năm 2030: “Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu...” [11].

Thực tiễn cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: tốc độ tăng trưởng, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp tăng cao; cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng tích cực. Việt Nam từ quốc gia thiếu lương thực trở thành quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới nhiều mặt hàng nông sản. Những thành tựu đó khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đặc biệt là sự lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng ở địa phương.

Trong bối cảnh mới, mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng. Không chỉ dừng lại ở việc ban hành chủ trương, nghị quyết mà phải nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện; bảo đảm sự đồng bộ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội; thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành... Điều đó đòi hỏi các cấp uỷ đảng phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu nông sản. Đây là trung tâm sản xuất lúa gạo, thủy sản và trái cây, có vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Theo định hướng của Đảng, phấn đấu đến năm 2030: “Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng sinh thái, văn minh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới trên cơ sở phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp...”[24].

Nhằm phát huy vai trò vùng trọng điểm nông nghiệp của cả nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, đòi hỏi phải có sự thay đổi mạnh mẽ về sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh uỷ. Thời gian qua, các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL đã chủ động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững và đạt nhiều kết quả tích cực. Nội dung và phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững được đổi mới, việc xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững được quan tâm, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp được thúc đẩy; công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của hệ thống chính trị được chú trọng, công tác kiểm tra, giám sát từng bước được tăng cường.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững vẫn còn những hạn chế. Ở một số địa phương, nội dung lãnh đạo chưa thật cụ thể, thiếu tính khả thi; phương thức lãnh

đạo chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Bên cạnh đó, việc tổng kết thực tiễn sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với phát triển nông nghiệp bền vững chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến thiếu các mô hình lãnh đạo phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL.

Trong bối cảnh hiện nay, khi cả nước đang đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới mô hình chính quyền địa phương, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và tái cơ cấu nền kinh tế, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững càng trở nên cấp thiết. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về nội dung, phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL; đánh giá đúng thực trạng; đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL là yêu cầu vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn sâu sắc.

Để góp phần giải quyết vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài “*Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay*” làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích luận án**

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay, luận án đề xuất những phương hướng, giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035.

### **2.2. Nhiệm vụ của luận án**

*Một là*, tổng quan các công trình khoa học ngoài nước và trong nước có liên quan đến đề tài luận án, chỉ ra những kết quả đã đạt được, những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

*Hai là*, luận giải, làm rõ những vấn đề về lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay.

*Ba là*, khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn từ năm 2015 đến nay; chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân, kinh nghiệm.

*Bốn là*, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035. Trong đó có tính đến đặc điểm các địa phương sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và trong bối cảnh chuyển đổi số.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, luận án trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

Vị trí, vai trò, nội dung, phương thức các tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL như thế nào? Các tỉnh ủy đã lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững có ưu điểm, hạn chế gì? nguyên nhân ưu điểm, hạn chế? Để tăng cường lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL, các tỉnh ủy cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào?

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án***

Luận án nghiên cứu về các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay.

#### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Về nội dung nghiên cứu: luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong phát triển nông nghiệp bền vững, trong đó làm rõ nội dung lãnh đạo, phương thức lãnh đạo và các yếu tố tác động; giải pháp hướng vào tăng cường sự lãnh đạo.

Về không gian nghiên cứu: luận án tập trung nghiên cứu và thực hiện khảo sát ở vùng ĐBSCL, trước sáp nhập gồm 12 tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang để làm rõ thực trạng các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững; nghiên cứu phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông

ng nghiệp bền vững ở các tỉnh sau sáp nhập gồm: Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long.

Về giới hạn thời gian nghiên cứu: thực hiện nghiên cứu, đánh giá thực trạng từ năm 2015 đến trước tháng 7/2025. Phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035.

#### **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án**

##### ***4.1. Cơ sở lý luận***

Luận án được thực hiện dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới và các quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước về lãnh đạo các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững.

##### ***4.2. Cơ sở thực tiễn***

Cơ sở thực tiễn của luận án là hoạt động lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, đặc biệt là các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Luận án tập trung vào nghiên cứu các nghị quyết, chương trình hành động của các tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững. Các báo cáo sơ kết, tổng kết của cấp uỷ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh về phát triển nông nghiệp bền vững từ năm 2015 đến trước tháng 7/2025.

##### ***4.3. Phương pháp nghiên cứu***

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích - tổng hợp; phương pháp lịch sử - lôgic; phương pháp diễn dịch kết hợp với phương pháp quy nạp; điều tra xã hội học; trong đó đặc biệt chú trọng phương pháp khảo sát, tổng kết thực tiễn. Cụ thể:

- Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin: Nghiên cứu được tiến hành trên nền tảng duy vật biện chứng, xem xét sự vật, hiện tượng trong tính khách quan, toàn diện, gắn với bối cảnh lịch sử - cụ thể và trong mối quan hệ phổ biến cũng như sự vận động, phát triển.

- Phương pháp lịch sử - logic: Nghiên cứu các chủ trương, chính sách và sự lãnh đạo của Đảng, của các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp

bền vững trong từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, hệ thống hóa, khái quát hóa các mối quan hệ trong phát triển nông nghiệp bền vững là tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội, rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo, đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ trong phát triển nông nghiệp bền vững thời gian tới.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Luận án khai thác hệ thống tài liệu, bao gồm báo cáo của các tỉnh uỷ và các công trình nghiên cứu có liên quan, các số liệu thống kê từ đó tiến hành phân tích, tổng hợp để chọn lọc thông tin, khái quát thành những luận điểm gắn với đề tài luận án.

- Phương pháp khảo sát, tổng kết thực tiễn: Đây là phương pháp đặc trưng của khoa học xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước. Phương pháp này dựa vào kết quả hoạt động thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ở vùng ĐBSCL để so sánh, đối chiếu với các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững. Trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng ưu điểm và khuyết điểm, tìm nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo của các tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được sử dụng để nắm bắt được nhận thức, mức độ hiểu biết và sự đồng thuận, khoảng cách giữa nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và người dân, thu thập dữ liệu về quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương của tỉnh uỷ; về thực trạng triển khai nội dung, phương thức, các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL; từ đó, có cơ sở đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững.

Nghiên cứu sinh đã gửi bảng hỏi khảo sát ở 12 tỉnh vùng ĐBSCL với 600 phiếu, mỗi tỉnh 50 phiếu nhằm bảo đảm tính đại diện tương đối giữa các địa phương trong toàn vùng, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kích thước mẫu trong phân tích thống kê, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng tiếp cận. Đối tượng khảo sát là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đang công tác tại các cơ

quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH. Phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi bán cấu trúc nhằm vừa thu thập dữ liệu định lượng phục vụ phân tích thống kê, vừa khai thác thêm các ý kiến đánh giá, nhận xét từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý của đối tượng khảo sát. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS.

### **5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

- Xác lập khái niệm “Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững”; xác lập và phân tích thực trạng nội dung, phương thức các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

- Các kinh nghiệm được rút ra qua tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 đến trước tháng 7/2025.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm góp phần tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035. Trong đó, tập trung hai giải pháp đột phá: Tăng cường đổi mới nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững thông qua tăng cường lãnh đạo công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu; Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn bộ máy, kiến tạo chính quyền số, phát triển khoa học, công nghệ hiện nay.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

*Một là*, luận án góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu, thực tiễn sinh động làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm, phát triển lý luận về năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

*Hai là*, luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện chủ trương, cơ chế, biện pháp, lãnh đạo, chỉ đạo

gợi mở mô hình, giải pháp cụ thể trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

*Ba là*, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được tham khảo để các tỉnh ủy, các cấp ủy đảng trong việc đổi mới, nghiên cứu, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở địa phương. Kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập môn Xây dựng Đảng ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước.

### **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

##### 1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững

National research Council of The national Academies (2010), "*Toward Sustainable Agricultural Systems in the 21st Century*", The national Academies Press, Washington, D.C ("Hướng tới hệ thống nông nghiệp bền vững trong thế kỷ 21" [111]. Công trình làm rõ quan niệm và các nguyên tắc cơ bản của nông nghiệp bền vững, phân tích các khía cạnh kinh tế, xã hội trong hoạt động trang trại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu việc nâng cao năng suất gắn với bảo vệ môi trường tại các trang trại điển hình ở Hoa Kỳ và rút ra bài học kinh nghiệm có thể vận dụng cho những khu vực khác, đặc biệt là khu vực cận Sahara châu Phi.

Mark Redwood (2012), *Agriculture in urban planning: Generating livelihoods and food security*, New York (Nông nghiệp trong quy hoạch đô thị: Tạo sinh kế và an ninh lương thực) [102]. Sách phân tích sự phát triển nông nghiệp bền vững ở các nước đang phát triển, minh họa bằng các trường hợp nông nghiệp đô thị tại một số quốc gia. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Zhang Hongzhou (2012), *China's Economic Restructuring: Role of Agriculture* (Tái cấu trúc nền kinh tế Trung Quốc: Vai trò của nông nghiệp) [186]. Công trình chỉ ra những thành tựu của kinh tế nông nghiệp Trung Quốc trong các thập kỷ qua, đồng thời cảnh báo các rủi ro gia tăng do suy

thoái môi trường, qua đó nhấn mạnh yêu cầu cải cách, phát huy tiềm năng và thúc đẩy chuyên môn hóa nông nghiệp theo lợi thế so sánh của từng vùng nhằm hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

P.W. Heringaa, C.M. van der Heideb, W.J.M. Heijman (2013), “*The economic impact of multifunctional agriculture in Dutch regions: An input-output model*” [116] (Sự ảnh hưởng kinh tế của nền nông nghiệp đa chức năng ở các vùng miền Hà Lan: Mô hình cân đối liên ngành) đã làm rõ bốn hoạt động nông nghiệp đa chức năng là chăm sóc cây xanh; du lịch, giải trí, giáo dục; bán tại trang trại và dịch vụ xanh. Có thể tham khảo khi nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững ở Việt Nam.

Dinesh Kumar, Sivamohan, Nitin Bassi (2013), *Water Management, Food Security and Sustainable Agriculture in Developing Economies* (Quản lý nước, an ninh lương thực và nông nghiệp bền vững trong các nền kinh tế đang phát triển) [40]. Công trình nghiên cứu chiến lược an ninh lương thực và nông nghiệp bền vững ở các nền kinh tế đang phát triển, tập trung vào Ấn Độ; qua đó phân tích tác động ô nhiễm môi trường, trách nhiệm bồi thường, cũng như những thành công và hạn chế trong công tác thủy lợi nhằm nâng cao năng suất và phát triển nông nghiệp bền vững.

Julian M. Alston (2014), *Agriculture in the Global Economy* (Nông nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu), University of California [85]. Công trình đã nghiên cứu về triển vọng kinh tế nông nghiệp, trong đó cho thấy các nước có thu nhập cao như Mỹ thì có sự suy giảm sản lượng nông nghiệp trong khi các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Indonesia lại có sự gia tăng. Các tác giả đã phân tích các mô hình tăng trưởng nông nghiệp từ yếu tố đầu vào ở các nước, trong đó khuyến nghị chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về lương thực.

Serey Mardy (2014), *Nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Svay Rieng, Campuchia* [119]. Tác giả cho rằng phát triển nông nghiệp

bền vững nhằm xây dựng hệ thống hài hòa về kinh tế, xã hội và môi trường: kinh tế đạt hiệu quả cao, đáp ứng tiêu dùng, dự trữ và xuất khẩu; xã hội bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định, nâng cao đời sống nông dân; môi trường được bảo vệ thông qua quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định.

Kim Etingoff (2016), "*Sustainable Agriculture and food supply: scientific, economic, Policy Enhancements*" (Nông nghiệp bền vững và nguồn cung lương thực: Khoa học, kinh tế và sự thay đổi chính sách) [90]. Công trình tập hợp các nghiên cứu đa ngành về nông nghiệp bền vững và an ninh lương thực, làm rõ khái niệm, nội dung nông nghiệp bền vững; phân tích mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng nông nghiệp hữu cơ tại Anbani, Anh và Nam Phi; đồng thời khái quát triển vọng nông nghiệp bền vững, nhấn mạnh bảo vệ môi trường và vai trò của công nghệ sinh học.

Rahul Katiyar, Arun Kumar Pal và Brij Mohan (2017), "*An Adoption of Selected Ecological Agricultural Practices by the Farmers*" (Lựa chọn áp dụng thực hành nông nghiệp sinh thái từ phía nông dân) [120]. Nhóm tác giả đề cập đến nghiên cứu việc áp dụng các giải pháp nông nghiệp sinh thái và 16 yếu tố ảnh hưởng tại huyện Kanpur Dehat (bang Uttar Pradesh, Ấn Độ). Kết quả khảo sát nông dân cho thấy mức độ áp dụng giải pháp sinh thái còn thấp, chưa có trường hợp áp dụng tổng hợp ở mức cao; đồng thời ghi nhận nỗ lực của chính quyền địa phương trong đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp nông dân thực hiện hiệu quả các thực hành quản lý nông nghiệp sinh thái, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

### **1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng**

Lưu Chấn Hoa (2010), Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng [68], khẳng định xây dựng và không ngừng hoàn thiện năng lực cầm quyền là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của Đảng.

Công trình làm rõ nội dung, thể chế và chủ thể cầm quyền, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực cầm quyền phải dựa trên nhận thức đúng quy luật cầm quyền, bảo đảm tính khoa học, dân chủ, theo Hiến pháp và pháp luật.

Hoàng Văn Hồ (2014), *Cầm quyền khoa học* [73]. Theo tác giả, để Đảng cầm quyền một cách khoa học cần bảo đảm các năng lực chủ yếu như học tập đổi mới, điều tiết lợi ích, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, cầm quyền theo pháp luật, năng lực tự thanh lọc. Công trình nghiên cứu đã khẳng định, để nâng cao năng lực cầm quyền khoa học phải bảo đảm phương pháp tăng cường trang bị lý luận, hoàn thiện các khâu của công tác cán bộ.

Lý Lương Đống (2020), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [56], là công trình có giá trị học thuật và thực tiễn, hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua đó cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho nghiên cứu và vận dụng trong xây dựng, quản lý đất nước ở Việt Nam hiện nay.

ZHAO Hua, GONG Qianwen (2023), *Một cuộc điều tra kéo dài một thế kỷ về Đảng Cộng sản Trung Quốc dẫn dắt nông dân tham gia xây dựng nông thôn dưới góc độ hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*, [187]. Bài viết khái quát quá trình 100 năm Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nông dân xây dựng nông thôn, qua đó rút ra bài học cốt lõi là kiên định sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò chủ thể của nông dân và tập trung phát triển lĩnh vực “tam nông”; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục tăng cường lãnh đạo của Đảng, củng cố tổ chức đảng ở nông thôn trong thời gian tới.

Zhi-xiong Du, Ling-xiao Hu (2023), *The achievements and interpretations of the high-quality agricultural development in China since the 18th National Congress of the Communist Party of China* (Những thành tựu và diễn giải về sự phát triển nông nghiệp chất lượng cao ở Trung Quốc kể từ đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng cộng sản Trung

Quốc) [188]. Bài viết làm rõ những thành tựu nổi bật của nông nghiệp Trung Quốc kể từ Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt là việc tập trung bảo đảm nguồn cung nông sản, nâng cao thu nhập cho nông dân và duy trì tính bền vững của nông nghiệp; đồng thời phân tích các định hướng, giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp chất lượng cao trong thời gian tới.

## **1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

### **1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững**

Đường Hồng Dật (2012), *Phát triển nông nghiệp bền vững* [36]. Qua công trình này, tác giả phân tích nội dung của nông nghiệp bền vững; định nghĩa và những đặc điểm chủ yếu của nông nghiệp bền vững. Từ đó tác giả khẳng định nông nghiệp bền vững là bước phát triển mới của nông nghiệp hiện đại. Cùng với nhận định trên, tác giả phân tích những căn cứ khoa học để xây dựng nền nông nghiệp bền vững; những quy luật tồn tại và phát triển của các hệ thống sinh học. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp xây dựng nền nông nghiệp bền vững ở Việt Nam như các giải pháp về nhận thức, quy hoạch sản xuất, đào tạo cán bộ, phát triển khoa học và công nghệ.

Tiếp cận từ góc độ thích ứng và hội nhập, Trần Trọng Triết (2012), "Giải pháp thích ứng để phát triển nông nghiệp bền vững và hội nhập" [163] tập trung phân tích các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững thông qua chuyển đổi cơ cấu đầu tư theo ngành hàng và lĩnh vực có lợi thế, ưu tiên đầu tư cho giống cây trồng, vật nuôi, hạ tầng thủy sản, công nghiệp chế biến và hệ thống quan trắc, phòng chống dịch bệnh. Cách tiếp cận này làm rõ vai trò của đầu tư công và hạ tầng kỹ thuật trong nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sản xuất nông nghiệp.

Với cách tiếp cận kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, Vũ Trọng Bình (2013), "Phát triển nông nghiệp bền vững: Lý luận và thực tiễn" [20].

Công trình hệ thống hóa các khái niệm và tiếp cận chiến lược về phát triển nông nghiệp bền vững, phân tích kinh nghiệm quốc tế, qua đó làm rõ thực tiễn và chính sách phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam; đồng thời chỉ ra các yếu tố tác động, thách thức và chính sách chủ yếu trong giai đoạn hiện nay.

Từ yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp, Nguyễn Quang Thái (2013), "Tái cơ cấu để phát triển nông nghiệp bền vững" [153]. Tác giả tập trung phân tích sự cần thiết của tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tác giả nhấn mạnh vai trò của đầu tư Nhà nước, điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành và địa phương, phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nguyễn Phong Quang (2015), "Cơ cấu lại và phát triển bền vững nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở liên kết vùng" [117]. Bài viết phân tích những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL, qua đó khẳng định tính tất yếu của liên kết vùng trong sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu đối với sự lãnh đạo của các tỉnh như quy hoạch lại sản xuất theo vùng, tăng cường liên kết giữa các tỉnh, cơ cấu lại sản xuất theo hướng hàng hóa lớn, phân bổ hợp lý nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp.

Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung (2015), "Nông nghiệp Việt Nam hướng đến phát triển bền vững" [30]. Bài viết phân tích thành tựu ngành nông nghiệp đạt được với tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, giá cả, kim ngạch xuất khẩu đều tăng trưởng ở mức hợp lý. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như nông nghiệp vẫn chưa thực sự phát triển bền vững; khả năng cạnh tranh của một số nông sản chưa cao, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, chưa hình thành có hiệu quả chuỗi giá trị nông sản, thu nhập của cư dân nông

thôn còn thấp. Để hướng đến sự phát triển nông nghiệp bền vững, cần thực hiện một số giải pháp đúng hướng và đồng bộ.

Hoàng Thị Ngọc Ánh (2016), “Nông nghiệp bền vững của Israel”, [7]. Bài viết chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thành công trong nông nghiệp của Israel gồm: sự can thiệp hiệu quả của Chính phủ; sự liên kết chặt chẽ 5 "nhà": Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà tư vấn - Nhà nông; chú trọng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp; sức mạnh đoàn kết của cộng đồng.

Nguyễn Minh Luân (2016), *Nông nghiệp tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững* [98]. Tác giả đã hệ thống hóa và cụ thể hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững nói chung và ở tỉnh Cà Mau nói riêng từ năm 1997-2015, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề xuất quan điểm, định hướng và những giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp tỉnh Cà Mau theo hướng bền vững.

Trường Đại học Cần Thơ (2016), *Phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*, [150]. Nội dung sách đã giới thiệu các báo cáo khoa học phân tích, đánh giá hiện trạng và tầm nhìn tương lai, nhận ra nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn và đề xuất các giải pháp cải tiến quản lý tài nguyên cho phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn vùng ĐBSCL.

Bế Trung Anh (2016), *Đánh giá hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam*, [2]. Nội dung trình bày tổng quan về phương pháp đánh giá chính sách công. Phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức, hiệu quả trong quá trình thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp bền vững ở Việt Nam và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách này trong thời gian tới.

Nguyễn Thành Hưng (2017), *Các giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, [81]. Sách gồm có 3 chương, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp công nghệ cao; thực trạng phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở vùng ĐBSCL từ năm 2010 đến 2016. Trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao vùng ĐBSCL đến năm 2030.

Tiếp cận từ góc độ tác động của biến đổi khí hậu, Bạch Hồng Việt (2017), "Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp bền vững ở Tây Nguyên" [180]. Tác giả đã phân tích tác động của biến đổi khí hậu, kết quả phát triển nông nghiệp bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu; qua đó đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững ở Tây Nguyên trước tác động của biến đổi khí hậu.

Phùng Quốc Hiền (2017), "Hướng tới một nền nông nghiệp bền vững, tương xứng với lợi thế, tiềm năng của đất nước", [64]. tập trung phân tích những thành tựu và thách thức của nền nông nghiệp nước ta, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp mang tính chiến lược nhằm xây dựng nền nông nghiệp bền vững, hiện đại và tương xứng với tiềm năng, lợi thế quốc gia. Các giải pháp được tác giả đề cập bao gồm tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn, cơ giới hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chất lượng giống, nguồn nhân lực nông thôn, đổi mới quản lý nhà nước và vận hành theo cơ chế thị trường.

Các công trình nghiên cứu của Phạm Thị Thanh Bình (2017), "Phát triển nông nghiệp bền vững ở Thái Lan" [18] và "Phát triển nông nghiệp bền vững ở Israel: thành tựu và hạn chế" [19] đã tập trung làm rõ quan điểm, chiến lược, thành tựu và hạn chế trong phát triển nông nghiệp bền vững, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của quy hoạch sử dụng đất, ứng dụng khoa học - công nghệ cao, phát triển công nghiệp chế biến, chính sách hỗ trợ tài chính và

nâng cao đời sống cư dân nông thôn. Những nghiên cứu này cho thấy vai trò quan trọng của Nhà nước trong hoạch định chính sách đồng bộ, gắn nghiên cứu khoa học với triển khai ứng dụng thực tiễn, đồng thời rút ra nhiều bài học có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Tiếp cận theo hướng so sánh và kinh nghiệm quốc tế, các công trình của Nguyễn Xuân Khoát (2017), *Phát triển nông nghiệp bền vững ở một số nền kinh tế chuyển đổi: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam* [87], Vũ Văn Đông (2019), *"Phát triển nông nghiệp bền vững ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam"* [55] và Tô Đức Hạnh, Hà Thị Thủy (2018), *"Sản xuất nông nghiệp bền vững ở Israel và hàm ý chính sách cho Việt Nam"* [61] đã phân tích mô hình phát triển nông nghiệp bền vững ở một số quốc gia và nền kinh tế chuyển đổi như Trung Quốc, Ba Lan, Nga, Thái Lan, Hàn Quốc và Israel. Các nghiên cứu này đều thống nhất nhấn mạnh vai trò của thể chế, chính sách, tổ chức lại sản xuất, tích tụ ruộng đất, phát triển mô hình sản xuất quy mô lớn và ứng dụng công nghệ cao trong thúc đẩy nông nghiệp bền vững, đồng thời gợi mở những hàm ý chính sách quan trọng cho Việt Nam.

Các nghiên cứu của Hoàng Anh Tuấn (2018), *"Phát triển nông nghiệp bền vững theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng"* [170], Nguyễn Phương An và Lê Nhung (2019), *"Tìm hướng phát triển nông nghiệp bền vững"* [1] đã tập trung phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững gắn với đường lối, chủ trương của Đảng và điều kiện cụ thể của từng địa phương. Các tác giả đã làm rõ những thành tựu, hạn chế trong phát triển nông nghiệp, đồng thời đề xuất nhiều nhóm giải pháp như hoàn thiện thể chế, tổ chức lại sản xuất, phát triển chuỗi liên kết, ứng dụng công nghệ cao và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Nguyễn Kim Tôn (2017), *Nông dân đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay*

[158] tiếp cận từ góc độ vai trò chủ thể của nông dân vùng ĐBSCL, góp phần làm rõ yếu tố con người trong phát triển nông nghiệp bền vững.

Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế (2020), *Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam - Kinh nghiệm các quốc gia châu Á* [86]. Các công trình nghiên cứu tham gia hội thảo không những là một tập hợp tài liệu tham khảo hữu ích trong việc nhìn nhận, đánh giá thực trạng và khả năng hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và các nước châu Á mà từ đó còn gợi ý những định hướng trong việc xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp bền vững, khai thác hiệu quả các thế mạnh của từng nước; đồng thời hỗ trợ nhau sản xuất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo công bằng xã hội và thân thiện với môi trường sinh thái trong tương lai.

Khánh Nguyên (2020), *"Hướng đến nền nông nghiệp bền vững, thân thiện môi trường"*, [109]. Tác giả làm rõ một số mô hình như kinh tế tuần hoàn, mô hình kết hợp giữa VAC với hoạt động lâm nghiệp tại các tỉnh miền núi, mô hình vườn - ao - hồ,...; đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp như: chủ trương ưu tiên, định hướng phát triển nền nông nghiệp tuần hoàn; tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, khai thác, chế biến phụ phẩm trong nông nghiệp tạo ra phân bón hữu cơ vi sinh...; tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức và tư duy của toàn xã hội về nông nghiệp tuần hoàn.

Phùng Chí Cường (2021), *"Phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá"* [34]. Tác giả đánh giá kết quả, chỉ ra hạn chế và đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế, tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ, gắn kết sản xuất - tiêu thụ, điều chỉnh quy hoạch, phát huy lợi thế vùng, xây dựng thương hiệu nông sản và tăng cường thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Nguyễn Thành Hưng (2020), *"Liên kết vùng - Giải pháp cơ bản phát triển nông nghiệp bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long"* [81]. Bài viết chỉ

ra các tác động của biến đổi khí hậu, cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập toàn cầu, khiến nông nghiệp ĐBSCL không thể tiếp tục mô hình sản xuất truyền thống; từ đó khẳng định đổi mới tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết kinh tế và liên kết vùng là giải pháp cơ bản để phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng bền vững.

Võ Hữu Phước (2021), *“Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu”* [115]. Bài viết làm rõ tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp ứng phó như: nâng cao nhận thức về xu hướng biến đổi khí hậu; cơ cấu lại trồng trọt theo hướng đa dạng, gắn thâm canh với bảo vệ tài nguyên và kiểm soát rủi ro; nghiên cứu quy trình canh tác thích ứng cho cây trồng chủ lực từng vùng; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nông nghiệp, khuyến nông để triển khai và nhân rộng các mô hình thích ứng.

Lê Khánh Cường (2021), *“Phát triển nông nghiệp bền vững tại một số quốc gia và hàm ý cho Việt Nam”* [33]. Bài viết phân tích chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia như Thái Lan, Trung Quốc và kinh nghiệm địa phương ở Israel; từ đó rút ra bài học cho Việt Nam về việc phát huy vai trò quản lý, định hướng của Nhà nước trong quy hoạch và xây dựng chiến lược; khai thác hiệu quả lợi thế của công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường; tăng cường liên kết các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ, hình thành chuỗi giá trị nông sản hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

Phạm Thị Diệu Linh (2021), *Phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hoá trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, [97]. Tác giả làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững ở Thanh Hóa giai đoạn 2011-2019, từ đó đề xuất định hướng và giải pháp đến năm 2025, tập trung vào nâng cao quản lý nhà nước, đổi mới đầu tư, tổ chức sản xuất tiên tiến, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển nguồn nhân lực.

Lê Minh Hoan, Bùi Văn Huyền (2022), *Kinh tế tập thể và liên kết kinh tế nhìn từ mô hình hội quán tỉnh Đồng Tháp*, [71]. Sách cung cấp cơ sở thực tiễn cho nghiên cứu lý luận, phục vụ việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp khai thác và phát huy năng lực cộng đồng, tăng cường tình làng nghĩa xóm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Nguyễn Ngọc Diễm (2022), *"Nông nghiệp bền vững - Tổng quan lý thuyết và khả năng áp dụng ở Việt Nam"*, [41]. Bài viết khẳng định các mô hình nông nghiệp xanh, công nghệ cao, hữu cơ và thuận tự nhiên là những tiếp cận quan trọng của nông nghiệp bền vững ở Việt Nam, không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường; đồng thời tổng quan cơ sở lý luận và đề xuất khả năng áp dụng trong thời gian tới.

Triệu Thanh Quang (2022), *"Phát triển nông nghiệp sinh thái - mô hình kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam"*, [118]. Bài viết khẳng định nông nghiệp sinh thái, như một mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, là giải pháp quan trọng trước biến đổi khí hậu, góp phần bảo đảm an ninh lương thực, cân bằng hệ sinh thái và phát triển bền vững; đồng thời phân tích nội hàm, vai trò của mô hình này và đề xuất khuyến nghị thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam.

Lê Minh Hoan (2023), *"Tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhanh và bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn mới"*, [72]. Bài viết tổng kết thành tựu nông nghiệp Việt Nam và đề xuất định hướng phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn bền vững, nhấn mạnh đổi mới tư duy sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp sinh thái ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao vai trò nông dân và hoàn thiện thể chế, chính sách.

Trần Đức Viên (2024), “*Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân sau gần 40 năm đổi mới*” [178]. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển bền vững của nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân nước ta ở 3 góc độ: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường; từ đó, tìm ra các điểm yếu, tồn tại, khó khăn để đề xuất các giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Lê Nguyễn Diệu Anh (2024), “*Chính sách phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam*” [3]. Bài viết đề cập đến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp xanh, đồng thời đề xuất các giải pháp trọng tâm như hoàn thiện và thực thi hiệu quả cơ chế, chính sách; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xanh gắn với thực tiễn sản xuất; tăng cường liên kết bốn nhà; nâng cao nhận thức của nông dân, thúc đẩy thay đổi tập quán canh tác theo hướng xanh hóa; khuyến khích phát triển hợp tác xã và liên kết sản xuất.

Phạm Tuyên (2024), “*Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp bền vững tại Việt Nam hiện nay*” [161]. Bài viết phân tích thực trạng ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp và đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp tại Việt Nam nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo động lực cho nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.

Phạm Thị Kim Anh (2024), “*Phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số*” [4]. Bài viết làm rõ thực trạng phát triển nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và đề xuất năm nhiệm vụ, giải pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số.

Nguyễn Thị Ánh (2025), “*Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta*”, Tạp chí Cộng sản điện tử [9]. Bài viết làm rõ những kết quả tích cực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới như chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chế biến và thị trường, qua đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn; đồng thời chỉ ra những khó khăn, hạn chế và đề xuất các giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

Nguyễn Thị Thu Thảo (2025), “*Tổng quan về nhân lực xanh: yếu tố then chốt trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam*” [154]. Bài viết làm rõ vai trò nguồn nhân lực xanh, qua đó tổng quan các vấn đề về thực trạng nguồn nhân lực xanh trong nước và so sánh trên thế giới liên quan đến ngành nông nghiệp; nhận diện những khó khăn, thách thức phát triển nhân lực xanh trong nông nghiệp ở Việt Nam. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp phát triển nhân lực xanh trong nông nghiệp nhằm hướng đến một nền nông nghiệp thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

### **1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực đời sống xã hội**

Các công trình nghiên cứu về phương thức và sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong thời gian qua đã tiếp cận vấn đề ở nhiều góc độ, góp phần làm rõ cả cơ sở lý luận và thực tiễn như:

Trần Khắc Việt, Nguyễn Văn Giang và Phạm Tất Thắng (2015), *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện mới* [182]. Tác giả đã trình bày một cách sâu sắc về phương thức lãnh đạo, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT - XH. Đáng chú ý, trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo cần có sự thay đổi quy trình chuẩn bị các Nghị quyết, kết luận quan trọng của Đảng đòi hỏi cơ quan

nhà nước phải thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện ngay trên thực tế.

Tiếp nối hướng nghiên cứu đó, Bùi Đình Bôn (2017), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay* [26]. Sách góp phần nghiên cứu làm rõ một số vấn đề phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội; nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với một số lĩnh vực trọng yếu, những hạn chế trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị qua hơn 30 năm đổi mới và nguyên nhân của những hạn chế đó. Đồng thời, cuốn sách cũng bước đầu nêu ra mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Văn Tuấn, Dương Quang Điện (2018), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam* [166]. Nội dung sách tập hợp một số vấn đề đi sâu phân tích quan điểm, chủ trương, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên một số lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng... góp phần làm sáng rõ hơn đường lối đúng đắn của Đảng trong lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Vũ Trọng Lâm (2020), *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, [93]. Nội dung cuốn sách được kết cấu thành ba chương, trình bày cơ sở lý luận về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phân tích thực trạng sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; trên cơ sở đó đưa ra các quan điểm và giải pháp chủ yếu về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Việt Thông (2021), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước* [154]. Cuốn sách gồm 4 chương, chất lọc từ kết quả đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, tập trung làm rõ cơ sở lý luận, quan điểm của Đảng và thực tiễn 35 năm đổi mới về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; đồng thời phân tích kinh nghiệm quốc tế, chỉ ra những vấn đề cấp thiết hiện nay và đề xuất quan điểm, định hướng đổi mới phù hợp.

Trần Thị Minh và Nguyễn Thị Tố Uyên (2023), *Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới* [105], trình bày cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hiện nay. Công trình đánh giá quá trình nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng qua hơn 35 năm đổi mới, đồng thời đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lê Tuấn Khanh (2025), *“Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vững đường lối lãnh đạo đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”* [92]. Bài viết tập trung phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc định hướng phát triển đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước biến động phức tạp, nhiều thách thức đặt ra đối với hệ thống chính trị, đòi hỏi toàn Đảng phải tăng cường bản lĩnh, trí tuệ và sự đoàn kết.

### **1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng lãnh đạo nông nghiệp, nông dân và nông thôn**

Ngô Huy Tiếp (2010), *Đảng lãnh đạo xây dựng giai cấp nông dân trong giai đoạn hiện nay* [164]. Công trình làm rõ vai trò của giai cấp nông dân trong lịch sử dân tộc và sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phân tích đặc điểm và thực trạng giai cấp nông

dân Việt Nam hiện nay, đồng thời luận giải nội dung, phương thức Đảng lãnh đạo xây dựng giai cấp nông dân. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất mục tiêu, quan điểm và giải pháp xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Thị Tố Uyên (2012), *Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giai đoạn hiện nay* [172]. Luận án phân tích, làm rõ được các khái niệm liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng; khái niệm nội dung, phương thức lãnh đạo; thực trạng các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020.

Phạm Thắng (2013), “*Quyết sách của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*” [126]. Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc độ quyết sách và định hướng chiến lược của Đảng đối với phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn vùng ĐBSCL, làm rõ nội dung các nghị quyết quan trọng giai đoạn 2001-2020 và nhấn mạnh yêu cầu phát triển bền vững vùng theo hướng nông nghiệp hàng hóa hiện đại, gắn với công nghiệp chế biến và hiện đại hóa nông thôn trong bối cảnh hội nhập.

Trên nền tảng các chủ trương, định hướng đó, Lê Quốc Khởi (2017), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay* [87], Tác giả đi sâu nghiên cứu vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSCL trong tổ chức thực hiện, tập trung vào lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, qua đó làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo của các tỉnh ủy trong giai đoạn hiện nay.

Ngô Thị Lan Hương (2017), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo phát*

*triển nông nghiệp theo hướng bền vững từ năm 2001 đến năm 2013* [82]. Tác giả phân tích, đánh giá những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Đảng bộ thành phố Hà Nội. Quá trình Đảng bộ thành phố lãnh đạo phát triển theo hướng bền vững theo một hệ thống có tính lịch sử. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kinh nghiệm thực tiễn trong việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Đảng bộ thành phố trong thời gian tới

Bùi Văn Nghiêm (2018), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay* [108]. Tác giả đã trình bày những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; đánh giá thực trạng, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đến năm 2025

Đào Thanh Lương (2018), *Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn hiện nay* [96]. Luận án làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm trong việc các tỉnh ủy vùng Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới; từ đó đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, trọng tâm là nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của cấp ủy, đảng viên và nông dân.

Thào Xuân Sùng (2022), *“Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo định hướng Đại hội XIII của Đảng”* [125]. Tác giả phân tích những thành tựu và thách thức trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, qua đó đề xuất các giải pháp trọng tâm như cơ cấu lại nền kinh tế gắn với phát triển thị trường, đẩy mạnh nông nghiệp hàng hóa ứng dụng công nghệ cao, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị và thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Đoàn Minh Huấn (2022), “*Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn*” [75]. Bài viết làm rõ phát triển "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh" là tư duy mới về quản lý và phát triển "tam nông" của Đại hội Đảng lần thứ XIII. Để chuyển đổi căn bản từ quan niệm “tam nông” truyền thống sang tư duy phát triển “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” thì đột phá phải bắt đầu từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị gắn với phát huy dân chủ ở nông thôn.

Nguyễn Thị Lan Anh (2024), “*Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đổi mới*” [6]. Bài viết làm rõ quan điểm của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở vị trí chiến lược quan trọng, coi đó là cơ sở và lực lượng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Bài viết phân tích và sáng tỏ quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đổi mới. Từ đó chỉ ra một số vấn đề cần chú ý trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hiện nay.

### **1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

#### **1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án**

*Một là*, các nhà khoa học đã nghiên cứu và phân tích sự lãnh đạo của Đảng ở một số nước như: Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân cách mạng Lào; làm sáng tỏ các chính sách và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Đan Mạch, Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan, Israel.

*Hai là*, các công trình khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua nghiên cứu, các công trình đã đưa ra các khái niệm, vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; đề xuất các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với một số lĩnh vực đời sống xã hội; kết quả nghiên cứu của các công trình này có giá trị tham khảo quan trọng để thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án.

*Ba là*, các công trình khoa học liên quan đến Đảng lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã nghiên cứu một cách tương đối toàn diện về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp bền vững trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước. Các công trình đã nghiên cứu về những vấn đề mang tính chiến lược để phát triển nông nghiệp, nông thôn như vấn đề sử dụng đất đai, liên kết trong sản xuất; đề xuất các giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, phát triển nền nông nghiệp bền vững. Những nội dung này là nguồn tư liệu quý để tác giả luận án tham khảo thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án.

Các công trình nghiên cứu này đã góp phần cung cấp thêm những cứ liệu để tham khảo trong quá trình thực hiện luận án. Các công trình nghiên cứu có giá trị tham khảo tốt để tác giả luận án có cái nhìn khái quát từ lý luận đến thực tiễn những vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn và phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh, thành, khu vực, trong đó có vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững, vì vậy đây chính là khoảng trống khoa học mà luận án tập trung bổ sung và làm rõ.

### **1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

*Một là*, làm rõ khái niệm, nội dung phát triển bền vững; khái niệm, nội dung, vai trò của phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL; phân

tích, làm rõ khái niệm, nội dung, phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

*Hai là*, trên cơ sở lý luận về nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững, luận án tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong những năm qua, tìm ra nguyên nhân của ưu điểm, nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo. Khái quát những kinh nghiệm lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững.

*Ba là*, luận án đưa ra những dự báo thuận lợi và khó khăn có ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của các tỉnh ủy; đề xuất các giải pháp chủ yếu có tính khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

## **Chương 2**

# **CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

## **2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÁC TỈNH, ĐẢNG BỘ TỈNH, TỈNH ỦY VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

### **2.1.1. Khái quát tình hình các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long**

#### **2.1.1.1. Khái quát vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên**

*Về vị trí địa lý:*

Vùng ĐBSCL còn gọi là miền Tây Nam Bộ, là một phần của lãnh thổ Việt Nam, bao gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, liền kề nhau và có một số đặc điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử và dân cư, có mối quan hệ chặt chẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội góp phần vào sự phát triển toàn diện của quốc gia.

Vùng ĐBSCL có diện tích 39.734 km<sup>2</sup>, chiếm 12,2% diện tích cả nước, có vị trí địa - chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế và đối ngoại. Với địa hình bằng phẳng, hệ thống sông ngòi dày đặc, bờ biển dài 750km và vùng biển rộng lớn, nơi đây thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển và giao thương quốc tế. Khu vực này tiếp giáp với Campuchia, mở ra cơ hội hợp tác và giao lưu với các nước trong khu vực sông Mê Công. Do đó, ĐBSCL trở thành một trong những vùng đất thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trước tháng 7/2025, vùng ĐBSCL có 13 tỉnh, thành phố. Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (1/7/2025), vùng ĐBSCL gồm 5 tỉnh, thành phố: thành phố Cần Thơ (hợp nhất thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang); tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh); tỉnh Đồng Tháp (hợp nhất tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp); tỉnh Cà Mau (hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau); tỉnh An Giang (hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang).

ĐBSCL đa dạng về sinh thái, có vùng phù sa phì nhiêu, có núi, có rừng, có biển, có sông rạch chằng chịt, được cung cấp nước bởi các con sông lớn như sông Hậu, sông Tiền, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Cổ Chiên... Các đầm lầy cũng giúp cung cấp nước cho các vùng trồng lúa. Hệ thống này là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho nông nghiệp ở vùng ĐBSCL trở nên phát triển.

*Về địa hình đất đai:*

ĐBSCL có địa hình bằng phẳng, hầu hết có cao độ trung bình từ 0,7-1,2m. Dọc theo biên giới Campuchia cao hơn với cao độ từ 2,0-4,0m, sau đó thấp dần xuống trung tâm đồng bằng với cao độ 0,8-1,2m và chỉ còn 0,3-0,5m ở khu vực giáp triều và ven biển.

Vùng ĐBSCL có thổ nhưỡng tốt, gồm nhiều loại đất với ba nhóm đất chính: đất phù sa, đất nhiễm phèn, đất nhiễm mặn. Các loại đất đều thích hợp cho các loại cây trồng khác nhau như cây lúa, xoài, chuối, mía... Ngoài ba loại đất chính trên, vùng ĐBSCL còn có một số loại khác như đất xám trên phù sa cổ chạy dọc theo biên giới Việt Nam - Campuchia, đất đồi núi nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên, đất giồng cát và đất than bùn. Những loại đất này thích hợp cho một số cây lương thực và cây công nghiệp dài ngày.

Bên cạnh địa hình đồng bằng, vùng ĐBSCL có núi giữa đồng bằng, có biển và các đảo hình thành nên cấu trúc rừng ngập mặn ven biển. Diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp chiếm đa số, khoảng 3 triệu ha, diện tích sử dụng cho lâm nghiệp 0,5 triệu ha. Ở các vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên có khả năng mở rộng đất nông nghiệp khoảng 0,2 triệu ha, chủ yếu là các tiểu vùng nhiễm phèn. Đến nay, đã tháo phèn, tháo chua đưa vào sử dụng canh tác nông nghiệp. Với đất đai màu mỡ được phù sa bồi đắp hàng năm đã tạo điều kiện để nơi đây trở thành vùng kinh tế hỗn hợp nông - lâm - ngư nghiệp. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị giảm do quá trình đô thị hóa đã chuyển đất nông nghiệp thành đất dân cư, đất xây dựng cơ

bản và đất cho khu công nghiệp. Mặt khác, biến đổi khí hậu đã tác động, làm thay đổi cơ cấu đất, nhiều diện tích đất ven sông bị sạt lở, mặt đất bị sụt lún, nước mặn lấn sâu vào làm giảm độ phì nhiêu của đất... Vì vậy, muốn phát triển bền vững vùng ĐBSCL yêu cầu phải có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bố trí cây trồng thích hợp với điều kiện đất đai ở từng tiểu vùng.

*Về thời tiết khí hậu:*

Vùng ĐBSCL có đặc điểm khí hậu cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm và mưa nhiều. Trung bình, nhiệt độ trong năm dao động từ 24 đến 27°C. Điều đặc biệt là chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lại rất thấp. Điều kiện khí hậu của vùng ĐBSCL rất thích hợp cho việc canh tác nông nghiệp, thâm canh, tăng vụ. Khí hậu ẩm áp, với nhiều ngày nắng và độ ẩm cao giúp cho cây trồng phát triển tốt. Tuy nhiên diễn biến bất thường của biến đổi khí hậu đã tác động đến thời tiết của vùng, giữa hai mùa mưa, nắng không còn rõ rệt, nhiệt độ tăng, hạn hán kéo dài hơn.

Vùng ĐBSCL có hai mùa gió chính là gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Gió chướng với tốc độ đủ lớn từ biển thổi vào trùng hướng các sông lớn ở ĐBSCL tạo nước dâng kết hợp với triều cường làm mặn xâm nhập sâu hơn vào trong sông.

*Về đặc điểm thủy văn:*

Do đặc điểm địa hình và là hạ lưu sông Mê Công và lượng nước mưa vào mùa mưa lớn nên vùng ĐBSCL có nguồn nước ngọt dồi dào, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nơi đây cũng có điều kiện rất lớn phát triển ngành nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản với nguồn nước dồi dào, diện tích mặt nước ở các hệ thống sông rạch dày đặc nên nơi đây trở thành vùng có sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản lớn nhất cả nước.

Đặc điểm nổi bật của chế độ thủy văn vùng ĐBSCL là mùa lũ, do chịu tác động trực tiếp của dòng chảy thượng nguồn, chế độ triều biển Đông, triều vịnh Thái Lan và chế độ mưa nên hàng năm có lũ. Mùa lũ ở ĐBSCL bắt đầu vào tháng 6 và kết thúc vào tháng 11 hoặc tháng 12; lũ ở ĐBSCL có đặc điểm

là lên xuống chậm nhưng dù lũ nhỏ hay lớn đều có tác động rất lớn đến phát triển kinh tế của vùng.

Một đặc điểm khác của thủy văn ở vùng ĐBSCL là mùa hạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 6, tạo điều kiện mặn xâm nhập sâu. Trong một thập kỷ qua, vùng ĐBSCL đã trải qua 3 mùa khô có mức độ hạn, mặn rất nghiêm trọng là các năm 2015-2016, 2019-2020 và 2023-2024 [53].

Trước tác động của biến đổi khí hậu, sụt lún bờ sông, bờ biển, sụt lún đất, lũ lụt bất thường, nước biển dâng... gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông ngư nghiệp, cơ sở hạ tầng và đời sống người dân. Để khắc phục những hạn chế từ điều kiện tự nhiên, sự thay đổi do biến đổi khí hậu, cần nghiên cứu cơ bản có hệ thống, đầu tư đồng bộ, có giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy vùng ĐBSCL phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

#### ***2.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long***

*Về cơ cấu kinh tế:*

Cơ cấu kinh tế ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL theo hướng nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ, có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Thời gian qua, cơ cấu kinh tế trong toàn vùng tuy có chuyển biến nhưng vẫn phản ánh hiện trạng kinh tế với nông nghiệp là cơ bản, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ, xu hướng tăng chậm.

Đặc điểm lớn của lao động vùng ĐBSCL là theo mùa vụ, giờ lao động trong ngày chưa bảo đảm, đa số tập trung ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Yêu cầu cấp bách và có tính chiến lược là các tỉnh phải thúc đẩy nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng lao động nông nghiệp, tạo ra nhiều việc làm, thay đổi tư duy, nhận thức cho người lao động.

*Về dân số và lao động:*

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, dân số trung bình vùng ĐBSCL năm 2024 là hơn 17,4 triệu người, chiếm 23% dân số cả nước. Trong đó có

82% dân số ở nông thôn, 18% dân số ở thành thị. Dân số trong độ tuổi lao động trung bình một hộ nông dân ở ĐBSCL cao hơn mức bình quân chung của cả nước là 0,5 nhân khẩu/hộ [158]. Dân cư ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL phân bố không đều, chủ yếu tập trung trên các tuyến giao thông chính, tập trung theo ven sông và phân bố chênh lệch, không đồng đều giữa các tỉnh dẫn đến hiện tượng thừa, thiếu lao động ở các tỉnh. Trong những năm gần đây, vấn đề di dân ở vùng ĐBSCL diễn ra mạnh mẽ, phản ánh những biến động sâu sắc về kinh tế - xã hội và điều kiện sinh kế của người dân.

*Về đặc điểm văn hóa - xã hội:*

Trước tháng 7/2025, các đơn vị trực thuộc tỉnh, thành phố được phân loại gồm 18 thành phố (thuộc tỉnh), có 5 quận, 11 thị xã, 100 huyện và 1.605 xã, phường, thị trấn. Trong đó, thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế văn hóa của vùng này. Sau khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập từ tháng 7/2025, vùng ĐBSCL hiện có 399 xã, 93 phường, 3 đặc khu [xem phụ lục 11].

Các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL là nơi tụ cư của nhiều dân tộc, trong đó có 4 dân tộc chủ yếu là: Kinh, Hoa, Khmer và Chăm. Vùng có nét văn hoá đặc thù và bản sắc văn hoá sông nước, các điểm quần cư nông thôn gắn với hệ thống kênh rạch, “sống chung với lũ” và phương thức khai thác các sản vật mùa khô và mùa nước nổi rất đặc sắc.

Nơi đây có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa Hảo, Cao đài và Hồi giáo.

Trên địa bàn có nhiều cơ quan, tổ chức khoa học, giáo dục gồm các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng. Trong đó có nhiều viện, trung tâm nghiên cứu về nông nghiệp như Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, Viện cây ăn quả miền Nam, Viện Kỹ thuật nông nghiệp,...

*Về an ninh - quốc phòng:*

Các tỉnh vùng ĐBSCL có đường biên giới đất liền giáp Campuchia gần 400km. Trên tuyến biên giới còn một số điểm chưa hoàn thành phân giới,

cắm mốc; hoạt động kinh doanh buôn bán hai bên biên giới diễn ra sôi động, nhiều phức tạp, tội phạm buôn lậu ở khu vực biên giới chưa được ngăn chặn triệt để.

Do có vị trí chiến lược quan trọng nên vùng ĐBSCL cũng là một trong những trọng điểm mà các thế lực thù địch ra sức tấn công phá hoại, chúng thường lợi dụng khoét sâu vào vấn đề tôn giáo, dân tộc và lịch sử hình thành của vùng đất Nam Bộ để kích động gây thù hằn dân tộc, chia rẽ đoàn kết dân tộc trong nước. Vấn đề phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội cũng nhiều khó khăn. Đặc biệt là bên kia biên giới, xuất hiện các dịch vụ đánh bạc dưới hình thức casino, thu hút nhiều thanh niên ở các tỉnh trong vùng.

Các vấn đề an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia và an ninh biên giới, an ninh nguồn nước và môi trường, an ninh lương thực và nông nghiệp,... đòi hỏi liên kết vùng để ứng phó. Các tỉnh trong vùng đã nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý để xử lý kịp thời, có hiệu quả các vụ việc phát sinh; đấu tranh phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm, từng bước xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, góp phần giữ vững và ổn định an ninh - quốc phòng trong vùng.

### ***2.1.1.3. Đặc điểm, vị trí, vai trò của nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long***

Vùng ĐBSCL với vai trò là trung tâm nông nghiệp quan trọng, sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, đặc biệt là lúa gạo, thủy sản và cây ăn trái. Phương thức sản xuất tại đây đang chuyển biến từ truyền thống sang hiện đại, với việc tăng cường cơ giới hoá, áp dụng công nghệ cao, canh tác thông minh và nông nghiệp tuần hoàn. Sản xuất hàng hóa quy mô lớn ngày càng phổ biến, thông qua các mô hình cánh đồng lớn, hợp tác xã kiểu mới, cùng sự liên kết chặt chẽ giữa nông dân, doanh nghiệp và các đơn vị tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

Vùng ĐBSCL đóng góp trên 33% GDP nông nghiệp cả nước và 30% GDP của vùng. Diện tích gieo trồng lúa năm 2022 là 3802,7 nghìn ha; năm 2023 là 3838,7 nghìn ha; năm 2024 là 3858,5 nghìn ha [xem phụ lục 9]. Vùng ĐBSCL đứng đầu cả nước về sản lượng lúa gạo, thủy sản và trái cây. Đây là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước với nhiều loại hoa quả nhiệt đới: xoài, dứa, cam, bưởi, sầu riêng, mít, thanh long, quýt... Về cây ăn trái, ước sản lượng các loại cây ăn trái chính toàn vùng ĐBSCL năm 2024 đạt gần 5,5 triệu tấn [160]. Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh, nhất là ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh nay thuộc tỉnh Cà Mau, Vĩnh Long. Nghề nuôi trồng thủy sản, đặc biệt nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu, đang phát triển mạnh, nhiều nhất là các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau nay là tỉnh An Giang, Cà Mau. Năm 2024, nuôi trồng thủy sản toàn vùng là 4.147.767 tấn. Lâm nghiệp giữ vị trí quan trọng, đặc biệt là trồng rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau. Các địa phương tích cực bảo vệ sự đa dạng sinh học và môi trường sinh thái rừng ngập mặn.

Vùng ĐBSCL đóng góp 56% sản lượng lúa gạo (24,5 triệu tấn), 98% sản lượng cá tra (1,41 triệu tấn) và 60% các loại trái cây cả nước (4,3 triệu tấn), 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% lượng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam [10].

Theo Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), đến hết năm 2024, các giống lúa phổ biến ở ĐBSCL, gồm OM18 có diện tích 1014.742 ha, Đài thơm 8 là 781.231 ha, OM5451 là 634.902 ha, IR4625 là 264.645 ha, DDS1 là 154.807 ha. [53]

Trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, vùng ĐBSCL đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện qua việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung vào các nhóm sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh như thủy sản, cây ăn trái và lúa gạo chất lượng cao. Quá trình này không chỉ

góp phần định hình các vùng chuyên canh quy mô lớn mà còn thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Nhờ đó, giá trị hàng hóa nông sản ngày càng được nâng cao cả về chất lượng lẫn số lượng, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Đồng thời, thành quả này cũng tạo động lực cải thiện rõ nét đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn trong vùng, đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.

Bên cạnh việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL được gắn kết chặt chẽ với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa ở từng tiểu vùng sinh thái. Sự phối hợp này nhằm phát huy hiệu quả tổng hợp các nguồn lực, đồng thời thúc đẩy mối liên kết giữa khu vực đô thị và nông thôn trong hoạt động nghiên cứu, đào tạo nhân lực, chuyển giao khoa học công nghệ và phát triển chuỗi giá trị nông sản. Song song đó, các tỉnh đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong các khâu quan trọng như tạo giống, sản xuất thức ăn, chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch; tăng cường canh tác bền vững bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Nông nghiệp vùng ĐBSCL có vị trí hết sức quan trọng trong việc bảo đảm an ninh lương thực và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Là khu vực sản xuất lúa gạo lớn nhất cả nước, nông nghiệp của vùng đóng góp đáng kể vào GDP quốc gia không chỉ thông qua sản lượng nông, thủy sản mà còn thông qua việc tạo động lực phát triển cho ngành công nghiệp chế biến và hoạt động xuất khẩu. Với vai trò là trụ cột của an ninh lương thực quốc gia, điều này đặt ra yêu cầu phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy nhằm hướng tới phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Nhìn chung nông nghiệp vùng ĐBSCL có xuất phát điểm thấp lại chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, dịch bệnh xảy ra thường xuyên; địa hình chia cắt, hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, địa

chất công trình yếu, chi phí đầu tư hạ tầng, nhất là công trình thủy lợi đầu mối rất lớn.

Được sự quan tâm hỗ trợ từ Trung ương, việc triển khai chính sách khuyến khích thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tại vùng ĐBSCL đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các tỉnh ủy đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất. Đồng thời, tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

## **2.1.2. Các đảng bộ tỉnh và tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

### **2.1.2.1. Các đảng bộ tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Vùng ĐBSCL trước khi sáp nhập có 12 tỉnh và 01 thành phố, toàn vùng gồm 13 đảng bộ cấp tỉnh, tương ứng với 13 tỉnh ủy, thành ủy và 13 ban thường vụ. Cơ cấu tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh bao gồm: các đảng bộ cấp huyện; đảng bộ khối (gồm khối cơ quan và khối doanh nghiệp của tỉnh, thành phố); đảng bộ quân sự; đảng bộ công an; cùng các đảng bộ ngành như ngân hàng, kho bạc, bảo hiểm xã hội, hải quan, bộ đội biên phòng ở cấp tỉnh, thành phố; bên cạnh đó còn có các đảng đoàn và ban cán sự đảng cấp tỉnh. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, toàn vùng có 642 cấp ủy viên cấp tỉnh, trong đó 187 đồng chí là ủy viên ban thường vụ, với tổng số 616.285 đảng viên.

Sau khi thực hiện sáp nhập, ĐBSCL có 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 04 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương, tương ứng với 05 đảng bộ cấp tỉnh và 05 ban thường vụ tỉnh, thành ủy. Toàn vùng có 518 tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long là địa phương có số lượng tổ chức trực thuộc lớn nhất với 128 tổ chức; Đảng bộ tỉnh Cà Mau có quy mô nhỏ nhất, chỉ với 68 tổ chức. Tính đến tháng 11/2025, tổng số đảng viên trong 05 đảng bộ cấp tỉnh khoảng 672.473 đồng chí; riêng

Vĩnh Long có số lượng đảng viên đông nhất với hơn 152.000 đồng chí. [*xem phụ lục 7*]

Nhiệm vụ của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL là lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội: Kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại và công tác xây dựng nội bộ đảng; lãnh đạo chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH, các tổ chức kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua, tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, các đảng bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc duy trì nền nếp sinh hoạt và công tác, phát huy tinh thần chủ động, tích cực của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nội dung lãnh đạo của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và điều kiện cụ thể ở địa phương. Phương thức lãnh đạo của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL từng bước được đổi mới. Đảng bộ các tỉnh ở vùng ĐBSCL coi trọng lãnh đạo hệ thống chính trị, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo đối với chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH. Nội dung lãnh đạo bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Các đảng bộ tỉnh có mối quan hệ đoàn kết, gắn bó với nhau, thường xuyên trao đổi, hướng dẫn, giúp đỡ nhau và cùng nhau giải quyết những vấn đề khó khăn.

#### ***2.1.2.2. Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - Chức năng, nhiệm vụ, vai trò, đặc điểm***

##### ***Thứ nhất, chức năng của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL***

Tỉnh ủy là từ gọi tắt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh bầu ra, là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội. Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội XI quy định: “Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên.

Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương xác định: Cấp ủy cấp tỉnh là cấp ủy trực thuộc Ban

Chấp hành Trung ương Đảng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tỉnh ủy vùng ĐBSCL được hiểu là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ các tỉnh vùng ĐBSCL giữa hai kỳ đại hội.

Căn cứ Quy định số 305-QĐ/TW thì chức năng của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL là lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện tất cả hoạt động trong Đảng bộ và trên địa bàn tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Tỉnh ủy lãnh đạo đảng bộ thực hiện các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương.

Như vậy, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL có các chức năng sau:

*Một là*, tỉnh ủy thực hiện chức năng xây dựng Đảng và xây dựng đảng bộ tỉnh.

Tỉnh ủy tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đảng về công tác xây dựng Đảng, cụ thể hóa và lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết ấy trong toàn đảng bộ tỉnh. Trên cơ sở tình hình thực tế của các đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy xây dựng, ban hành và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết xây dựng đảng bộ tỉnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ nhằm xây dựng đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh.

Thực hiện chức năng xây dựng Đảng, các tỉnh ủy đặc biệt quan tâm đến chức năng kiểm tra, giám sát. Đây là chức năng quan trọng giúp cho sự lãnh đạo của các tỉnh ủy được đúng đắn và kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình lãnh đạo.

*Hai là*, tỉnh ủy lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đối với hệ thống chính trị, tỉnh ủy giữ vai trò lãnh đạo tuyệt đối. Đối với lãnh đạo chính quyền, tỉnh ủy không can thiệp quá sâu, không bao biện, làm thay chính quyền mà sử dụng các phương thức đối với từng tổ chức, từng lĩnh vực đời sống xã hội. Một trong những trọng tâm lãnh đạo của các tỉnh ủy là phát huy vai trò, chủ động sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy và nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh trong từng nhiệm kỳ.

Trong lãnh đạo kinh tế - xã hội, các vấn đề cấp bách, tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có chức năng lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đây là lĩnh vực trọng yếu trong sự lãnh đạo của tỉnh ủy, bởi đây là lĩnh vực đem lại nguồn thu nhập chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế và là định hướng cho sự phát triển bền vững của vùng ĐBSCL.

*Ba là*, tỉnh ủy góp phần xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua đề xuất, kiến nghị Ban Chấp hành trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương.

Tỉnh ủy thực hiện chức năng này thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện các đường lối, nghị quyết, quy định, quyết định của Đảng, kịp thời kiến nghị, đề xuất những bất cập khi triển khai thực hiện và những điểm không phù hợp với thực tiễn của từng địa phương. Thông qua những cán bộ chủ chốt của tỉnh ủy trực tiếp hoặc gián tiếp đề xuất với Đảng, Nhà nước các ý kiến tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật. Thông qua các đại biểu Quốc hội là các đồng chí tỉnh ủy viên trực tiếp tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Những chức năng nêu trên của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL quan hệ mật thiết với nhau. Thực hiện tốt ba chức năng đó, bảo đảm cho tỉnh ủy hoạt động

có chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

***Thứ hai, nhiệm vụ của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL***

Căn cứ Điều lệ Đảng, Quy định số 305-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 13/6/2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương và quy chế làm việc của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL, tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

Tỉnh ủy lãnh đạo cụ thể hoá các chủ trương, biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm của cấp ủy; quy chế làm việc của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh. Căn cứ nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, tỉnh ủy ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của tỉnh ủy. Tổ chức triển khai thực hiện thí điểm các chủ trương, mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương.

Tỉnh ủy lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; thực hiện các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

Tỉnh ủy quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền. Lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn

tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, hợp nhất các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc; quyết định chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng theo thẩm quyền và theo quy định, hướng dẫn của cấp trên. Lãnh đạo, cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính, thực hiện quy trình, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới, đổi tên đơn vị hành chính theo chủ trương của cấp trên và quy định của pháp luật. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức đảng trực thuộc trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

Tỉnh uỷ lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị, quyết định công tác cán bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương và địa phương về phân cấp quản lý cán bộ. Báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tỉnh uỷ xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại địa phương trên cơ sở căn cứ định hướng của Trung ương; chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ cấp tỉnh, hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có).

Tỉnh uỷ thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Cho ý kiến về kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm của Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác nội chính, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên và giải quyết vấn đề đảng tịch theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, nâng cao vai trò của MTTQ, các tổ chức CT - XH trong việc giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng do HĐND cấp tỉnh quyết định. Xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch dài hạn và trung hạn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

Tỉnh uỷ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; đề cao cảnh giác, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

Tỉnh uỷ quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của cấp uỷ và đảng bộ theo thẩm quyền; xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính đảng hằng năm và cuối nhiệm kỳ; thực hiện việc xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị cấp uỷ cấp tỉnh; quyết định những vấn đề quan trọng khác do ban thường vụ trình.

Tỉnh uỷ thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

### ***Thứ ba, vai trò của các tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long***

Tỉnh uỷ có vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo phát triển mọi mặt của các tỉnh, mà trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau đây:

*Một là*, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL giữ vai trò trung tâm trong việc trong việc hoạch định phương hướng chiến lược và lãnh đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương, gắn chặt với yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Với vai trò là cơ quan lãnh đạo chính trị cao nhất cấp tỉnh, tỉnh ủy có trách nhiệm nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, từ đó cụ thể hóa thành các định hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương trong vùng.

Trên cơ sở đó, các tỉnh ủy lãnh đạo quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút các nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Sự chỉ đạo của tỉnh ủy góp phần định hướng đúng đắn con đường phát triển, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế đặc thù của mỗi địa phương, qua đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đồng thời, tỉnh ủy còn giữ vai trò chủ đạo trong việc lãnh đạo thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, gắn với tạo việc làm ổn định và cải thiện thu nhập cho người dân.

Đặc biệt, trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và thị trường nhiều biến động, tỉnh ủy là lực lượng chịu trách nhiệm cao nhất trong việc chỉ đạo, điều hành, kịp thời ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch bệnh, biến động giá cả và các rủi ro trong sản xuất, kinh doanh, góp phần bảo đảm ổn định đời sống nhân dân và giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

*Hai là*, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thể hiện vai trò nòng cốt trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Với vai trò trung tâm lãnh đạo ở địa phương, các tỉnh ủy chủ động quán triệt, triển khai và cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết, kết luận của Trung ương

về công tác tổ chức và cán bộ, bảo đảm phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của từng địa phương trong vùng.

Bên cạnh đó, các tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo toàn diện công tác chính trị, tư tưởng và đạo đức, tăng cường bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, năng lực thực tiễn và ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương và đóng góp vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ chiến lược của Đảng, Nhà nước. Đồng thời, các tỉnh ủy đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức đảng.

Nhờ sự lãnh đạo đồng bộ và quyết liệt đó, hệ thống chính trị ở các địa phương trong vùng ngày càng được củng cố, vận hành ổn định, đoàn kết, đủ năng lực tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thúc đẩy xây dựng nền nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Ba là*, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL giữ vai trò quan trọng trong việc tổng kết thực tiễn và tham gia đóng góp vào quá trình xây dựng, hoàn thiện chủ trương, đường lối, chính sách của Trung ương, trong đó có những chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp.

Với đặc thù là vùng chịu tác động sâu sắc của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xu hướng di cư lao động, ĐBSCL là địa bàn thực tiễn sinh động để kiểm nghiệm hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, các tỉnh ủy trong vùng đã cung cấp nhiều luận cứ quan trọng phục vụ công tác tham mưu, đề xuất chính sách phát triển vùng. Thông qua các hình thức như báo cáo tổng kết, kiến nghị chính sách, tham gia góp ý xây dựng nghị quyết của Trung ương, các tỉnh ủy phản ánh trung thực những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chiến lược, chương trình phát triển vùng ĐBSCL. Những đóng góp này đặc biệt có ý nghĩa trong các lĩnh vực then chốt như phát triển

nông nghiệp, quản lý tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường liên kết vùng. Qua đó, vai trò của tỉnh ủy không chỉ thể hiện tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo địa phương, mà còn khẳng định vị trí cầu nối quan trọng giữa Trung ương và cơ sở trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, nhất là trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL hiện nay.

***Thứ tư, đặc điểm các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long***

*Một là, đặc điểm về cơ cấu của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL*

Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL qua các nhiệm kỳ gần đây đã có sự tinh gọn, trẻ hoá, bảo đảm về cơ cấu và ngày càng nâng cao trình độ.

Qua số liệu thống kê về cơ cấu, trình độ của các tỉnh ủy trong vùng cho thấy, trong hai nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025, tổng số tỉnh ủy viên toàn vùng đã giảm từ 683 người xuống còn 642 người (giảm 41 người) thể hiện sự nỗ lực thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả [xem phụ lục 4,5]. Theo số liệu từ tháng 11/2025, thống kê tỉnh ủy viên, thành ủy viên, ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh vùng ĐBSCL nhiệm kỳ 2025-2030 sau sáp nhập có tổng số cấp uỷ viên là 332 đồng chí, uỷ viên Ban Thường vụ là 90 đồng chí. [phụ lục 6]

Về độ tuổi, đội ngũ cấp ủy tỉnh tiếp tục trẻ hóa, trong đó nhóm cán bộ dưới 45 tuổi duy trì chiếm khoảng 27-28%, nhóm từ 46 - 50 tuổi giảm từ 28,84% xuống 27,25% [xem phụ lục 5]. Qua đó cho thấy chủ trương bảo đảm cơ cấu độ tuổi trong cấp uỷ được quan tâm thực hiện, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các tỉnh trong vùng. Tuy nhiên, độ tuổi trung bình vẫn ở mức cao (trên 43 tuổi) đã phản ánh yêu cầu đảm bảo kinh nghiệm, năng lực thực tiễn đối với các chức danh cấp tỉnh.

Bên cạnh việc giảm về số lượng, trẻ hoá về độ tuổi, cơ cấu giới tính trong cấp uỷ viên cấp tỉnh cũng được thực hiện và đạt kết quả. Tỷ lệ nữ cấp

ủy viên tăng từ 83/683 người (chiếm 12,15%) lên 100/642 người (chiếm 15,58%) [*xem phụ lục 4,5*], thể hiện sự chú trọng của Đảng trong việc phát huy vai trò của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị. Đây là kết quả của việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

Ngoài ra, điểm nổi bật trong nhiệm kỳ 2020-2025 là trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các tỉnh ủy viên được nâng cao. Số lượng cán bộ có trình độ sau đại học tăng đáng kể, từ 183 thạc sĩ và 33 tiến sĩ (nhiệm kỳ 2015-2020) lên 296 thạc sĩ và 37 tiến sĩ (nhiệm kỳ 2020-2025) [*xem phụ lục 4,5*]. Qua đó cho thấy các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL rất chú ý đến đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cấp ủy viên. Tuy nhiên, so với các khu vực còn lại trên cả nước thì trình độ của tỉnh ủy viên ở vùng ĐBSCL vẫn còn thấp, trình độ cử nhân vẫn còn chiếm đa số.

Qua hai nhiệm kỳ đại hội 2015 - 2020 và 2020 - 2025, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cấp ủy cấp tỉnh cũng được nâng cao rõ rệt. Cụ thể, số lượng cán bộ có trình độ cao cấp lý luận chính trị tăng từ 418 lên 473 người, trong khi số cử nhân lý luận chính trị giảm mạnh từ 527 xuống còn 180 người [*xem phụ lục 4,5*]. Đây là kết quả trực tiếp của việc chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ theo Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 và Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ.

Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh là người dân tộc thiểu số qua hai nhiệm kỳ tăng từ 20 lên 23 người. Mặc dù số lượng tỉnh ủy viên là người dân tộc chưa nhiều nhưng phản ánh nỗ lực của cấp ủy các tỉnh trong việc thực hiện chính sách cán bộ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là ở các tỉnh có đông đồng bào Khmer như Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang và Kiên Giang.

Việc bố trí, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số có trình độ, có uy tín tham gia cấp ủy các cấp là giải pháp quan trọng để tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Từ những số liệu trên có thể khẳng định rằng, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cấp tỉnh ở các tỉnh, thành vùng ĐBSCL trong những năm qua đạt nhiều thành tựu. Việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và phát triển cán bộ là người dân tộc thiểu số cho thấy tính chủ động của cấp ủy các tỉnh, thành phố trong việc quán triệt, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác cán bộ. Đây chính là cơ sở quan trọng để các tỉnh trong vùng nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng trong tình hình mới.

*Hai là, đặc điểm về chất lượng tỉnh ủy viên.*

Tỉnh ủy viên ở vùng ĐBSCL có tinh thần đoàn kết, kế thừa truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất, có ý chí vươn lên khắc phục khó khăn trong công việc và cuộc sống của các tỉnh ủy viên ở vùng ĐBSCL. Tính năng động, sáng tạo trong phát triển kinh tế, xây dựng quê hương, đất nước của các thế hệ tỉnh ủy được tiếp tục kế thừa.

Đa số các tỉnh ủy viên ở vùng ĐBSCL trưởng thành từ thực tiễn, hoà mình vào đời sống văn hoá, xã hội vùng đồng bằng, sông nước tạo nên phong cách đặc trưng với những tính cách và cá tính thể hiện trong giải quyết công việc và trong cuộc sống. Đặc biệt là có kinh nghiệm trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp.

*Ba là, đặc điểm về nội dung lãnh đạo*

Các tỉnh ủy thực hiện tốt sự chỉ đạo của Trung ương, cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Trung ương bằng các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Xuất phát từ vai trò của nông nghiệp đối với địa phương và thế mạnh của các tỉnh ở vùng ĐBSCL là sản xuất nông nghiệp nên các tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn với nhiều nghị quyết,

chương trình, đề án. Tỉnh uỷ các tỉnh lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế theo hướng bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái đã tạo khí thế mới trong phát triển kinh tế vùng ĐBSCL.

Các tỉnh uỷ chú trọng lãnh đạo an ninh - quốc phòng trong tình hình mới, xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong nội dung lãnh đạo. ĐBSCL là vùng có vị trí chiến lược lại có đường biên giới Tây Nam là điều kiện để nhiều đối tượng lợi dụng xâm nhập và tuyên truyền trong dân để chống phá chính quyền cách mạng. Vì vậy, lãnh đạo bảo đảm an ninh quốc gia trên tuyến biên giới, bảo vệ nhân dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc là những nội dung lãnh đạo trọng yếu, thường xuyên của các tỉnh uỷ.

*Bốn là, đặc điểm về phương thức lãnh đạo*

Trong quá trình lãnh đạo, các tỉnh uỷ đều tuân theo những nguyên tắc hoạt động của Đảng, bảo đảm thực hiện sáng tạo các phương thức lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động; lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục; lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.

Cư dân ở vùng ĐBSCL hình thành từ quá trình tụ cư lâu dài, từ nhiều vùng, miền khác nhau sinh cơ lập nghiệp nhưng đều thích ứng với điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất nông nghiệp lúa nước. Qua quá trình biến đổi đời sống văn hóa, tinh thần giàu bản sắc sông nước đã hình thành nên người dân ở vùng ĐBSCL với những tính cách như chất phác, thật thà, trọng tình nghĩa, đoàn kết, giản dị, năng động, sáng tạo... Những đặc trưng tính cách đó tác động sâu sắc đến các cán bộ, đảng viên, trong đó có các tỉnh uỷ viên. Xuất phát từ sự tương đồng, tinh thần đoàn kết nên giữa các tỉnh uỷ có sự phối hợp chặt chẽ, gắn bó nhau, cùng bàn bạc, thảo luận để giải quyết những khó khăn, vướng mắc hướng đến sự phát triển chung của vùng.

Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo bằng việc nêu gương, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Sự giản dị trong lối sống, chân thành trong suy nghĩ, trung thực trong công việc, thật thà trong ứng xử của những cán bộ lãnh đạo là những phẩm chất quan trọng để nêu gương cho đảng viên và nhân dân.

## **2.2. CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - QUAN NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ**

### **2.2.1. Quan niệm các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững**

#### ***2.2.1.1. Quan niệm phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng đồng bằng sông Cửu Long***

##### *Khái niệm nông nghiệp*

Trong lịch sử xã hội loài người, nông nghiệp giữ vai trò rất quan trọng và có lịch sử từ rất lâu đời, cùng với việc con người từ bỏ phương thức săn bắn, hái lượm để tồn tại thì các hoạt động nông nghiệp cũng theo đó xuất hiện. Với vai trò thiết yếu trong việc bảo đảm an ninh lương thực và duy trì sự phát triển bền vững của cộng đồng, nông nghiệp luôn được xem là ngành kinh tế truyền thống. Xét về phạm vi, nông nghiệp theo nghĩa hẹp bao gồm các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Trong khi đó, ở nghĩa rộng hơn, nông nghiệp còn bao hàm cả hai ngành có mối liên hệ chặt chẽ là lâm nghiệp và thủy sản.

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản, giữ vai trò to lớn trong phát triển kinh tế ở hầu hết các nước, nhất là các nước đang phát triển. Các nước này do nền kinh tế còn lạc hậu, đại bộ phận dân cư sống bằng nghề nông nên nông nghiệp còn phổ biến và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nền kinh tế. Trong hiện tại và tương lai các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ có thể phát triển ở trình độ cao, khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên bộ không ngừng,

song trong mọi hoàn cảnh thì lương thực, thực phẩm vẫn mãi giữ vai trò thiết yếu đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của con người.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư: “Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội; sử dụng đất đai để trồng trọt, chăn nuôi; khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Là một ngành sản xuất lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản; theo nghĩa rộng, còn bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản” [100].

Như vậy, có thể hiểu nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội; sử dụng đất đai để trồng trọt, chăn nuôi; khai thác cây trồng, vật nuôi làm nguyên liệu chủ yếu để tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Nông nghiệp cũng là một ngành sản xuất lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản; theo nghĩa rộng, còn bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản.

#### *Quan niệm phát triển bền vững*

Khái niệm phát triển bền vững được sử dụng phổ biến rộng rãi từ năm 1987 khi Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (WCED) của Liên Hiệp Quốc đưa ra trong báo cáo Tương lai của chúng ta. Theo đó: “Phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai” [98]. Quan niệm về phát triển bền vững trên bình diện quốc tế có sự thống nhất chung và mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững trở thành mục tiêu thiên niên kỷ.

Trong Luật bảo vệ môi trường năm 2014, Việt Nam quan niệm: “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường” [98]. Phát triển bền vững vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc sống còn của quá trình phát triển, tiến tới xã hội văn minh, hiện đại.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách, đề án nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo động lực phát triển vùng ĐBSCL. Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu đã xác định tầm nhìn đến năm 2100 là ĐBSCL phát triển bền vững, an toàn, thịnh vượng, trên cơ sở phát triển phù hợp nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; hệ thống cơ sở hạ tầng được quy hoạch, phát triển đồng bộ, hiện đại theo hướng chủ động, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn trước thiên tai; tài nguyên thiên nhiên được sử dụng hợp lý; đa dạng sinh học và truyền thống văn hóa lịch sử được duy trì và tôn tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao.

Đại hội XIII của Đảng đã chủ trương phát triển bền vững nói chung và phát triển bền vững vùng ĐBSCL nói riêng. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định mục tiêu phát triển kinh tế vùng, đặt ra các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp bền vững.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn nhằm tạo chuyển biến có tính đột phá trong phát huy mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế của vùng ĐBSCL, ngày 02/4/2022 Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy con người là trung tâm, tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi; tôn trọng quy luật tự nhiên; phù

hợp với điều kiện thực tế của vùng; chú trọng bảo tồn, tôn tạo, phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái tự nhiên. Tăng cường và đổi mới liên kết vùng, hoàn thiện thể chế, chính sách điều phối phát triển vùng hiệu quả, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa vùng với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; mở rộng kết nối với các nước trong khu vực ASEAN, đặc biệt là các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông.

*Khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Phát triển nông nghiệp bền vững là nội dung lớn trong mục tiêu phát triển bền vững nói chung, giúp bảo đảm an ninh lương thực, duy trì môi trường sinh thái, giữ vững ổn định chính trị và môi trường xã hội nông thôn, bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội. Với ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt, phát triển nông nghiệp bền vững luôn nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học, nhà quản lý. Nhà nông nghiệp học Richard R. Harwood, nguyên là Giám đốc Viện phát triển nông nghiệp quốc tế Winrock khu vực châu Á cho rằng: Nông nghiệp bền vững là một nền nông nghiệp trong đó các hoạt động của các tổ chức kinh tế từ việc lập kế hoạch, thực hiện và quản lý các quá trình sản xuất, kinh doanh nông nghiệp đều hướng đến việc bảo vệ và phát huy lợi ích của con người và xã hội trên cơ sở duy trì và phát triển nguồn lực, tối thiểu hóa lãng phí để sản xuất một cách hiệu quả các sản phẩm nông nghiệp và hạn chế tác hại môi trường, trong khi duy trì và không ngừng nâng cao thu nhập cho dân cư nông nghiệp [115].

Theo quan niệm trên, nội dung của nông nghiệp bền vững đề cập đến ba khía cạnh đó là kinh tế, tự nhiên và xã hội. Đối với tự nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững sẽ tác động hợp lý tới đất đai, nguồn nước, khí hậu nhằm giảm thiểu tác hại tới môi trường, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Trên lĩnh vực kinh tế, phát triển nông nghiệp bền vững sẽ góp phần giảm thiểu chi

phí đầu vào, nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho các cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp trên cơ sở đáp ứng tốt nhất nhu cầu nông sản ngày càng cao của con người cả về chất lượng và số lượng. Trên khía cạnh xã hội, nông nghiệp bền vững xuất phát từ những lợi ích của dân cư nông nghiệp, của con người và toàn xã hội.

Theo Tổ chức Nông lương của Liên Hợp quốc (FAO) cho rằng phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, định hướng thay đổi công nghệ và thể chế để đạt được sự phát triển trong nông nghiệp nhằm đáp ứng được nhu cầu của con người ở hiện tại và tương lai. Sự phát triển đó đi liền với bảo tồn đất, nước, thực vật và nguồn gen động vật, môi trường không xuống cấp, phù hợp về mặt kỹ thuật, hiệu quả kinh tế và sự đồng thuận xã hội. Khái niệm này của FAO nhấn mạnh đến việc quản lý hiệu quả các nguồn lực của tự nhiên dựa trên việc phát triển công nghệ và sự hoàn thiện thể chế nhằm đạt được mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững với nội dung là kinh tế hiệu quả, kỹ thuật phù hợp, xã hội đồng thuận, tài nguyên nông nghiệp và môi trường sống được bảo vệ [170].

Theo tác giả Đỗ Kim Chung và cộng sự: “Phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình đảm bảo hài hoà ba nhóm mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, thoả mãn nhu cầu về nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của tương lai”. Quan niệm này của tác giả nhấn mạnh đến sự hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường; giữa nhu cầu hiện tại và tương lai [30]. Theo đó, đặc trưng của nông nghiệp bền vững là năng suất, hiệu quả, ổn định và công bằng. Nội dung của phát triển nông nghiệp bền vững là tăng năng suất nông nghiệp một cách bền vững và ổn định; phân phối công bằng sản phẩm và tài nguyên nông nghiệp; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; làm tăng sự công bằng giữa các thế hệ và hoàn thiện chất lượng cuộc sống.

Trong Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã định nghĩa phát triển nền nông nghiệp

bền vững là “đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng,... trong sản xuất” [130].

Trên cơ sở kế thừa các quan niệm về phát triển nông nghiệp bền vững, có thể hiểu rằng: Phát triển nông nghiệp bền vững là sự phát triển kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển.

*Từ những khái niệm trên có thể hiểu, phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL là sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với việc giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội đặc thù của vùng, bảo vệ tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái và môi trường; đồng thời chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân trong vùng và ổn định an ninh lương thực quốc gia.*

Như vậy, mục tiêu của phát triển nông nghiệp bền vững là kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba trụ cột: tăng trưởng kinh tế bền vững; giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. ĐBSCL là vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp của cả nước, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu nông sản. Tuy nhiên, khu vực này đang chịu tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu như nước biển dâng, xâm nhập mặn, hạn hán và sạt lở đất,... làm gia tăng rủi ro cho sản xuất nông nghiệp và sinh kế của người dân. Do đó, để thực hiện được mục tiêu này phải khắc phục những thách thức không nhỏ đó chính là mâu thuẫn giữa tăng trưởng nông nghiệp nhanh với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và giải quyết vấn đề xã hội nảy sinh trong nông nghiệp. Trong bản thân mỗi khía cạnh phát triển nông nghiệp bền vững đều có mục tiêu cần đạt được, đó là duy trì được tốc độ tăng trưởng nhanh và hiệu quả; giải quyết vấn đề việc

làm, thu nhập, xóa đói giảm nghèo...; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

*Nội dung phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Phát triển nông nghiệp bền vững gồm các nội dung chính sau:

*Thứ nhất, phát triển bền vững về kinh tế.* Duy trì tính hiệu quả và lợi nhuận của ngành nông nghiệp theo thời gian, đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng cao của con người về các sản phẩm nông nghiệp.

Trên phương diện kinh tế, phát triển nông nghiệp bền vững là nền nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định với cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hợp lý, hiện đại trên cơ sở phát huy lợi thế về những điều kiện tự nhiên của vùng như đất đai, khí hậu, nguồn nước... Việc đầu tư để phát triển nông nghiệp bền vững nói chung và ở vùng ĐBSCL nói riêng phải đem lại lợi nhuận, gia tăng tổng sản phẩm của ngành trong nền kinh tế của quốc gia ổn định và bền vững.

Tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững được hiểu là quá trình duy trì tốc độ phát triển nhanh, hiệu quả và ổn định trên nền tảng chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp một cách hợp lý, phù hợp với xu thế tiến bộ của khoa học và yêu cầu thị trường. Đây được xem là yếu tố then chốt trong tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững, bởi lẽ tăng trưởng kinh tế là tiền đề để giải quyết đồng thời các vấn đề xã hội và môi trường trong nông nghiệp. Khi tốc độ tăng trưởng đạt mức cao, ổn định trong thời gian dài và ít bị tác động tiêu cực từ các yếu tố như thiên tai, dịch bệnh, thị trường,... thì chất lượng tăng trưởng đã tiệm cận với tiêu chí bền vững.

Dưới góc độ kinh tế, phát triển nông nghiệp bền vững đòi hỏi phải gắn chặt quá trình sản xuất nông nghiệp với các yếu tố của thị trường, bảo đảm hiệu quả kinh tế lâu dài và ổn định thu nhập cho các chủ thể tham gia. Phát triển nông nghiệp bền vững phải được tiếp cận theo chuỗi giá trị, từ cung ứng

đầu vào, sản xuất, thu hoạch, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế và phân bổ hợp lý lợi ích giữa các chủ thể. Chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, giảm thiểu rủi ro thị trường và tăng cường khả năng thích ứng trước các biến động về giá cả, chính sách thương mại và tiêu chuẩn kỹ thuật.

*Thứ hai, phát triển bền vững về xã hội.* Đó là sự tác động tích cực của hệ thống nông nghiệp tới cộng đồng xã hội trên các mặt như: giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, tạo ra sự bình đẳng, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội khu vực nông thôn. Đồng thời, giữ gìn, phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống.

Dưới góc độ xã hội, phát triển nông nghiệp bền vững còn thể hiện sự công bằng trong tiếp cận đất đai bởi đây là tư liệu sản xuất chủ yếu và gắn liền với sinh kế lâu dài của nông dân. Ngoài ra, công bằng trong tiếp cận tín dụng và các nguồn lực phát triển có ý nghĩa quyết định đối với việc thu hẹp khoảng cách xã hội trong nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp bền vững đòi hỏi phải xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng, nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ, đào tạo và chuyển giao khoa học - công nghệ, qua đó tạo điều kiện để mọi chủ thể tham gia bình đẳng vào quá trình phát triển, góp phần bảo đảm công bằng xã hội và ổn định bền vững khu vực nông thôn.

*Thứ ba, phát triển bền vững về môi trường.*

Phát triển nông nghiệp bền vững về môi trường là quá trình bảo đảm tăng trưởng kinh tế ổn định nhưng không đánh đổi bằng sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên hay chất lượng môi trường sống. Thay vào đó, tăng trưởng phải gắn liền với việc khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, đồng thời góp phần cải thiện, phục hồi môi trường sinh thái. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, yêu cầu đặt ra là

ngành nông nghiệp cần phải thích ứng linh hoạt, giảm thiểu tác động tiêu cực và tăng khả năng chống chịu của hệ sinh thái nông nghiệp. Việc bảo vệ môi trường nông thôn trong lành không chỉ phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của ngành mà còn bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và bền vững cho người dân nông thôn.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, phát triển nông nghiệp ở vùng ĐBSCL phải hướng đến các phương án canh tác thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính. Mặt khác, sử dụng các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu như sử dụng giống cây, con chịu mặn, chịu hạn, chịu úng; chuyển đổi cơ cấu mùa vụ; thay đổi biện pháp canh tác... nhằm giảm nhẹ thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra, nhờ đó, sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

Ba nội dung trên là những thành tố cấu thành nội hàm của khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững. Nếu chỉ đạt được một hoặc hai trong ba khía cạnh trên tức là thiếu một trong ba trụ cột thì không thể phát triển nông nghiệp bền vững. Các khía cạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gồm: (1) tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững; (2) tăng trưởng nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp; (3) tăng trưởng nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó, tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững đóng vai trò là điều kiện tiên quyết cho phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp không thể phát triển bền vững khi tăng trưởng nông nghiệp trì trệ, không ổn định, kém hiệu quả. Ba nội dung này dẫn dắt hành động của con người hướng đến một nền nông nghiệp phát triển không chỉ cho hiện tại mà cả thế hệ mai sau.

Trong giai đoạn hiện nay, khoa học công nghệ và thể chế chính sách có thể được xem như hai trụ cột tiếp theo trong phát triển nông nghiệp bền vững bên cạnh trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường. Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến như công nghệ sinh học, công nghệ số, tự động hóa, cơ giới hóa đồng bộ

góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản. Phát triển nông nghiệp gắn với bảo đảm các chính sách được triển khai đồng bộ, nhất quán và sát với thực tiễn; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; hoàn thiện các chính sách hỗ trợ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong liên kết sản xuất, phát triển chuỗi giá trị và mở rộng thị trường tiêu thụ.

### ***2.2.1.2. Quan niệm về sự lãnh đạo của Đảng***

Đại từ điển tiếng Việt định nghĩa lãnh đạo là dẫn dắt, tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể.

Giáo trình Xây dựng Đảng, chương trình Cao cấp Lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh viết: “sự lãnh đạo của Đảng là toàn bộ hoạt động đề ra các quyết định; tổ chức các lực lượng thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các quyết định của Đảng”

Sách “350 thuật ngữ xây dựng Đảng” đưa ra khái niệm lãnh đạo như sau:

Lãnh đạo là việc chủ thể lãnh đạo thực hiện các hoạt động: xác định mục tiêu, đường lối, chủ trương, phương hướng, biện pháp hành động nhằm đạt tới mục tiêu; là tuyên truyền, vận động, thuyết phục các đối tượng lãnh đạo hiểu rõ mục tiêu, phương hướng hành động do chủ thể lãnh đạo vạch ra nhằm làm cho đối tượng lãnh đạo tin tưởng và đi theo; là tổ chức các hoạt động thực để đối tượng lãnh đạo thực hiện các tiền mục tiêu, đường lối, chủ trương do chủ thể lãnh đạo vạch ra; là hành động gương mẫu của chủ thể lãnh đạo trong thực hiện mục tiêu, đường lối đã vạch ra [168, tr.305].

Như vậy quan niệm về “lãnh đạo” được thể hiện:

*Một là*, lãnh đạo là đề ra đường lối, các nghị quyết, quyết định, xác định mục đích, nhiệm vụ cần làm trong một thời kỳ, một giai đoạn, một khoảng thời gian nhất định; nội dung, phương thức, tác động vào đối tượng lãnh đạo để thực hiện mục đích đã được xác định.

*Hai là*, lãnh đạo là quá trình tổ chức thực hiện các đường lối, nghị quyết, quyết định, đó là quá trình chủ thể dẫn dắt khách thể thực hiện mục đích đã xác định.

*Ba là, lãnh đạo có chủ thể lãnh đạo, đối tượng lãnh đạo, lực lượng tham gia dưới sự chủ trì, dẫn dắt của chủ thể lãnh đạo nhằm thực hiện thắng lợi mục đích đã được xác định.*

*Có thể định nghĩa: lãnh đạo là quá trình chủ thể lãnh đạo xây dựng đường lối, chủ trương, quyết định về một vấn đề nào đó, xác định mục đích cần đạt được; tổ chức thực hiện; tiến hành kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, quyết định đã ban hành, từng bước thực hiện thắng lợi mục đích đã được xác định.*

### ***2.2.1.3. Các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững - khái niệm, chủ thể, đối tượng, mục tiêu***

Từ quan niệm về lãnh đạo và quan niệm về phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL, có thể khái niệm: *Các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững là toàn bộ hoạt động của các tỉnh uỷ trong việc quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quyết định của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững; kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện, nhằm phát triển nông nghiệp bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường.*

#### *Về chủ thể lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững*

Chủ thể lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL trong nghiên cứu của luận án là tỉnh uỷ, mà thường xuyên là Ban Thường vụ tỉnh uỷ.

#### *Về đối tượng lãnh đạo thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững*

Đối tượng lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL là cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH thuộc hệ thống chính trị của tỉnh, các lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh, ngành nông nghiệp. Ngoài ra, đối tượng lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng

ĐBSCL còn có các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân.

*Về mục tiêu lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững là bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp được thực hiện hiệu quả, phát huy tính tích cực, năng động của cấp uỷ, chính quyền địa phương và người dân thực hiện phát triển nông nghiệp hiệu quả và bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng ĐBSCL.

### **2.2.2. Nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững**

Nội dung lãnh đạo (NDLĐ) của Đảng là những nhiệm vụ mà Đảng phải thực hiện dưới dạng các văn bản lãnh đạo như: Cương lĩnh, nghị quyết, quyết định... NDLĐ của Đảng bao quát trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng, Nhà nước.

NDLĐ của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững bao gồm:

*Một là*, lãnh đạo xác định chiến lược, quy hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Căn cứ vào chủ trương, nghị quyết, chính sách, chiến lược của Đảng và Nhà nước, tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong tổng thể phát triển bền vững của vùng. Công tác quy hoạch được định hướng theo vùng, tiểu vùng sinh thái, bảo đảm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, nguồn nước, nhân lực và lợi thế từng địa phương; phù hợp thực hiện chủ trương mới về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong phát triển nông nghiệp bền vững, trong hội nhập quốc tế sâu rộng và cạnh tranh quyết liệt như hiện nay.

Tỉnh ủy tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển nông nghiệp bền vững, thực hiện các lĩnh vực trọng tâm, then chốt như cơ cấu lại

ngành nông nghiệp, giảm diện tích cây trồng kém hiệu quả, mở rộng diện tích cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao; liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng; tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo các lĩnh vực, ngành hàng chiến lược, chủ lực của ĐBSCL theo hướng thị trường, hiện đại, bền vững. Việc quy hoạch phát triển nông nghiệp được định hướng thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán, bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân.

*Hai là, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu*

Để phát triển nông nghiệp bền vững cần phải thực hiện kết hợp tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo hướng xanh, thân thiện với môi trường. Trong đó, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và hạn chế phát thải khí nhà kính.

Cùng với đó, các tỉnh uỷ lãnh đạo thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Mô hình sinh thái “ruộng lúa, bờ hoa” giúp nông dân duy trì sự ổn định giữa các đối tượng gây hại và các sinh vật có ích trên đồng ruộng; giúp giảm hơn 50% lượng thuốc bảo vệ thực vật, tiết kiệm chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị diện tích, tăng hơn 10% lợi nhuận cho người trồng lúa; đồng thời giúp cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp; thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” của Chính phủ.

*Ba là*, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân

Các tỉnh uỷ xác định phát triển nông nghiệp không chỉ là nhiệm vụ kinh tế mà còn là giải pháp quan trọng để ổn định xã hội, nâng cao đời sống người dân. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, các tỉnh uỷ kết hợp giữa tăng trưởng nông nghiệp với giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình sản xuất, như tạo việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và nâng cao thu nhập cho nông dân.

Cùng với đó, các tỉnh uỷ lãnh đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ liên kết giữa nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp - ngân hàng - nhà phân phối,... nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập của người sản xuất góp phần cải thiện đời sống nông dân, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình phát triển bền vững của vùng.

*Bốn là*, lãnh đạo hoạt động phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với MTTQ và các tổ chức CT-XH, các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, tổ chức xã hội, nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp bền vững

Tỉnh uỷ các tỉnh đã tập trung lãnh đạo tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước với MTTQ, các tổ chức CT-XH, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế và nhân dân trong phát triển nông nghiệp bền vững. Sự phối hợp này được thực hiện thông qua cơ chế quản lý thống nhất, phát huy vai trò của từng chủ thể trong tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án phát triển nông nghiệp.

Các tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cơ quan quản lý nhà nước với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể trong tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức xã hội tham gia đầu

tu, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị nông sản bền vững.

Thông qua việc huy động và tạo nguồn lực xã hội, tỉnh ủy các tỉnh đã lãnh đạo phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, góp phần xây dựng nền nông nghiệp vùng ĐBSCL phát triển theo hướng hiện đại, xanh, bền vững.

*Năm là*, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp

Tỉnh ủy lãnh đạo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp có chất lượng, coi đó là lực lượng xung kích trong phát triển nông nghiệp bền vững. Các tỉnh ủy lãnh đạo đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sản xuất và quản lý cho đội ngũ cán bộ, kỹ sư, nông dân, chủ trang trại và hợp tác xã. Nhiều địa phương chủ động phối hợp với các viện, trường, doanh nghiệp tổ chức các lớp tập huấn, chuyên gia khoa học, công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ, sinh thái.

Các tỉnh ủy xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là các chuyên gia, kỹ sư trẻ, doanh nhân nông nghiệp, nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ khởi nghiệp trong nông nghiệp được triển khai gắn với nhu cầu thực tiễn của từng địa phương, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định đời sống người dân.

Tăng cường hợp tác, phát huy tiềm năng khoa học công nghệ của các tổ chức khoa học, giáo dục trên địa bàn và trên cả nước hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*Sáu là*, lãnh đạo liên kết vùng, hội nhập quốc tế thực hiện hiệu quả mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững

Liên kết vùng và hội nhập quốc tế là động lực quan trọng để phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Các tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng về quy hoạch sản xuất, hạ tầng thủy lợi, logistics, chế biến và tiêu thụ nông sản, nhằm phát huy lợi thế so sánh, hạn chế đầu tư chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

Các tỉnh uỷ lãnh đạo việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ về vốn, khoa học công nghệ, kỹ thuật canh tác và quản lý chuỗi giá trị từ các tổ chức, đối tác nước ngoài; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp carbon thấp theo tiêu chuẩn quốc tế.

### **2.2.3. Phương thức lãnh đạo của các tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững**

Theo Đại từ điển tiếng Việt, “phương thức” là phương pháp, cách thức và hình thức tiến hành công việc. Nói cách khác, phương thức là cách thực hiện công việc hay cách làm để đem lại hiệu quả.

Phương thức lãnh đạo (PTLD) của Đảng là hệ thống các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác mà chủ thể lãnh đạo sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo, làm cho nội dung lãnh đạo của chủ thể trở thành hiện thực.

Đảng lãnh đạo thông qua các phương thức như bằng chủ trương, đường lối; bằng tuyên truyền, thuyết phục; bằng công tác tổ chức cán bộ; thông qua sự gương mẫu của đảng viên; thông qua công tác kiểm tra, giám sát. Thực tế cho thấy, nghị quyết, chủ trương đúng, nhưng cấp uỷ, tổ chức đảng không tạo lập được các PTLD đúng đắn, phù hợp thì hiệu quả lãnh đạo cũng không cao, thậm chí nghị quyết, chủ trương không áp dụng thành công vào thực tế cuộc sống.

PTLD của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL trong phát triển nông nghiệp bền vững là hệ thống các cách thức, phương pháp, quy chế, quy định, quy trình,

phong cách, lề lối làm việc... mà tỉnh uỷ sử dụng để tác động vào các đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện thắng lợi nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ.

PTLD của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững bao gồm các phương thức:

*Một là*, lãnh đạo bằng nghị quyết, quyết định, chương trình, chỉ thị, kế hoạch của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững.

Đây là PTLĐ cơ bản, phổ biến nhất, xuất phát từ vai trò, bản chất sự lãnh đạo để tỉnh uỷ chuyển tải và tổ chức thực hiện quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững. Thực hiện phương thức này, các tỉnh uỷ cần đặc biệt quan tâm chất lượng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, chương trình hành động liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững, bảo đảm khách quan, toàn diện và có cơ sở khoa học, thể hiện NDLD sâu sát, hoạch định được các mục tiêu và nhiệm vụ lớn trong từng giai đoạn phù hợp với nguồn lực của địa phương. Đồng thời, có phương hướng, giải pháp chỉ đạo thiết thực để tháo gỡ những khó khăn, tồn tại trong sản xuất nông nghiệp; có những chỉ đạo định hướng về ban hành cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, hiện đại.

*Hai là*, lãnh đạo thông qua phát huy vai trò của chính quyền trong việc cụ thể hoá, thể chế hoá các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tỉnh uỷ thành chương trình, kế hoạch, đề án công tác của chính quyền về phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với từng địa phương. Trên cơ sở các nghị quyết, chương trình của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết chuyên đề về quy hoạch, phân bổ nguồn lực, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo hướng xanh - sạch - tuần hoàn; đồng thời tăng cường giám sát quá trình tổ chức thực hiện tại các sở, ngành và địa phương. UBND tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng giai đoạn; rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, biến đổi khí hậu và yêu cầu tái cơ cấu ngành.

*Ba là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.*

Công tác tuyên truyền là nhiệm vụ của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị. Thông qua công tác tuyên truyền, các tỉnh ủy thường xuyên quan tâm giáo dục lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác tuyên truyền cần gắn chặt lý luận với thực tiễn. Tuyên truyền thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, xoá đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, khuyến nông, khuyến học, khuyến tài v.v... và về chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững, để huy động được đông đảo tầng lớp nhân dân đồng sức, đồng lòng chung tay hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra.

*Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.*

Thông qua lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, các tổ chức, lực lượng tham gia phát triển nông nghiệp; lãnh đạo công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nông nghiệp; bố trí cán bộ của Đảng trong các tổ chức chính quyền và hệ thống chính trị, các tổ chức nòng cốt, chuyên trách tham gia phát triển nông nghiệp để bảo đảm triển khai thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững.

*Năm là, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và phát huy vai trò, hành động gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT-XH.*

Sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, nói đi đôi với làm là góp phần tạo dựng niềm tin trong quần chúng nhân dân với Đảng. Phát triển nông nghiệp bền vững là trách nhiệm của tổ chức đảng các cấp và toàn thể cán bộ, đảng viên. Thông qua tổ chức đảng các cấp và vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên, nhất là tổ chức đảng và đảng viên trong các tổ chức, lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp là một cách thức lãnh đạo cơ bản của các tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững

*Sáu là, lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra, giám sát; công tác sơ kết, tổng kết thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững*

Kiểm tra, giám sát là PTLĐ quan trọng không thể thiếu để các tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững. Kiểm tra, giám sát là chức năng, phương thức, là khâu không tách rời quy trình lãnh đạo của Đảng, bởi vì, không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Làm tốt kiểm tra, giám sát, cấp ủy các cấp nắm được tình hình thực tế và đề ra chủ trương, nghị quyết, giải pháp cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp. Vì vậy, để lãnh đạo tốt phát triển nông nghiệp bền vững theo đúng định hướng của Đảng, nghị quyết của các tỉnh ủy phải kiểm tra, giám sát thường xuyên. Đồng thời phát huy tốt vai trò của chính quyền và ban chỉ đạo các cấp trong công tác chỉ đạo, điều hành tại cơ sở.

Công tác sơ kết, tổng kết thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững để phát hiện những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo những mô hình sản xuất có hiệu quả có thể phát huy, nhân rộng, đồng thời khuyến khích nông dân đầu tư phát triển các mô hình và là tiền đề để thực hiện có kết quả các chương trình phát triển nông nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, qua đó cũng chỉ ra những yếu kém, nguyên nhân của yếu kém trong tổ chức thực hiện, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời, đúng đắn, nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Đây cũng là PTLĐ quan trọng không thể thiếu để các tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

#### **2.2.4. Vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển nông nghiệp bền vững**

Vai trò quan trọng của tỉnh ủy đối với sự phát triển mọi mặt của mỗi tỉnh mà trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới ở từng tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn các tỉnh.

Nhiệm vụ chính trị của từng tỉnh có khác nhau, nhưng đều tập trung vào thực hiện đường lối của Đảng, bảo đảm công cuộc đổi mới được thực hiện hiệu quả trên các lĩnh vực, đặc biệt đổi mới phát triển kinh tế theo hướng bền vững trong đó có phát triển nông nghiệp. Chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong phát triển nông nghiệp bền vững có đến được nhân dân, có được thực hiện và thành hiện thực hay không, được quyết định chủ yếu bởi sự lãnh đạo của tỉnh ủy.

*Thứ hai*, tỉnh ủy giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự thông suốt về chủ trương, đường lối trong phát triển nông nghiệp bền vững giữa Trung ương với cấp ủy các cấp.

Tỉnh ủy tiếp nhận từ Trung ương những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững và tổ chức thực hiện. Thông qua chính quyền tỉnh và các tổ chức trong hệ thống chính trị, tỉnh ủy có thể huy động mọi nguồn lực để tiến hành thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nông nghiệp bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh góp phần đạt được mục tiêu chính trị đề ra.

Tỉnh ủy thường xuyên trao đổi, tăng cường liên kết, phối hợp với nhau, với các cơ quan trung ương và cả nước. Từ đó, thúc đẩy chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp tỉnh có thể tăng cường liên kết, hợp tác với các tổ chức nước ngoài theo đường lối đối ngoại của Đảng để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ ba*, tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững, không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chịu trách nhiệm cao nhất về những thiệt hại làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Sự phát triển mọi mặt đời sống xã hội đều thể hiện vai trò của tỉnh ủy, trong đó có phát triển nông nghiệp bền vững phụ thuộc và được quyết định bởi sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy. Để lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ngày càng hiệu quả, việc nâng cao chất lượng lãnh đạo của tỉnh ủy trong điều kiện hiện nay là vấn đề rất cần thiết và cấp bách. Sự thiếu trách nhiệm, yếu kém trong lãnh đạo của tỉnh ủy rất dễ dẫn đến những vấn đề bức xúc nảy sinh trong thực tiễn, thậm chí trở thành “điểm nóng”, đưa lại hậu quả khó lường. Để xảy ra tình trạng này, tỉnh ủy chịu trách nhiệm trước nhân dân.

*Thứ tư*, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thể hiện vai trò trong công tác xây dựng Đảng, củng cố các tổ chức đảng, giáo dục đảng viên đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững.

Trong quá trình lãnh đạo, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đúc kết những kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, từ đó cung cấp cho Đảng những kinh nghiệm hay, cách làm phù hợp, hiệu quả trong xây dựng Đảng. Các tỉnh ủy thực hiện những quy định của Đảng về xây dựng, củng cố tổ chức đảng trực thuộc. Đặc biệt, đưa ra những biện pháp quan trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, bảo đảm lãnh đạo hiệu quả phát triển nông nghiệp bền vững; không để xảy ra những tình trạng tiêu cực trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững. Bên cạnh đó, tiến hành công tác tổng kết thực tiễn công tác xây dựng Đảng, đúc kết mô hình tiên tiến, điển hình đóng góp cho Đảng để vận dụng vào nâng cao năng lực lãnh đạo thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững trong toàn Đảng.

## **Tiểu kết chương 2**

Chương 2 làm rõ lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững. Vùng ĐBSCL là một vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp của Việt Nam, với vị trí địa lý đặc thù và điều kiện khí hậu thuận lợi nhưng cũng thường xuyên đối mặt với những thách thức nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, các tỉnh ủy giữ vai trò nòng cốt trong việc chỉ đạo, xây dựng và thực thi các chủ trương, chính sách hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy không chỉ thể hiện ở việc ban hành văn bản lãnh đạo, định hướng mà còn được cụ thể hóa thông qua các hoạt động tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu phát triển hài hòa về kinh tế, xã hội và môi trường.

Việc nhận diện đầy đủ quan niệm, nội dung lãnh đạo, phương thức lãnh đạo là lý luận quan trọng. Đây là cơ sở để luận án tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở Chương 3.

### Chương 3

## CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, KINH NGHIỆM

### 3.1. THỰC TRẠNG CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

#### 3.1.1. Về nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

##### 3.1.1.1. Ưu điểm

Một là, các tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phù hợp với đặc điểm, thế mạnh của từng tỉnh.

Các tỉnh ủy đã lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp, ban hành nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái từng địa phương, khuyến khích sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp được chú trọng, qua đó góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Các tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh các nhiệm kỳ 2015 - 2020; 2020 - 2025; chương trình hành động, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với tỉnh Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2015 - 2020, văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh xác định phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, xử lý vấn đề môi trường, quy hoạch vùng nuôi tôm công nghiệp và vùng nuôi tôm quảng canh kết hợp trồng lại rừng và bảo vệ rừng [12]. Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tập trung xây dựng cánh đồng lớn và nâng cao chuỗi giá trị gia tăng, phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh

tế - xã hội, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; thực hiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nâng cao hiệu quả sản xuất tôm, lúa gạo là trụ cột phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung đầu tư xây dựng “Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu”, từng bước góp phần đưa ngành thủy sản của tỉnh phát triển ổn định, bền vững.

Tỉnh uỷ Cà Mau lãnh đạo xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch, chương trình, đề án lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn khá hiệu quả; tiếp tục khẳng định thủy sản vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; cây lúa vẫn là loại cây trồng chính; hình thành một số vùng sản xuất rau màu tập trung. [136]

Tỉnh Đồng Tháp tiên phong trong xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tỉnh uỷ lãnh đạo thực hiện hiệu quả, khai thác và phát huy sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn gắn với phát triển du lịch sinh thái góp phần phát triển nhanh, bền vững. Tập trung triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định quan điểm “Xây dựng tỉnh Đồng Tháp phát triển bền vững về nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sạch, an toàn” [14]

Tỉnh uỷ Sóc Trăng và Hậu Giang cùng xác định phát triển nông nghiệp theo hướng nhanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao hiệu quả sản xuất. Cả hai địa phương đều nhấn mạnh yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp từ sản xuất truyền thống sang nông nghiệp sinh thái, xanh, hữu cơ, tuần hoàn, đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường.

Tỉnh uỷ Long An và Tiền Giang xác định phát triển nông nghiệp theo hướng nhanh, bền vững, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu là mục tiêu xuyên suốt trong nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó ứng dụng công nghệ cao được xem là động lực quan trọng để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp. Cả hai địa phương đều gắn phát triển nông nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an toàn thực phẩm và thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại.

Nhận thức được tầm quan trọng trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững hiện nay, các tỉnh xác định phương hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hình thành các chuỗi liên kết bền vững, gắn kết chặt chẽ với thị trường; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp với tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. *Kết quả khảo sát về vấn đề tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, số người đánh giá tốt là 56,2%, đánh giá đạt là 37,5%.* Điều này phản ánh rằng đa số người khảo sát đã đánh giá tích cực về công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của các tỉnh uỷ.

Thực tiễn cho thấy các địa phương đã chú trọng công tác quy hoạch vùng sản xuất, định hướng cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu. Đối với các tỉnh ven biển như Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Trà Vinh có hệ sinh thái rừng ngập mặn phong phú nhưng lại chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn nên nhóm tỉnh này chủ yếu nuôi trồng và khai thác thủy sản, quy hoạch phát triển nuôi tôm sinh thái, tận dụng rừng ngập mặn để nuôi tôm, chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang nuôi tôm, cua, cá biển có giá trị kinh tế cao. Các tỉnh trọng điểm lúa gạo như An Giang, Đồng Tháp, Long An có điều kiện tự nhiên thuận lợi với địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ và nguồn nước dồi dào từ hệ thống sông Tiền, sông Hậu, rất

thích hợp cho canh tác lúa quy mô lớn, các tỉnh uỷ lãnh đạo tái cơ cấu ngành lúa gạo theo hướng nâng cao chất lượng, tập trung phát triển giống lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ và lúa thích ứng biến đổi khí hậu, lãnh đạo quy hoạch vùng chuyên canh lúa gạo quy mô lớn gắn với quy trình sản xuất tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc và liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Các tỉnh trồng cây ăn trái như Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre có điều kiện tự nhiên thuận lợi với khí hậu ôn hòa, hệ thống kênh rạch dày đặc, phù hợp phát triển các loại cây ăn trái đặc sản như xoài, sầu riêng, chôm chôm..., các tỉnh uỷ lãnh đạo quy hoạch vùng trồng cây ăn trái theo lợi thế sinh thái từng địa phương, hình thành các vùng chuyên canh tập trung đối với các loại trái cây chủ lực như xoài, sầu riêng, chôm chôm, bưởi,... gắn với tiêu chuẩn sản xuất an toàn, hữu cơ và đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu; đồng thời tăng cường lãnh đạo phát triển hệ thống mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng, liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ; phát triển các giống cây chịu hạn, mặn, xây dựng các mô hình nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn,...

*Hai là*, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các tỉnh uỷ trong vùng đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Việc lãnh đạo thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, xử lý chất thải nông nghiệp, sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển năng lượng tái tạo và thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai đồng bộ. Qua đó lãnh đạo các tổ chức, cá nhân tích cực, chủ động ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhằm thúc đẩy nông nghiệp vùng ĐBSCL phát triển bền vững, Chính phủ có cơ chế, chính sách về tập trung, tích tụ đất đai, hình thành vùng sản

xuất tập trung, vùng nguyên liệu quy mô lớn, có sức cạnh tranh và hiệu quả cao, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Đồng thời, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các khâu: giống, thức ăn và chế biến; tăng cường canh tác bền vững bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn thực phẩm. Trên cơ sở đó, các tỉnh uỷ lãnh đạo ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng an toàn, sinh thái, hữu cơ.

*Kết quả khảo sát, đối với vấn đề các tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đánh giá tốt là 53,3%, đánh giá đạt là 39,6%. Với tỷ lệ 92,9% ở mức độ đánh giá tốt và đạt, đã phản ánh sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ trong việc định hướng, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững. Qua đó, cho thấy sự quan tâm lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng gắn kết giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.*

Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã xác định tập trung thực hiện các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao vào cả trồng trọt và chăn nuôi. Phát triển thủy sản trở thành mũi nhọn trong nội ngành nông nghiệp gắn với thực hiện tốt công tác cảnh báo môi trường; mở rộng mô hình chăn nuôi tập trung, trang trại, tổ chức sản xuất khép kín, an toàn sinh học gắn với xử lý ô nhiễm môi trường [16]

Tỉnh uỷ Bạc Liêu ban hành nghị quyết, chương trình hành động về nông nghiệp xác định trọng tâm là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị phù hợp lợi thế của từng vùng. Ngày 27/10/2016, tỉnh uỷ Bạc Liêu ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU về tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu theo hướng phát triển bền vững, hiệu quả giai đoạn 2016 - 2020 xác định

mục tiêu thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tập trung xây dựng cánh đồng mẫu lớn và nâng cao chuỗi giá trị gia tăng, phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025, khẳng định cần chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn thực phẩm, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn; tăng hàm lượng khoa học và công nghệ, phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao; liên kết, hợp tác trong sản xuất, kết nối thị trường và đảm bảo lợi ích cho các bên tham gia; phát triển nông nghiệp gắn với du lịch, thích ứng biến đổi khí hậu,... xác định các nhiệm vụ trọng tâm “Tập trung phát triển nông nghiệp sạch, hiệu quả là nền tảng” [17].

Nhìn chung, các tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện ứng dụng một số công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả đáng kể, như nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình đã ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô thực vật, phân bón thông minh, hệ thống quan trắc, ứng dụng điện toán đám mây, hệ thống tưới nước tự động, hệ thống giám sát côn trùng thông minh phục vụ công tác dự báo sâu bệnh.

Vấn đề sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường được các tỉnh trong vùng chú trọng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp thích ứng với thay đổi về điều kiện tự nhiên theo các tiểu vùng sinh thái. Tỉnh uỷ Cà Mau trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã lãnh đạo phát triển nông nghiệp đạt thành tựu: “Nông nghiệp phát triển ổn định theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu” [51, tr.5]; tỉnh uỷ An Giang nhiệm kỳ qua đã “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao, an toàn thực phẩm, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu” [49, tr.25]; tỉnh uỷ Đồng Tháp lãnh đạo phát triển nông nghiệp nhiệm kỳ qua đã “Thực hiện lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong các quy hoạch, kế hoạch, các dự án đầu tư, các mô hình sản xuất để

phòng, chống hạn mặn” [50, tr.24]. Toàn vùng tập trung bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu theo hướng tích hợp các hành động, gồm: quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường (nước, đất và không khí), thiết lập hệ thống giám sát chất lượng môi trường theo thời gian thực, chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng thân thiện với môi trường, liên kết trong quản lý rác thải nhựa, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

*Ba là, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân*

Các tỉnh uỷ đã ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch nhằm kết hợp giữa phát triển nông nghiệp với giải quyết các vấn đề xã hội như tạo việc làm, nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội, triển khai các chương trình đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho lao động nông nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể tăng thu nhập cho người dân. Các chính sách giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn được lồng ghép và thực hiện hiệu quả.

Nhiều tỉnh trong vùng đã hình thành các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, giúp người dân ổn định đầu ra, tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần; công tác đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn được chú trọng; hỗ trợ sinh kế, tín dụng ưu đãi được triển khai đồng bộ, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị.

Tỉnh Cà Mau, thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã xác định mục tiêu tổng quát là hướng đến xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại, nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh. Bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, giải quyết

việc làm bình quân khoảng 40.000 người/năm; thu nhập của cư dân nông thôn đạt 1,5 lần so năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn mới) hằng năm giảm 0,5%, đến cuối năm 2025 còn không quá 1% [136].

Tỉnh uỷ Trà Vinh xác định mục tiêu cụ thể trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân trên 5%/năm; thu nhập của cư dân nông thôn tăng hơn 2 lần so với năm 2020; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 30%, tỉ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%. [146]

Tỉnh uỷ Tiền Giang xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2030 có tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông nghiệp đạt bình quân từ 3,5 - 4%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 6%/năm; thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 tăng gấp 2,2 - 2,5 lần so với năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn; bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai; ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo cao [143].

Nhìn chung, việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội ở vùng ĐBSCL đã phát huy hiệu quả rõ rệt, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, vừa bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững.

Theo kết quả khảo sát của Tổng cục Thống kê năm 2024, thu nhập bình quân đầu người của vùng ĐBSCL đạt 74 triệu đồng/người/năm [160]. Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ mức rất cao 12,6% năm 2010 và đến năm 2022 là 2,26%. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cho thấy, tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước là 7,52%; tỷ lệ nghèo đa chiều của ĐBSCL là 5,73% [156].

*Theo kết quả khảo sát, phát triển nông nghiệp đảm bảo mục tiêu kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được đánh giá rất tốt, rất hợp lý là 28%; tốt, hợp lý là 56,7%. Qua đó, cho thấy sự đánh giá tích cực, đồng thuận cao của cán bộ, đảng viên đối với chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng vừa chú trọng hiệu quả kinh tế vừa gắn kết chặt chẽ với mục tiêu xã hội. Tỷ lệ đánh giá cao này phản ánh rõ sự đúng đắn trong định hướng lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL khi kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với bảo đảm đời sống, việc làm và phúc lợi cho người dân; chú trọng chính sách an sinh, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân.*

*Bốn là, lãnh đạo hoạt động phối hợp giữa cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, tổ chức xã hội, nhân dân tham gia thực hiện hiệu quả mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững*

Các tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan chính quyền với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH trong việc tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các chủ trương của tỉnh ủy, nghị quyết của HĐND tỉnh; chương trình, kế hoạch, quyết định của UBND tỉnh; vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp bền vững. Bên cạnh đó, các tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện các quy chế phối hợp công tác giữa HĐND, UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam, các đoàn thể CT-XH trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững. Quy chế phối hợp được ban hành tương đối đồng bộ, xác định rõ nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa các chủ thể, qua đó hoạt động giám sát, phản biện xã hội được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững ở địa phương.

HĐND tỉnh phối hợp với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH tỉnh để bảo đảm cho đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri; phân loại, rà soát, giám sát, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của cử tri và nhân dân; phối hợp giám sát, đánh giá giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

UBND các tỉnh thường xuyên mời đại diện của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tham dự các phiên họp thường kỳ nhằm tranh thủ ý kiến đóng góp cho các báo cáo, dự thảo đề án, chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh; vận động nhân dân tham gia thảo luận đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững.

Phát huy vai trò là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị trong tỉnh, thông qua hệ thống tổ chức, cán bộ, đảng viên của mình, các tỉnh ủy đã lãnh đạo HĐND, UBND, các sở, ban, ngành, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh huy động các nguồn lực đầu tư và tham gia thực hiện chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp bền vững.

Ngoài ra, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, các sở ngành liên quan, nhất là các sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), sở Khoa học và công nghệ, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh có chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện các nghị quyết, chính sách, đề án về phát triển nông nghiệp một cách chặt chẽ. Các tổ chức CT-XH, nhất là Hội Nông dân ở các tỉnh đã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh làm nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động, tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ nông dân tích cực thực hiện các đề án, mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Kết quả khảo sát về vấn đề tỉnh ủy lãnh đạo việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã*

*hội, các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia vào phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững được đánh giá tốt 50,3%, đạt 42,2%. Kết quả này phản ánh sự phối hợp trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội vào thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững và công tác lãnh đạo của tỉnh uỷ đối với việc tạo sự đồng thuận và phối hợp giữa các lực lượng xã hội trong phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL.*

*Năm là, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực nông nghiệp; huy động các nguồn lực vào phát triển nông nghiệp bền vững*

*Các tỉnh uỷ chú trọng lãnh đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp, xem trọng liên kết với các cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp; phát huy vai trò của chuyên gia, nhà khoa học trong đổi mới mô hình sản xuất nông nghiệp*

Tỉnh uỷ Trà Vinh và Vĩnh Long xác định phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải bắt đầu từ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, coi đây là yếu tố quyết định hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Cả hai địa phương đều chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho nông dân và đội ngũ cán bộ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại. Tỉnh uỷ Trà Vinh xác định nhiệm vụ và giải pháp về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 cần thực hiện là xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn cho các sinh viên, nghiên cứu sinh tại các nước có nền nông nghiệp công nghệ cao tiên tiến như Israel, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc... Tăng cường hướng dẫn, tập huấn, nâng cao kiến thức, trình độ tay nghề, kỹ năng canh tác cho nông dân sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao nhằm thu hút nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao phục vụ nông nghiệp [145].

Tỉnh uỷ An Giang lãnh đạo thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập trung trước hết vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Từ năm 2018 đến năm 2021, tỉnh đã tổ chức đưa đi đào tạo, bồi dưỡng cho 34.727 lượt người với tổng kinh phí thực hiện là 17,78 tỷ đồng; trong đó có 23.868 lượt người (chiếm tỷ lệ 68,7%) trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được đào tạo sau đại học, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu hình thành giảng viên nguồn và thực hành nông nghiệp, bồi dưỡng cho nông dân và lực lượng lao động nông thôn [134].

*Kết quả khảo sát về vấn đề tỉnh uỷ lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực có trình độ khoa học, kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp bền vững đánh giá tốt là 47,6%, đạt là 42,2%.* Kết quả cho thấy sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển nông nghiệp, cần tăng cường hơn nữa để xây dựng đội ngũ nhân lực nông nghiệp có chuyên môn, có năng lực đổi mới sáng tạo, góp phần đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, số hóa và chuyển đổi xanh trong nông nghiệp.

Thông qua việc định hướng chủ trương, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao khoa học công nghệ, tỉnh uỷ lãnh đạo khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học tham gia trực tiếp vào quá trình thử nghiệm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, thích ứng với điều kiện sinh thái đặc thù của vùng. Thông qua các hoạt động phản biện, tư vấn chính sách và đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, tri thức khoa học được chuyển hoá thành giải pháp cụ thể trong tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi giá trị. Việc gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất góp phần đổi mới phương thức canh tác theo hướng sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Ngoài ra, tỉnh uỷ lãnh đạo phát huy vai trò của các nguồn lực như đất đai, hạ tầng, nguồn vốn, tín dụng, cơ chế đầu tư vào nông nghiệp; lãnh đạo khai thác, sử dụng hợp lý quỹ đất nông nghiệp gắn với quy hoạch không gian sản xuất, bảo đảm hài hoà giữa mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và sinh kế của người dân. Đồng thời, tỉnh uỷ chỉ đạo ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng phục vụ nông nghiệp và nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, logistics và hạ tầng số, tạo nền tảng cho tổ chức sản xuất quy mô lớn, liên kết theo chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Sáu là*, các tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo thực hiện liên kết vùng, hội nhập quốc tế thực hiện đạt hiệu quả mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững.

Thông qua việc quán triệt và cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế vùng, tỉnh uỷ lãnh đạo tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong quy hoạch sản xuất, lựa chọn sản phẩm chủ lực gắn với lợi thế so sánh của từng tỉnh và của toàn vùng. Tỉnh uỷ lãnh đạo phát huy vai trò của các chủ thể tham gia chuỗi giá trị, nhất là doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Thông qua việc hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích liên kết, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ góp phần nâng cao giá trị gia tăng và ổn định đầu ra cho nông sản.

Các tỉnh uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, thiết lập và ký kết hợp tác với một số tỉnh, thành phố trong nước. Để bảo đảm tiếp tục phát triển nông nghiệp bền vững, đòi hỏi vùng ĐBSCL cần đổi mới mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa các chủ thể sản xuất từ trong nội bộ vùng đến liên kết ngoài vùng. Liên kết vùng tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phát huy tiềm năng, lợi thế của nhau để cùng phát triển. Thực hiện liên kết vùng với tinh thần “cả nước vì vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Cửu Long vươn lên cùng cả nước và vì cả nước” [24], các

tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tham gia vào thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững; thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc phát triển liên kết vùng.

Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về sự cần thiết cùng với lợi ích của liên kết vùng để các chủ thể sản xuất kinh doanh hiểu đúng và giữ vững niềm tin trong các hoạt động liên kết sản xuất, hợp tác trên tinh thần chia sẻ nguồn lực, hài hòa lợi ích, ưu tiên đầu tư cho những lĩnh vực mà vùng có lợi thế phát triển để tạo ra sự lan tỏa đến các địa phương, các vùng khác trong cả nước.

Các tỉnh trong vùng đã phối hợp để hình thành và vận hành hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh kết nối Vườn quốc gia Mũi Cà Mau - sân chim Đầm Dơi - Thạnh Phú - khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ; xây dựng khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng kết nối giữa U Minh Thượng và U Minh Hạ; vùng Bảy Núi và vùng trũng Trà Sư; vùng sinh thái ngập trũng Đồng Tháp Mười, nối từ Tràm Chim tới Láng Sen.

Bên cạnh liên kết vùng, một số tỉnh ở vùng ĐBSCL thực hiện việc hợp tác với các tổ chức quốc tế trong phát triển nông nghiệp như: UBND tỉnh Cà Mau đã hợp tác với Cơ quan Hợp tác quốc tế (TICA) thuộc Bộ ngoại giao Thái Lan, Cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và hợp tác xã Thái Lan thả khối rạn nhân tạo xuống khu vực biển Tây của tỉnh, thành lập Tổ đồng quản lý bảo vệ và khai thác khu vực thả rạn nhân tạo để tham gia canh giữ. Đây được xem là giải pháp hiệu quả để bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

Hợp tác quốc tế ở Sóc Trăng và Bến Tre đều được xem là một kênh quan trọng nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Điểm chung nổi bật là các chương trình hợp tác đều hướng tới nâng cao năng lực thích ứng của sản xuất nông nghiệp trước tác động của

biến đổi khí hậu, góp phần cải thiện sinh kế cho người dân và thúc đẩy phát triển bền vững ở địa phương. Tuy nhiên, nội dung và hình thức hợp tác có sự khác biệt. Ở Sóc Trăng, các dự án do Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) triển khai chủ yếu tập trung vào giải pháp kỹ thuật và môi trường, như cải thiện hệ thống tuần hoàn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản bền vững và các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong khi đó, tại Bến Tre, hợp tác giữa tỉnh với JICA và JETRO (Nhật Bản) được triển khai theo mô hình liên kết ba bên, nhấn mạnh đến xây dựng và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn sản xuất với thị trường, doanh nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế. Như vậy, nếu tỉnh Sóc Trăng thiên về hỗ trợ kỹ thuật và quản lý tài nguyên trong sản xuất nông nghiệp, thì tỉnh Bến Tre chú trọng tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối thị trường. Hai cách tiếp cận này vừa phản ánh đặc thù sản xuất của từng địa phương, vừa bổ sung cho nhau, góp phần đa dạng hóa các mô hình hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL.

*Kết quả khảo sát về tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững về liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, 46,2% đánh giá tốt, 42,2% đánh giá đạt.* Qua đó, cho thấy các tỉnh ủy đã bước đầu quan tâm lãnh đạo liên kết vùng, đưa yếu tố hợp tác quốc tế vào thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, liên kết vùng, hợp tác quốc tế là động lực quan trọng ngày càng chặt chẽ, ngày càng thực chất, tạo thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân và khẳng định vị thế của vùng ĐBSCL trong chuỗi giá trị nông nghiệp quốc gia và quốc tế.

### **3.1.1.2. Hạn chế**

*Một là*, ở một số tỉnh, việc xác định phương hướng, quy hoạch, xây dựng đề án phát triển nông nghiệp bền vững chưa kịp thời, chất lượng chưa cao. Sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ, một số tỉnh ủy chưa

thật sự khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh. Một số khâu trong quá trình lập quy hoạch phát triển nông nghiệp vẫn chưa được quan tâm đúng mức; công tác điều tra, khảo sát thực tế trong quá trình xây dựng quy hoạch còn thiếu tính hệ thống và chưa được thực hiện một cách khoa học; có nơi quy hoạch phát triển nông nghiệp còn chưa đặt trong cơ cấu tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chất lượng quy hoạch phát triển nông nghiệp của một số tỉnh chưa cao, tính dự báo, cơ sở khoa học còn hạn chế, do đó nhiều giải pháp thực hiện còn chung chung.

*Kết quả khảo sát về việc xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, một số ý kiến cho rằng còn kém hiệu quả (6,3%).* Điều đó phản ánh những hạn chế nhất định trong công tác lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp của một số tỉnh uỷ vùng ĐBSCL. Một số tỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp chưa thật sự đồng bộ và tầm nhìn dài hạn, thiếu tính liên kết vùng và yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu. Chất lượng nhu cầu, đánh giá thực trạng, dự báo nguồn lực trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn hạn chế, dẫn đến tình trạng quy hoạch chưa sát thực tiễn, chưa phản ánh đầy đủ tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Một số nơi còn chưa huy động tốt sự tham gia của đội ngũ các chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng quy hoạch.

Tỉnh Trà Vinh đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 chỉ ra hạn chế trong thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp như: công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp tỉnh chưa kịp thời, sản xuất nông nghiệp của tỉnh không theo quy hoạch, sản xuất tự phát, theo “phong trào” diễn biến phức tạp, không đồng bộ với đầu tư kết cấu hạ tầng, tiềm ẩn nhiều rủi ro về thị trường; chưa quan tâm xử lý vấn đề tác động môi trường (nuôi cá lóc, tôm thẻ chân trắng, trồng cam sành,...); công tác tổ chức lại sản xuất, thực hiện liên kết, xây dựng

chuỗi giá trị cho một số nông - thủy sản chủ lực chưa được quan tâm đúng mức [189]. Tỉnh An Giang báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhận định rằng chất lượng công tác quy hoạch sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn nên phải thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung do đó chưa nhất quán trong quản lý điều hành. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh uỷ Đồng Tháp đã chỉ ra hạn chế, yếu kém trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp: “Một số nhiệm vụ có tính chiến lược phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp Tỉnh như chất lượng nguồn giống cho các ngành hàng chủ lực, chương trình phát triển công nghệ sinh học, đổi mới nâng cao chất lượng chương trình OCOP, rà soát quy hoạch, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi chuyển động chậm” [50, tr.36]

*Hai là, việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL chưa hiệu quả, có lúc, có nơi còn mang tính hình thức. Kết quả khảo sát về vấn đề tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, ý kiến đánh giá kém hiệu quả là 7%. Kết quả khảo sát phản ánh sự hạn chế nhất định trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững của một số tỉnh uỷ trong vùng. Trong đó, hạn chế của việc liên kết giữa phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường chưa được thực hiện đồng bộ. Ở một số địa phương, việc triển khai các chương trình, kế hoạch về nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ hoặc sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu vẫn còn mang tính hình thức, thiếu cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả cụ thể. Bên cạnh đó, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, lĩnh vực liên quan đến bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, dẫn đến tình trạng chông chéo, thiếu nhất quán. Tình trạng sản xuất nông nghiệp sử dụng hóa chất, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm đất, nước, không khí, làm suy giảm hệ sinh thái nông nghiệp vẫn còn khá phổ biến.*

Bên cạnh đó, một số tỉnh uỷ lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội nâng cao thu nhập cho người dân còn hạn chế. Trình độ dân trí, thu nhập và đời sống một bộ phận nông dân còn thấp và khó khăn; tỷ lệ lao động nông nghiệp chưa được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng còn cao; đào tạo nghề và tạo việc làm tại chỗ cho nông dân chưa đáp ứng yêu cầu [158]. Kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, tốc độ giảm nghèo không đồng đều, một số nơi tỷ lệ hộ nghèo giảm còn chậm. Khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn còn lớn [156].

Tổng kết thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn, tỉnh uỷ Bạc Liêu đã thẳng thắn đánh giá về hạn chế, như đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận nông dân có cải thiện nhưng còn thấp, nhiều vấn đề bức xúc chưa được giải quyết triệt để nhất là các vụ việc khiếu kiện về tranh chấp đất đai, tình trạng thiếu việc làm, khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn vẫn còn cao [139].

*Kết quả khảo sát về sự lãnh đạo của tỉnh uỷ với vấn đề này, số ý kiến đánh giá kém hiệu quả là 7,3%. Qua thực tế cũng cho thấy, một số chủ trương, chính sách cụ thể về phát triển nông nghiệp gắn với nâng cao đời sống người dân chưa được triển khai đồng bộ, chậm đi vào thực tiễn, nguồn lực đầu tư, hỗ trợ sinh kế cho nông dân còn phân tán, thiếu bền vững.*

*Ba là, việc lãnh đạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế; tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở tuy được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động bước đầu, nhưng nhìn chung vẫn còn công kênh, hiệu quả hoạt động chưa cao. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp các cấp nhìn chung còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu, một bộ phận cán bộ chưa được thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ*

cho công việc. Bên cạnh đó, trình độ ngoại ngữ, tin học của đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đặc biệt là thực hiện chính sách đầu tư nước ngoài vào vùng ĐBSCL để phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu.

*Kết quả khảo sát về tình uy lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực có trình độ khoa học, kỹ thuật nông nghiệp có 10,2% đánh giá là kém hiệu quả. Tỷ lệ này phản ánh rõ những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, đây là yếu tố quan trọng để thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Qua đó, cho thấy công tác lãnh đạo của tỉnh ủy đối với nhân lực nông nghiệp vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn.*

*Bốn là, sự lãnh đạo của một số tỉnh ủy, cấp ủy các cơ quan, ban ngành trong phối hợp hoạt động với chính quyền các cấp, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, các đơn vị sự nghiệp, các thành phần kinh tế ở địa phương trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững còn lúng túng, bị động, chưa chặt chẽ.*

*Ở một số tỉnh, chưa có quy chế phối hợp cụ thể, rõ ràng giữa các tổ chức trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển nông nghiệp bền vững. Việc phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH đối với các dự thảo chủ trương của tỉnh ủy, chính quyền về phát triển nông nghiệp trước khi ban hành chưa được thường xuyên quan tâm lãnh đạo thực hiện.*

*Theo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020 nhận định hạn chế trong công tác phối hợp thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững như chưa có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ của một số sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và hệ thống ngành dọc, các địa phương chưa chủ động, quyết liệt và đồng bộ trong triển khai chủ trương về phát triển nông nghiệp, chậm xây dựng kế*

hoạch thực hiện, lúng túng trong xác định nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, kết quả chưa đạt mục tiêu đề ra [176]. Tỉnh Tiền Giang trong báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW nhận định công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chưa đồng bộ. Sự chủ động của các cấp ủy, chính quyền địa phương có lúc, có nơi còn chưa quan tâm, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp.

*Kết quả khảo sát, tỉnh ủy lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể CT-XH, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia vào phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, số người đánh giá kém hiệu quả là 7,5%. Kết quả cho thấy ở một số tỉnh, việc phối hợp thực hiện chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp bền vững giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị vẫn còn thiếu chặt chẽ, chưa thực sự hiệu quả.*

Ở một số địa phương, cơ chế phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT - XH và doanh nghiệp còn hình thức, chưa có quy chế phối hợp cụ thể, rõ ràng. Bên cạnh đó, vai trò tham mưu của các cơ quan chuyên môn, nhất là các sở, ngành liên quan đến nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, khoa học công nghệ đôi khi chưa có sự phối hợp thực hiện các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp bền vững.

*Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện liên kết vùng, quan hệ, hợp tác với các tổ chức quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững còn hạn chế.*

*Qua khảo sát, có 11,6% ý kiến cho rằng, tỉnh ủy lãnh đạo nội dung này kém hiệu quả. Tỷ lệ này phản ánh những hạn chế trong lãnh đạo của tỉnh ủy thực hiện hội nhập và khai thác nguồn lực quốc tế phục vụ cho phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở nhiều địa phương trong vùng. Hạn chế*

này phản ánh tính liên kết vùng trong phát triển nông nghiệp giữa các địa phương còn yếu, thiếu tầm nhìn chiến lược chung và sự phối hợp. Tình trạng mỗi tỉnh phát triển theo hướng riêng, chưa hình thành được các cơ chế phối hợp trong chia sẻ thông tin, nguồn lực và thị trường trong vùng. Điều này làm giảm hiệu quả khai thác lợi thế so sánh và gây phân tán trong đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp. Nhiều địa phương còn thiếu chủ động trong tìm kiếm đối tác, mở rộng hợp tác, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Việc triển khai các chương trình hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại nông sản, hoặc tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu chưa thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, điều hành sáng tạo của các tỉnh uỷ trong vùng.

Một số tỉnh uỷ thiếu chủ động trong lãnh đạo tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế; còn trông chờ vào các dự án quốc tế mà Trung ương mời gọi vào địa phương. Các chương trình hành động, các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh thiếu nội dung hợp tác quốc tế. Một số tỉnh chưa thật sự tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn; còn tình trạng lúng túng trong vấn đề hợp tác quốc tế khi thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững do thiếu cơ chế, quy định, còn khó khăn trong thực hiện các quy định của pháp luật, ngôn ngữ, phong tục... Những hạn chế này làm cho quá trình hợp tác quốc tế của các tỉnh ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp còn hạn chế, chưa phát huy tối đa lợi thế về vị trí, thế mạnh của vùng.

### **3.1.2. Về phương thức lãnh đạo**

#### **3.1.2.1. Ưu điểm**

*Một là*, tỉnh uỷ lãnh đạo thông qua việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững.

Thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, sự chỉ đạo của Trung

ương, như Quyết định 899/QĐ-TTg năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL đã xây dựng các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn để xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá về phát triển nông nghiệp bền vững; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.

**Bảng 3.1: Hệ thống văn bản do tỉnh uỷ, BTV tỉnh uỷ các tỉnh vùng ĐBSCL ban hành lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững từ năm 2015 đến 2024**

STT	Tỉnh uỷ, BTV tỉnh uỷ	Nghị quyết, chỉ thị	Chương trình	Kế hoạch	Báo cáo, Kết luận
1	An Giang	3	5	3	12
2	Bến Tre	4	4	3	15
3	Bạc Liêu	4	3	5	14
4	Cà Mau	5	3	4	9
5	Đồng Tháp	4	5	4	11
6	Hậu Giang	4	3	2	13
7	Kiên Giang	3	4	3	8
8	Long An	3	4	2	11
9	Sóc Trăng	4	3	2	14
10	Tiền Giang	3	4	2	12
11	Trà Vinh	7	4	3	14
12	Vĩnh Long	3	3	2	11

*Nguồn: Tổng hợp từ các Văn phòng tỉnh uỷ vùng ĐBSCL*

Trước hết, tỉnh Bạc Liêu thể hiện rõ tính chủ động và liên tục trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững thông qua việc ban hành hệ thống nghị quyết, chương trình theo từng giai đoạn. Tỉnh ủy Bạc Liêu đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/10/2016, về tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu theo hướng bền vững, hiệu quả giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tập trung xây dựng cánh đồng mẫu lớn và nâng cao chuỗi giá trị gia tăng, phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, hội nhập kinh tế thế giới, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tiếp đó, tỉnh ủy Bạc Liêu ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/7/2021, về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình số 42-CTr/TU ngày 25/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhìn chung, các chương trình, kế hoạch, nghị quyết của tỉnh được ban hành đáp ứng yêu cầu để thực hiện chủ trương, nghị quyết về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, qua đó đã thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, 2020 - 2025 nghị quyết đại hội Đảng bộ các tỉnh đã nhấn mạnh việc phát triển nông nghiệp của tỉnh và các ngành kinh tế mũi nhọn, có nhiều tiềm năng, thế mạnh. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định giải pháp phát triển kinh tế - xã hội chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp đơn thuần sang phát triển kinh tế nông nghiệp; nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhấn mạnh: “Hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững

tỉnh Bến Tre đến năm 2030”. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định “Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; tập trung các sản phẩm chủ lực, có nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sức cạnh tranh cao; tổ chức sản xuất theo chuỗi.” Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định “Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị và tăng thu nhập người sản xuất”.

Nhìn tổng thể, các nghị quyết và định hướng của các tỉnh trong vùng đều cho thấy sự thống nhất về mục tiêu phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập, đồng thời phản ánh sự đa dạng trong cách tiếp cận và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, lợi thế riêng của từng địa phương. Đây là cơ sở quan trọng để tăng cường liên kết vùng và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL

Để đưa chủ trương vào thực tiễn, các tỉnh ủy đã lãnh đạo thực hiện thí điểm nhiều mô hình có tác động tích cực về môi trường, sinh kế thuận thiên, trong đó Dự án Mekong NbS “sinh kế thuận thiên” với nhiều mô hình như lúa nổi kết hợp trữ cá tự nhiên, nuôi bổ sung cá mùa lũ; nuôi bổ sung cá lóc, trồng sen; trồng lúa ngập sâu mùa lũ; mô hình lúa - cá, lúa - tôm, lúa - sen, mô hình “Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030”; mô hình sản xuất theo hướng Vietgap, Globalgap; mô hình sản xuất giống lúa chất lượng cao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để hạ giá thành và tăng hiệu quả kinh tế nông hộ; mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; mô hình liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp như tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp... được triển khai và nhân rộng góp phần giúp vùng ĐBSCL phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các tỉnh ủy xây dựng và ban hành các nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của địa phương,

tập trung lãnh đạo thực hiện tạo đột phá trong phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. *Kết quả khảo sát về tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp phát huy lợi thế của địa phương, phù hợp xu hướng nông nghiệp và thị trường thế giới, đánh giá rất tốt, rất hợp lý là 40,7%; tốt, hợp lý là 50%.* Kết quả trên cho thấy đa số ý kiến đánh giá rất tốt, rất hợp lý và đánh giá tốt, hợp lý đối với định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của các tỉnh ủy trong vùng. Kết quả này cho thấy rõ ưu điểm nổi bật trong công tác lãnh đạo của tỉnh ủy trong việc khai thác tiềm năng, thế mạnh đặc thù của từng địa phương để xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phù hợp với điều kiện của vùng.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL xây dựng và ban hành chương trình hành động để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Tỉnh ủy Cà Mau ban hành Chương trình số 36-CTr/TU ngày 17/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả về kinh tế, sức cạnh tranh cao, đảm bảo tính bền vững dựa trên các lợi thế đặc thù của địa phương. Phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả, bảo đảm an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành Chương trình số 33-CTr/TU ngày 08/3/2023 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương xác định mục tiêu tổng quát “nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu”

*Kết quả khảo sát việc tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn về phát triển nông nghiệp bền vững có 72% đánh giá hiệu quả cao, thể hiện năng lực lãnh đạo của các tỉnh ủy trong vùng.*

Nhìn chung, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đều xác định rõ nội dung, phương hướng, những giải pháp thực hiện. Phần lớn các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL xây dựng các nghị quyết, chủ trương, kết luận, chương trình về phát triển nông nghiệp theo quy trình, khá chặt chẽ, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện trong thực tế đạt hiệu quả.

*Hai là*, các tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân.

Công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân được các tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện thường xuyên, liên tục, chủ yếu theo hình thức học tập nghị quyết; sinh hoạt chi bộ; sơ, tổng kết công tác hàng năm. Ngoài ra, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân còn tự tìm hiểu qua các báo, đài, phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội,...

Các tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức CT - XH, các cơ quan thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền đến các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân về mục đích, nội dung, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Các cấp, các ngành tổ chức hội nghị, hội thi chuyên đề, các lớp tập huấn, tổ chức nhiều chuyên tham quan học tập kinh nghiệm về các mô hình hay, hiệu quả về sản xuất nông nghiệp cho cán bộ, hội viên nông dân trong tỉnh; cấp phát tờ rơi, tài liệu hỏi - đáp; in ấn panô, áp phích, tuyên truyền trực quan; thực hiện phóng sự về nông nghiệp, nông thôn.

Đài Phát thanh và báo các tỉnh mở chuyên mục tuyên truyền các chủ trương, chính sách, chương trình, đề án của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; về kết quả ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất; khai thác, giới thiệu, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua...

Quán triệt chủ trương của tỉnh uỷ về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, Ban Cán sự đảng UBND các tỉnh đã lãnh đạo UBND phối hợp chặt chẽ với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH chủ động đổi mới phương thức vận động, tuyên truyền trong hệ thống chính trị, đoàn viên, hội viên và nhân dân. Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ thường xuyên tổ chức các hội nghị, báo cáo chuyên đề nhằm định hướng cho các tổ chức CT - XH và các cơ quan báo chí kịp thời tổ chức tuyên truyền phổ biến sâu rộng quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của tỉnh uỷ, UBND tỉnh về định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững, góp phần thay đổi tư duy và hành động trong sản xuất, kinh doanh của người dân.

*Kết quả khảo sát, phương thức lãnh đạo của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân đánh giá rất tốt là 36%, khá tốt là 34,3%, tốt là 20,8%. Kết quả đánh giá và khảo sát thực tế cho thấy, các tỉnh uỷ thực hiện PTLĐ bằng tuyên truyền, vận động trực tiếp, nêu gương và sự thuyết phục.*

Trong bối cảnh mới đòi hỏi việc tuyên truyền không chỉ dừng lại ở việc phổ biến chủ trương, chính sách mà còn lồng ghép nội dung chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua đó, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của người dân, nhất là trong tiếp cận mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

*Ba là, các tỉnh uỷ lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.*

Các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL quan tâm lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ các cơ quan chuyên môn, đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững hiện nay. Việc đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị có đủ năng lực quản lý nhà nước và tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững được các cấp uỷ đảng lãnh đạo thực hiện.

Các tỉnh uỷ chỉ đạo kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành nông nghiệp trong tỉnh, tăng cường bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, thông tin thị trường, biến đổi khí hậu. Các tỉnh uỷ đã chỉ đạo chặt chẽ việc quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế về nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

*Qua khảo sát hiệu quả lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ của các tổ chức, cơ quan hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL, có 63,6% ý kiến cho rằng có hiệu quả cao. Điều đó thể hiện công tác xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp đã được các tỉnh uỷ quan tâm trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất chính trị và chuyên môn phù hợp. Từ đó, nâng cao chất lượng công tác tham mưu và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương. Thực tiễn cho thấy, các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo thông qua công tác cán bộ, đây là “khâu then chốt của then chốt” trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.*

Các tỉnh uỷ chỉ đạo rà soát chức năng, nhiệm vụ, thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, hệ

thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật ở các tỉnh. Bên cạnh đó, các tỉnh triển khai đề án tăng cường viên chức nông nghiệp về công tác trên địa bàn xã trong tỉnh để hỗ trợ kỹ thuật cho người dân ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các tổ chức CT - XH ở nông thôn, đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là cấp xã được kiện toàn kịp thời và chú trọng về chất lượng để thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp.

Tỉnh Đồng Tháp thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, phát triển giống cây, con phù hợp điều kiện tự nhiên của tỉnh. Mở rộng hợp tác quốc tế để nghiên cứu giống hoa, kiểng, phát triển làng hoa Sa Đéc trở thành trung tâm sản xuất và mua bán hoa kiểng của khu vực; đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, tận dụng hiệu quả cơ hội chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Các tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo trên cơ sở sáp nhập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Ban Điều hành Tái cơ cấu ngành nông nghiệp các tỉnh, gọi tắt là Ban Chỉ đạo, đồng chí Bí thư tỉnh uỷ làm Trưởng ban; củng cố các Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn do Ban Cán sự đảng UBND tỉnh thành lập. Từ năm 2015 đến đầu năm 2025, Đảng đoàn HĐND tỉnh và Ban cán sự đảng UBND tỉnh giữ vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết, quyết định của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Từ đầu năm 2025, khi kết thúc hoạt động của hai tổ chức này, chức năng lãnh đạo của Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh được chuyển về cho các đảng uỷ cơ quan Đảng tỉnh, Đảng uỷ UBND tỉnh.

Trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy tạo điều kiện để phát huy vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung nguồn lực để triển khai chính sách nông nghiệp nhanh chóng, đồng bộ và hiệu quả hơn.

*Bốn là*, tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững thông qua cấp uỷ đảng của cơ quan, ban ngành, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các nghị quyết, chương trình được tổ chức triển khai, quán triệt đến các đồng chí bí thư các đảng đoàn, ban cán sự đảng ngành tỉnh, các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ. Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tổ chức triển khai, quán triệt đến cán bộ, đảng viên của địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm. Qua đó, làm chuyển biến tích cực về nhận thức của toàn xã hội về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn hiện nay.

Nhận thức ý nghĩa, sự cần thiết của phát triển nông nghiệp bền vững, đảng đoàn Ủy ban MTTQVN các tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tuyên truyền nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái thích ứng biến đổi khí hậu. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhận thức rõ hơn về ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, từ đó tích cực tham gia hưởng ứng và thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

Các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững. Đa số cán bộ, đảng viên nêu cao ý thức trách nhiệm, thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; làm việc có nguyên tắc, kỷ cương, thực hiện tiết kiệm, chống

lãng phí tiêu cực; tham gia lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tích cực học tập, nghiên cứu, tiếp thu và vận dụng có hiệu quả các tri thức khoa học, công nghệ hiện đại, các sáng kiến trong lao động, sản xuất, công tác; sẵn sàng làm gương trong thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, có ý thức bảo vệ môi trường.

*Kết quả khảo sát tình ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững thông qua cấp ủy đảng của cơ quan, ban ngành, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên của Đảng hoạt động trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức có 64,3% đánh giá là hiệu quả cao.* Điều đó khẳng định vai trò của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong việc cụ thể hóa và đưa chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững vào thực tiễn. Việc tỉnh ủy lãnh đạo thông qua cấp ủy đảng của các cơ quan, ban ngành đã góp phần tăng cường tính thống nhất trong lãnh đạo.

Việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo sức lan tỏa trong xã hội. Khi cán bộ, đảng viên trực tiếp tham gia, tiên phong trong các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, áp dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi hoặc hỗ trợ người dân tiếp cận chính sách... sẽ tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin và khuyến khích nông dân mạnh dạn đổi mới trong sản xuất nông nghiệp.

*Năm là, các tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững thông qua phát huy vai trò của chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT - XH và nhân dân.*

Các tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền tỉnh kịp thời thể chế hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững ở địa phương; lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững đạt hiệu quả.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, các nội dung trong nghị quyết đại hội về phát

triển nông nghiệp, nông thôn, các tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời chính quyền cụ thể hóa, thể chế hóa để triển khai, tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, các tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, ban hành các đề án, kế hoạch thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững, cụ thể:

UBND tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 1066/QĐ-UBND, ngày 05/4/2017 về kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. UBND tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hướng đến mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đồng thời, các cơ quan, ban, ngành, tổ chức CT - XH các cấp trong tỉnh đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa chủ trương của Trung ương và của tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 591/QĐ-UBND.HC ngày 30-6-2014 về “Phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và tầm nhìn 2030”; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/8/2020 về phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chuỗi liên kết ngành hàng chủ lực, đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thiện và phát triển chuỗi liên kết ngành hàng chủ lực của tỉnh một cách bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành hàng chủ lực. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 12/7/2022 về phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 xác định mục tiêu tổng quát là phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu

Tỉnh ủy Vĩnh Long lãnh đạo UBND tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. UBND tỉnh ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp

tỉnh Vĩnh Long theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả và phát triển bền vững, giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 về việc ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững, có sức cạnh tranh cao; góp phần phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hậu Giang tiếp cận phát triển nông nghiệp bền vững trong mối liên hệ chặt chẽ với phát triển công nghiệp, đô thị và du lịch. Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 22/12/2021; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 04/5/2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Bến Tre là địa phương triển khai tái cơ cấu nông nghiệp khá sớm, tập trung nâng cao giá trị gia tăng và hoàn thiện chuỗi sản phẩm nông nghiệp chủ lực. UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành Đề án số 6227/ĐA-UBND, ngày 18/12/2013 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013 - 2015 và hướng đến năm 2020. Triển khai Nghị quyết tỉnh ủy về xây dựng và hoàn thiện chuỗi sản phẩm nông nghiệp chủ lực định hướng đến năm 2025, UBND tỉnh Bến Tre ra Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 ban hành Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030, nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp hữu cơ, nâng cao giá trị sản xuất và hướng tới nền nông nghiệp bền vững tại địa phương.

Cà Mau xây dựng hệ thống kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn

bền vững mang tính chiến lược và dài hạn, gắn chặt giữa cơ cấu lại ngành nông nghiệp với điều kiện đặc thù của địa phương. UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 về kế hoạch thực hiện chương trình số 28-CTr/TU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Kế hoạch, nông nghiệp, nông thôn phát triển nhanh, toàn diện và bền vững trên cơ sở cơ cấu lại ngành nông nghiệp cho phù hợp yêu cầu và điều kiện của tỉnh.

Tỉnh ủy đã lãnh đạo MTTQ Việt Nam và các tổ chức đoàn thể tích cực phát huy vai trò là cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền với quần chúng nhân dân, góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên. MTTQ Việt Nam và các đoàn thể tăng cường phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; công tác vận động, tập hợp hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phát triển nông nghiệp. MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững. Cấp ủy, chính quyền tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể tiếp cận, triển khai các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống của nông dân, tạo sức mạnh tổng hợp, góp phần thực hiện mục tiêu đã đề ra.

Các tỉnh ủy vùng ĐBSCL tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể đổi mới phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, thường xuyên nắm bắt, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân với cấp ủy đảng, chính quyền, chủ động đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Tại nhiều địa phương, Hội Nông dân đã vận động hội viên, nông dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp có giá trị; vận động nông dân thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” nhằm giảm bớt tình trạng ruộng đất manh mún, thực hiện “cánh đồng mẫu lớn”; hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn, chuyên canh và thâm canh cao, như lúa gạo, cây ăn trái, bưởi da xanh (Bến Tre), bưởi năm roi tãi - lộc (Hậu Giang), mô hình kinh tế trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...Hội Nông dân liên kết chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển sản xuất.

*Đánh giá hiệu quả lãnh đạo thông qua phát huy vai trò của chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH về phát triển nông nghiệp bền vững, có 65,7% ý kiến cho rằng đạt hiệu quả cao. Tỷ lệ đánh giá cho thấy phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy đã đáp ứng yêu cầu.*

Chính quyền các cấp đã chủ động cụ thể hóa các định hướng của tỉnh ủy thành chính sách, chương trình và kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; MTTQ và các tổ chức CT - XH phát huy tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội. Nhân dân được khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong việc thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững.

*Sáu là, các tỉnh ủy lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.*

*Qua khảo sát hiệu quả lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy có 61,3% ý kiến cho rằng có hiệu quả cao. Kết quả đánh giá này cho thấy các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đã quan tâm lãnh đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, xem đây là một phương thức lãnh đạo quan trọng nhằm bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và hiệu lực trong tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp bền vững.*

Nhiều địa phương đã duy trì kiểm tra định kỳ, gắn với giám sát chuyên đề, đặc biệt là những nội dung liên quan đến chuyển đổi mô hình sản xuất,

ứng dụng khoa học kỹ thuật, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát đã tăng cường tính minh bạch, khách quan trong quá trình thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đã coi trọng và thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cũng như của tỉnh ủy về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Các tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy có chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và nghị quyết của tỉnh ủy, trong đó có nội dung thực hiện về phát triển nông nghiệp. Nội dung kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết của các tỉnh ủy đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tập trung vào việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện; việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, chính quyền, MTTQVN và các tổ chức CT - XH; việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trực thuộc đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị; các biện pháp, giải pháp để huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững.

Ban Thường vụ tỉnh ủy các tỉnh đã chỉ đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, kết luận, đề án của Trung ương, của tỉnh, nhân rộng các mô hình hay và biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện chủ trương, nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trên cơ sở đó, kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn và xử lý nghiêm đối với trường hợp vi phạm; có giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc từ cơ sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững.

### **3.1.2.2. Hạn chế**

*Thứ nhất*, chất lượng một số nghị quyết, chủ trương và định hướng của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững còn hạn chế, nhất là về tính dự báo và giải pháp đột phá.

Nhìn chung, các tỉnh ủy đã xây dựng và ban hành nghị quyết tổng thể, dài hạn về phát triển nông nghiệp bền vững, nhưng các chủ trương, quan điểm, giải pháp về phát triển nông nghiệp bền vững còn chung chung, chưa cụ thể. Sự chủ động của các cấp ủy, chính quyền ở một vài tỉnh trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nhất là cụ thể hóa các giải pháp thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp, triển khai thực hiện các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn có lúc, có nơi thiếu quyết liệt, chưa hiệu quả [143].

Giai đoạn 2015 - 2020, phần lớn các tỉnh ủy lãnh đạo ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và lồng ghép nội dung phát triển nông nghiệp, nông thôn; ít nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp. Thuật ngữ “nông nghiệp bền vững” chưa được sử dụng nhiều, mặc dù nội dung về phát triển nông nghiệp bền vững có đề cập đến.

Chất lượng một số nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn hạn chế; còn tình trạng nghị quyết, quyết định về các ngành sản xuất nông nghiệp chưa gắn kết với tổng thể phát triển kinh tế. Việc xây dựng một số nghị quyết của các tỉnh ủy có những điểm, những khâu chưa được chuẩn bị chu đáo, nhất là khâu điều tra, khảo sát thực tiễn, thu thập và xử lý thông tin để hình thành các dự thảo nghị quyết. Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân về một số dự thảo nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp có lúc, có nơi còn hình thức, chưa đi vào chiều sâu.

*Qua khảo sát về chất lượng chủ trương, nghị quyết có ảnh hưởng lớn đến kết quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững, 71,8% cho rằng có*

*ảnh hưởng lớn.* Điều này cho thấy vai trò trung tâm và định hướng chiến lược của các chủ trương, nghị quyết trong việc thúc đẩy sự chuyển biến về nhận thức, hành động và kết quả thực tiễn trong phát triển nông nghiệp bền vững ở địa phương. Do đó, quy trình xây dựng không được thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nghị quyết, từ đó ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo của các tỉnh uỷ.

*Thứ hai,* công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện nghị quyết của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững ở một số tỉnh chưa được thực hiện thường xuyên, còn mang tính hình thức.

Một số tỉnh uỷ chưa thực hiện thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc, các tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động thực hiện nghị quyết của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp. Các hoạt động này của một số tỉnh uỷ và nhiều cấp uỷ trực thuộc còn mang tính hình thức, chưa phát huy vai trò công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Việc chỉ đạo của Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ đối với hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng về tuyên truyền các nghị quyết của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững có lúc còn chưa cụ thể, kịp thời, nội dung chưa phong phú, cách thức, phương pháp tuyên truyền đơn điệu, kém hấp dẫn, chưa tạo sự thu hút đối với các tầng lớp nhân dân.

Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nhận định những hạn chế, như: công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chưa tốt, chưa sâu rộng, nên người dân và doanh nghiệp chưa hiểu sâu về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư; việc tham gia thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế, bất cập [146].

*Khảo sát về tình ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đảng viên và quần chúng nhân dân, có 24,5 % ý kiến đánh giá hiệu quả thấp.* Tỷ lệ này cho thấy rằng ở một số địa phương, công tác tuyên truyền vẫn còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thật sự phù hợp với trình độ nhận thức, nhu cầu thông tin, đặc điểm của đảng viên và người dân, chưa khai thác hiệu quả các kênh truyền thông hiện đại như mạng xã hội, các mô hình trực quan, hay các điển hình tiên tiến để lan tỏa tinh thần đổi mới trong sản xuất nông nghiệp. Nhiều nơi chưa chú trọng đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền nên chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững chưa đến được với người dân một cách hiệu quả.

*Thứ ba, công tác tổ chức, cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp còn những yếu kém, bất cập, hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp của các tỉnh ủy.*

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, chất lượng hoạt động của chính quyền tỉnh và các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp một số tỉnh chưa được quan tâm đúng mức. Công tác cán bộ của một số cơ quan, đơn vị còn chậm đổi mới. Chất lượng quy hoạch cán bộ nhìn chung còn thấp, nhất là quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, các sở, ngành liên quan trực tiếp đến hoạt động phát triển nông nghiệp. Việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ cán bộ chưa thường xuyên, nhất là những cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông thôn.

*Kết quả khảo sát lãnh đạo thông qua công tác tổ chức, cán bộ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ các tổ chức, cơ quan hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, có 30,7% ý kiến đánh giá hiệu quả thấp.* Thực tế cho thấy, việc quy hoạch, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp chưa thật

sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn; còn tình trạng cán bộ kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn sâu hoặc chưa được bồi dưỡng thường xuyên về những kiến thức mới, như nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn,... ảnh hưởng đến việc triển khai các mô hình, chương trình, dự án tại địa phương; giảm hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững.

Hiện nay, khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy làm giảm số lượng nhân lực hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp tại cơ sở hoặc nhân lực hỗ trợ chưa nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất nông nghiệp tại địa phương do địa bàn quản lý rộng hơn, đa dạng hơn và nhiều đối tượng hơn. Trong giai đoạn đầu, người dân và hợp tác xã sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận chính sách mới, nguồn vốn ưu đãi hoặc chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

*Thứ tư*, vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững còn chưa được phát huy mạnh mẽ.

Vai trò, trách nhiệm của nhiều các tổ chức đảng và đảng viên ở các chi bộ, đảng bộ xã chưa được thể hiện rõ trong công tác vận động, thuyết phục nhân dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp nhu cầu, xu thế của thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp giai đoạn hiện nay. Đảng viên chưa phát huy vai trò gương mẫu, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối người dân với các nguồn lực, hỗ trợ nông dân tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Việc vận động chuyển đổi số trong nông nghiệp còn có những hạn chế, thiếu đồng bộ, manh mún, chưa ứng dụng công nghệ số vào dự báo dịch bệnh, sâu rầy, chưa có chuỗi kết nối số, chưa có cách tiếp cận mới và

toàn diện theo yêu cầu của chuyển đổi số. *Kết quả khảo sát việc ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá trên thị trường, đánh giá chưa tốt, chưa hợp lý là 7,5%*, thể hiện hạn chế nhất định trong chuyển giao, tiếp cận và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Vai trò của nhiều tổ chức đảng hoạt động trong ngành nông nghiệp và các ngành liên quan trực tiếp đến nông nghiệp của địa phương và ở một số tỉnh còn mờ nhạt. Nhiều đảng viên trong các tổ chức đảng này chưa tích cực và chưa thể hiện rõ vai trò trong thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững.

*Kết quả khảo sát sự lãnh đạo thông qua các cấp uỷ đảng của các cơ quan, ban ngành; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, có 30% ý kiến đánh giá hiệu quả thấp.* Việc phát huy vai trò lãnh đạo và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp ở một số tỉnh vẫn chưa hiệu quả; tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt, gương mẫu trong triển khai chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững; vai trò lãnh đạo của cấp uỷ đảng chưa thể hiện rõ trong triển khai các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ năm,* việc phát huy vai trò của chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH trong triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững chưa hiệu quả. *Qua khảo sát cho thấy việc triển khai nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của chính quyền, MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ 6,1%-9,8% đánh giá là chậm*

**Bảng 3.2: Mức độ triển khai thực hiện nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH các cấp trên địa bàn tỉnh**

TT	Nội dung	Mức độ Nhanh, tích cực (từ 8-10 điểm)	Mức độ Chậm Từ 1-4 điểm
1	Hội đồng nhân dân	338 56,3%	42 7%
2	Ủy ban nhân dân	345 57,5%	40 6,7%
3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	331 55,2%	39 6,5%
4	Hội Nông dân Việt Nam	331 55,2%	37 6,1%
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	287 47,8%	40 6,7%
6	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	288 48%	40 6,7%
7	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	257 42,8%	59 9,8%

*Nguồn: Tác giả khảo sát*

Kết quả khảo sát cho thấy sự thiếu chặt chẽ, đồng bộ trong phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể. Một số địa phương có biểu hiện lúng túng trong xác định nhiệm vụ cụ thể, chậm ban hành kế hoạch triển khai hoặc còn lệ thuộc vào sự chỉ đạo từ cấp trên mà chưa chủ động triển khai từ thực tiễn cơ sở; năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Một số tỉnh ủy có lúc chưa coi trọng đúng mức việc lãnh đạo phát huy vai trò chủ động của HĐND và UBND tỉnh trong chuẩn bị và triển khai, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững. Vai trò

của một số HĐND tỉnh chưa thể hiện rõ trong xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐND cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của một số tỉnh uỷ trong vùng đối với chính quyền tỉnh trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững ở một số nơi còn lúng túng; việc xử lý, ngăn chặn, loại trừ các hoạt động vi phạm pháp luật trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp có lúc, có nơi chưa kịp thời, nghiêm minh. Trách nhiệm của chính quyền trong liên kết “4 nhà” chưa cụ thể, thiếu cơ chế điều hành một cách hiệu quả [156].

*Qua khảo sát việc phát huy vai trò của chính quyền các cấp, MTTQ và các tổ chức CT - XH trong chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững, có 29% ý kiến đánh giá hiệu quả thấp.* Vai trò điều hành, chỉ đạo và triển khai thực hiện của chính quyền các cấp ở một số tỉnh trong vùng còn thiếu quyết liệt, đồng bộ; việc cụ thể hóa nội dung nghị quyết thành chương trình, kế hoạch hành động đôi khi còn chậm, thiếu trọng tâm hoặc đôi khi triển khai, thực hiện mang tính hình thức, chưa hiệu quả.

Bên cạnh đó, vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH, các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn có lúc, có nơi chưa được coi trọng và phát huy đúng mức.

Vai trò của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT - XH, tổ chức xã hội trong phát động, duy trì các phong trào thi đua, cuộc vận động nhân dân, thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa được một số cấp uỷ phát huy mạnh mẽ và thường xuyên.

Một số cấp uỷ lúng túng trong lãnh đạo MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT - XH trong học tập, nhân rộng các điển hình tiên tiến về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng bền vững, toàn diện, hiện đại.

Lãnh đạo phát triển kinh tế tập thể hiệu quả còn thấp. Hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác, hợp tác xã chưa cao, chưa thu hút được đông đảo hộ nông dân tham gia. Các hợp tác xã nông nghiệp còn yếu, quy mô nhỏ, hiệu quả thấp, chưa phát huy vai trò đại diện cho các thành viên trong việc tham gia ký kết hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm, chưa thể hiện vai trò đầu tàu trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp. Liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị chưa đạt yêu cầu; mô hình liên kết các nhà chưa chặt chẽ, chưa phát huy hiệu quả, chưa thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp. Mỗi liên kết tiêu thụ nông sản giữa nông dân và doanh nghiệp chưa toàn diện, dễ đổ vỡ khi thị trường biến động. Liên kết phát triển vùng còn lỏng lẻo, chưa gắn kết hài hòa với phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường; liên kết phát triển theo chuỗi giá trị còn ít, thiếu bền vững và chưa tương xứng với tiềm năng.

*Thứ sáu*, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn hạn chế, chưa thường xuyên. *Qua khảo sát nội dung này có 32% ý kiến đánh giá hiệu quả thấp*, phản ánh việc thiếu chặt chẽ, thiếu thường xuyên trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, mô hình phát triển nông nghiệp bền vững. Trên thực tế, ở một số địa phương, công tác kiểm tra, giám sát chủ yếu kiểm tra theo kế hoạch định kỳ; một số cấp ủy, tổ chức đảng còn xem nhẹ vai trò của kiểm tra, giám sát, thiếu sự chủ động trong thực hiện công tác này.

Công tác kiểm tra, giám sát của các tỉnh ủy đối với các cấp ủy trực thuộc trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững chưa thường xuyên. Vì thế, một số khuyết điểm, sai sót của một số tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và phê duyệt các chương trình, đề án chưa được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Công tác kiểm tra dấu hiệu vi phạm của một số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về phát triển nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế.

Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy đối với các tổ chức đảng trong cơ quan chính quyền cùng cấp về chỉ đạo triển khai, quản lý các hoạt động phát triển nông nghiệp trên địa bàn chưa kịp thời, thậm chí nhiều nơi còn buông lỏng, để xảy ra vi phạm.

### **3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

#### **3.2.1. Nguyên nhân**

##### ***3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm***

*Thứ nhất*, Đảng đã ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đặc biệt là phát triển nông nghiệp bền vững; sự quan tâm hỗ trợ của các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương về phát triển nông nghiệp của vùng ĐBSCL.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành trung ương khoá X ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định: “phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân thông minh”; “Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cụ thể hóa quan điểm của Đảng, Chính phủ đã ra Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Chính trị khóa XIII ban hành Nghị quyết số 13-

NQ/TW ngày 2/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 18/6/2022 về một số nhiệm vụ thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững vùng ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành liên quan đã có văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, các cơ chế, chính sách hỗ trợ, huy động nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL theo hướng bền vững.

*Thứ hai*, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL nhận thức đúng đắn, triển khai và vận dụng sáng tạo các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững.

Trên cơ sở sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh ủy đã kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương thành nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch để tổ chức thực hiện. Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL bám sát điều kiện cụ thể của địa phương đã ban hành chương trình hành động cụ thể nhằm lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đảng, đảng viên thực hiện chủ trương, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với tình hình của địa phương.

*Thứ ba*, sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH trong triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, hiện đại

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh ủy Đồng Tháp lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong đó có phát triển nông nghiệp đạt nhiều thành tựu, một trong những nguyên nhân của kết quả đạt được là “Phát huy cao nhất tính chủ động của các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp, sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp [50, tr.34]

Các tỉnh ủy quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cùng với sự điều hành của UBND tỉnh; sự quyết tâm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện

ng nghị quyết, chương trình hành động về phát triển nông nghiệp đạt hiệu quả. Các tổ chức cơ sở đảng đã nhận thức đúng, thực hiện tốt chức năng hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở; quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động. Các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hành động của tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 13-NQ/TW. Mỗi đơn vị tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo thực hiện đầy đủ các nội dung nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của tỉnh ủy, đồng thời chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp cụ thể cho từng giai đoạn.

MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT - XH chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động nhằm phát huy vai trò vận động và tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng trong đó có chủ trương về phát triển nông nghiệp bền vững. Trong đó, MTTQ Việt Nam với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Hội Phụ nữ với cuộc vận động xây dựng gia đình “5 không 3 sạch”, “5 có 3 sạch”; Đoàn Thanh niên với phong trào 5 xung kích tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Hội Nông dân với phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” và vận động nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới; Hội Cựu chiến binh với phong trào thi đua Cựu chiến binh gương mẫu gắn với phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới. Các tổ chức đoàn thể đã góp phần khơi dậy ý chí vươn lên, khát vọng làm giàu chính đáng trong đoàn viên, hội viên, nhân dân; động viên, cổ vũ tinh thần thi đua, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật, áp dụng hiệu quả tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất. Các đoàn thể đã góp phần nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên tích cực thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Thứ tư*, nông dân vùng ĐBSCL nỗ lực phát huy vai trò chủ thể trong phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại

Vùng ĐBSCL có khoảng 10 triệu hộ nông dân. Nông dân vùng ĐBSCL đã nỗ lực cố gắng vượt qua khó khăn, thách thức, tích cực chủ động phát triển sản xuất, thay đổi thói quen sản xuất. Các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học đã đồng hành, hỗ trợ nông dân tìm ra hướng phát triển nông nghiệp mới để bảo đảm sự phát triển bền vững. Nông dân tích cực mở rộng phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp bền vững, nông dân ĐBSCL tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, triển khai thực hiện những nhiệm vụ theo phương hướng của Đảng, Nhà nước đề ra. Nông dân tích cực thực hiện phát triển nông nghiệp. Trong quá trình đó, nông dân kịp thời phản ánh với cấp ủy, chính quyền những bất cập, hạn chế, khó khăn cần tháo gỡ để các tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung những nhiệm vụ quan trọng vào thực hiện các nội dung phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ năm*, các tỉnh ở vùng ĐBSCL chủ động liên kết vùng, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp bền vững

Trong thời gian qua, các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã dần mở rộng và đa dạng hóa các loại hình hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh; gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; gắn sản xuất với phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương. Các tỉnh vùng ĐBSCL chú trọng liên kết vùng trong các lĩnh vực thế mạnh của ĐBSCL như: nuôi trồng thủy sản, lúa gạo, cây ăn quả, du lịch sông nước; chú trọng đẩy mạnh liên kết hợp tác, phát triển hạ tầng giao thông kết nối với vùng Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh; chú trọng khai thác lợi thế, phát triển có hiệu quả sản xuất lương thực, thủy sản, hoa quả gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu

thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Chủ động thích ứng, thực hiện hiệu quả các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; giải quyết vấn đề xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển; xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Công...

### **3.2.1.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém**

*Một là*, nhận thức, năng lực, tinh thần trách nhiệm của một số tỉnh ủy viên, cán bộ, đảng viên trong phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL chưa cao. *Qua khảo sát, có hơn 86% cho rằng nhận thức của một số tỉnh ủy viên chưa thật sự sâu sắc về tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.* Kết quả này phản ánh vấn đề nhận thức, tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay của một số cấp ủy viên. Thực tế cho thấy, nông nghiệp bền vững là lĩnh vực có tính chất liên ngành, liên vùng, chịu tác động mạnh từ biến đổi khí hậu, thị trường và hội nhập quốc tế. Do vậy, nếu nhận thức chưa sâu sắc, chưa đầy đủ, thiếu tinh thần trách nhiệm sẽ dẫn đến tình trạng ban hành nghị quyết còn chung chung, thiếu tính thực tiễn hoặc triển khai thực hiện một cách hình thức, thiếu quyết liệt và không hiệu quả.

Một số tỉnh ủy viên chưa quan tâm đúng mức, chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phát triển nông nghiệp bền vững, chưa dành nhiều thời gian và công sức cho hoạt động lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò quan trọng của phát triển nông nghiệp bền vững, nông dân và nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một số người đứng đầu cấp ủy thiếu đôn đốc trong triển khai thực hiện, chưa tạo ra nhiều hoạt động, phong trào sôi nổi trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững, việc sơ kết, tổng kết công tác lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn thích ứng biến đổi khí

hậu chưa thường xuyên; chưa chủ động tìm nhiều giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương,... những biểu hiện trên làm giảm hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững.

Cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp có lúc chưa đồng bộ, còn khó khăn, lúng túng; tính gương mẫu, đi đầu của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững chưa thể hiện rõ nét.

*Hai là*, tổ chức bộ máy, cán bộ và chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, chính quyền trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn đặt ra. *Qua khảo sát đánh giá có 80,8% đồng ý nguyên nhân này*, phản ánh các cơ quan tham mưu về lĩnh vực nông nghiệp một số nơi còn chồng chéo chức năng, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành như nông nghiệp, tài nguyên môi trường, khoa học công nghệ, tài chính; một số cơ quan chưa chủ động tham mưu các chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, dẫn đến việc xây dựng nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh ủy chưa sát với thực tiễn; cán bộ ở cơ sở còn yếu cả về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý; kỹ năng vận động nhân dân; thiếu kiến thức về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi số trong nông nghiệp. Điều này làm cho việc triển khai các nghị quyết của tỉnh ủy khó khăn, kém hiệu quả.

Các cơ quan tham mưu cho tỉnh ủy, chính quyền về phát triển nông nghiệp chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ, như chưa tham mưu tốt cho tỉnh ủy, chính quyền ban hành các chương trình, kế hoạch đào tạo nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp; tham mưu cho chính quyền xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách để quản lý, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo cơ chế thuận lợi nhằm thu hút nguồn lực từ cộng đồng doanh nghiệp vào đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, nhiều

chính sách chưa phù hợp nhưng chậm đề xuất sửa đổi, bổ sung; nhiều cơ chế, chính sách đang thiếu nhưng chưa được đề xuất ban hành. Trong quá trình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, giữa các cơ quan tham mưu có những lúc chưa có sự phối hợp chặt chẽ, nên còn hiện tượng chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL là hạn chế trong trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. *Qua khảo sát, đánh giá nguyên nhân này có 83% đồng ý.* Thực tế cho thấy, cán bộ các cấp còn hạn chế về kiến thức nông nghiệp như chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; một số cán bộ quản lý còn thụ động, thiếu sáng tạo; công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp chưa được chú trọng thường xuyên và toàn diện. Điều này tạo ra khoảng cách giữa chủ trương của cấp tỉnh và khả năng tổ chức thực hiện ở các cấp trong quá trình triển khai nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững.

Bên cạnh đó, năng lực đội ngũ cán bộ nông nghiệp còn hạn chế, nhất là việc nghiên cứu sản xuất các loại giống mới, phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch và thông tin thị trường, kết nối sản xuất và tiêu thụ; việc đưa cây, con giống mới vào sản xuất, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Trình độ đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế trong tổ chức sản xuất, kết nối thị trường, làm chủ công nghệ nên mối liên kết giữa doanh nghiệp và người sản xuất chưa bền vững.

Ba là, công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của cấp ủy, chính quyền một số địa phương còn hạn chế.

Một số địa phương thực hiện phân cấp quản lý còn bất cập; chưa có giải pháp, lộ trình cụ thể, thiết thực, còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ,

mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. *Qua khảo sát, đánh giá nguyên nhân về năng lực tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp,... của chính quyền các cấp, có 90,5% đồng ý còn hạn chế.* Đây là nguyên nhân hàng đầu của các yếu kém. Qua đó, phản ánh hạn chế trong quá trình hiện thực hóa chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL. Năng lực dự báo, lập kế hoạch, huy động, phân bổ nguồn lực và theo dõi quá trình thực hiện còn lỏng lẻo. Điều này dẫn đến tình trạng một số mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững chưa được thực hiện hoặc triển khai dàn trải, thiếu chiều sâu.

Cấp ủy, chính quyền địa phương một số nơi triển khai thực hiện nghị quyết, chương trình và các chủ trương về phát triển nông nghiệp còn lúng túng, mang tính hình thức, thiếu chủ động đề ra các giải pháp hiệu quả trong việc triển khai thực hiện theo tinh thần nghị quyết, chương trình hành động của tỉnh ủy: “Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền ở một số ngành, lĩnh vực, địa phương có lúc chưa quyết liệt, còn biểu hiện lúng túng, thiếu tập trung” [49, tr.42]

Một số cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn tình hình, đặc điểm địa phương; việc triển khai thực hiện một số văn bản của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương còn khó khăn, hiệu quả thấp; việc vận dụng các chính sách của Trung ương và của tỉnh vào điều kiện thực tiễn còn thiếu linh hoạt, chưa tạo được động lực thể chế thúc đẩy phát triển nông nghiệp.

*Bốn là, một số tỉnh chưa phát huy hết vai trò của hệ thống chính trị để huy động sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững*

Một số tỉnh chưa phát huy hết vai trò của hệ thống chính trị để phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp

bền vững. *Qua khảo sát, đánh giá nguyên nhân về chưa phát huy tốt vai trò của nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, hữu cơ, sinh thái, chuyển đổi số trong nông nghiệp có 92,3% đồng ý.* Kết quả này phản ánh mức độ tham gia và sự chủ động của người dân trong thực hiện chính sách, mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn hạn chế. Một số người dân vẫn còn mang tâm lý thụ động, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước; nhiều hộ dân chưa được tiếp cận đầy đủ thông tin, chưa được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, hoặc thiếu nguồn lực để chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sinh thái, bền vững

Ngoài ra, nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững rất lớn, trong khi nguồn kinh phí đầu tư của Nhà nước có giới hạn; việc huy động các nguồn lực gặp nhiều khó khăn. *Qua khảo sát, đánh giá nguyên nhân về tình uỷ chưa thật quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo huy động các nguồn lực vào phát triển nông nghiệp bền vững có 84,5% đồng ý.* Sự hạn chế trong việc huy động và phân bổ nguồn lực để hiện thực hóa các nghị quyết, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là do một số tỉnh uỷ chưa đưa nội dung huy động nguồn lực vào chương trình hành động rõ ràng, thiếu chỉ đạo quyết liệt để các cấp uỷ, chính quyền địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả. Việc phối hợp giữa các sở, ngành trong việc xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp bền vững còn chậm. Công tác xúc tiến đầu tư chưa được chú trọng đúng mức, những hạn chế này dẫn đến tình trạng thiếu vốn đầu tư, thiếu công nghệ, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp ban hành nhiều nhưng chưa bảo đảm, do thiếu nguồn lực tài chính, nhất là nguồn lực thực hiện nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nguồn lực đầu tư chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, việc huy động nguồn lực đầu tư của toàn xã hội còn hạn chế. Cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực nông nghiệp và hỗ trợ liên kết tiêu thụ, hỗ

trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp thiếu đồng bộ, thủ tục còn rườm rà, nguồn lực thực hiện chưa đáp ứng nhu cầu, dẫn đến hiệu quả mang lại chưa cao. Cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu.

*Năm là*, liên kết vùng và liên kết chuỗi giá trị chưa bền vững

Nguyên nhân của hạn chế trong lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững thể hiện rõ ở việc liên kết vùng và liên kết chuỗi giá trị còn thiếu chặt chẽ, chưa bền vững. Trước hết, tư duy phát triển nông nghiệp ở không ít địa phương vẫn mang tính cục bộ theo địa giới hành chính, chưa đặt trong tổng thể không gian phát triển của vùng dẫn đến quy hoạch sản xuất còn chòng chẹo, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các tỉnh. Cơ chế điều phối, phân công vai trò giữa các địa phương trong vùng chưa rõ ràng, chưa hình thành được các chuỗi liên kết liên tỉnh gắn với lợi thế so sánh và điều kiện sinh thái đặc thù của từng tiểu vùng.

Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy trong thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp còn hạn chế, nhất là trong việc kết nối bền vững giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tuy đã ban hành nhưng việc tổ chức thực hiện còn thiếu quyết liệt, thiếu các cơ chế ràng buộc lợi ích và trách nhiệm giữa các chủ thể trong chuỗi. Hệ quả là nhiều mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn mang tính ngắn hạn, dễ đứt gãy khi thị trường biến động, làm giảm hiệu quả và tính bền vững của phát triển nông nghiệp toàn vùng ĐBSCL.

*Sáu là*, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp khó lường, khó dự báo ảnh hưởng đến chất lượng lãnh đạo của cấp ủy về phát triển nông nghiệp bền vững

Sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu; tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản diễn biến phức tạp; thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định. Theo kịch bản của

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố, nếu mực nước biển dâng 100cm thì nguy cơ ngập cho vùng ĐBSCL sẽ lên tới 47,29% và khoảng 570.000ha lúa sẽ bị ngập và các khu vực chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu là Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Kiên Giang [157], vấn đề xâm nhập mặn cùng tác động của hạn hán sẽ ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nước ngọt, giảm chất lượng nước mặt, nước ngầm làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp các tỉnh vùng ĐBSCL. *Qua khảo sát, đánh giá nguyên nhân về biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường có 91,8% đồng ý.*

Trong điều kiện biến đổi khí hậu diễn ra với tần suất và cường độ ngày càng phức tạp, sự lãnh đạo của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững đôi khi còn bị động, thiếu tính dự báo dài hạn và chậm thích ứng; các chính sách, kế hoạch chuyển đổi sản xuất, cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng chưa đồng bộ; hệ thống cảnh báo sớm chưa đáp ứng được yêu cầu... Đây là nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL.

### **3.2.2. Kinh nghiệm bước đầu trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian qua đã thể hiện nhiều ưu điểm, bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững được thực hiện hiệu quả. Cấp ủy, chính quyền địa phương và người dân trong vùng phát huy vai trò trong thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua thực tiễn, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL:

*Thứ nhất*, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và người dân gắn với đặc trưng vùng nông nghiệp trọng điểm.

ĐBSCL không chỉ là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước mà còn là khu vực có điều kiện tự nhiên đặc thù, phụ thuộc chặt chẽ vào chế độ nước, hệ sinh thái sông, biển, đất ngập nước và chịu tác động trực tiếp, thường xuyên của biến đổi khí hậu. Chính vì vậy, phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng này không thể chỉ là nhiệm vụ riêng của ngành nông nghiệp mà đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cùng với sự tham gia chủ động của người dân.

Trong thực tiễn, các tỉnh uỷ đã nhận thức rõ rằng, nếu không có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động từ cấp uỷ, chính quyền đến các tổ chức CT - XH và cộng đồng dân cư thì rất khó triển khai hiệu quả các nghị quyết, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện sinh thái nước mặn, nước lợ, nước ngọt đan xen theo mùa và theo không gian. Do đó, việc phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của tỉnh uỷ, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức trong hệ thống chính trị trở thành yếu tố then chốt bảo đảm tính thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, phát huy vai trò của người dân trong sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Việc thực hiện tốt dân chủ cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng” nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, đưa các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp đi vào thực tế cuộc sống.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, đối với vùng ĐBSCL, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị gắn với phát huy quyền làm chủ của người dân là điều kiện mang tính quyết định để triển khai thực hiện chủ trương, đường lối phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với điều kiện tự nhiên đặc thù của vùng và biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

*Thứ hai*, các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL quan tâm lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu.

ĐBSCL là vùng có điều kiện sinh thái đặc thù, chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở, không chỉ có năng lực quản lý mà còn am hiểu sâu sắc đặc điểm về đất, nước, sinh thái của từng tiểu vùng. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả triển khai các chủ trương, chính sách phụ thuộc lớn vào năng lực tổ chức thực hiện, khả năng thích ứng và bám sát thực tiễn của đội ngũ cán bộ.

Nhận thức rõ điều đó, các tỉnh uỷ đã xác định phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng hàng đầu trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững; đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực vận động quần chúng, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Chính vì vậy, các tỉnh uỷ đã xây dựng được đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực nông nghiệp bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh trong những năm qua.

Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa quan trọng trong dẫn dắt quá trình thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang làm kinh tế nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Công tác tuyên truyền, học tập, nghiên cứu, quán triệt chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất trong hành động của toàn hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân.

Như vậy, trong điều kiện đặc thù của vùng ĐBSCL, xây dựng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là nhân tố quyết định bảo đảm hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ ba*, các tỉnh uỷ phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo trên cơ sở khai thác lợi thế và thích ứng điều kiện tự nhiên đặc thù của vùng.

ĐBSCL là vùng có điều kiện tự nhiên đa dạng, phân hoá rõ theo các tiểu vùng sinh thái đồng thời chịu tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sụt lún đất.... Thực tiễn này đòi hỏi quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp không thể áp dụng mô hình chung, mà phải dựa trên tư duy linh hoạt, chủ động thích ứng và mô hình nông nghiệp “thuận thiên”.

Trên cơ sở đó, các tỉnh uỷ đã phát huy tính chủ động, sáng tạo trong vận dụng chủ trương của Đảng vào điều kiện cụ thể của từng địa phương; chú trọng đánh giá đúng tiềm năng, lợi thế và hạn chế để lựa chọn mô hình phát triển phù hợp. Nhiều địa phương đã chuyển mạnh từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang các mô hình nông nghiệp thích ứng như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng gắn với từng tiểu vùng.

Đồng thời, các tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo các khâu đột phá mang tính đặc thù của vùng như ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ giống; phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh cơ giới hoá, hiện đại hoá các khâu sản xuất; tăng cường liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Đây là những giải pháp có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và giá trị gia tăng của nông sản trong điều kiện hội nhập và biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, các tỉnh uỷ xác định trọng tâm, trọng điểm trong từng ngành, từng địa phương để đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp phù hợp; có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các ngành, địa phương liên quan, tránh chồng chéo, bỏ sót công việc, nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện.

Như vậy, trong điều kiện đặc thù của vùng ĐBSCL, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo là điều kiện quan trọng để xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và khai thác hợp lý các lợi thế của vùng.

*Thứ tư*, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân kết hợp với triển khai có hiệu quả các mô hình kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

ĐBSCL là vùng chịu tác động trực tiếp và ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là hạn hán, xâm nhập mặn và sụt lún đất, làm thay đổi căn bản điều kiện sản xuất nông nghiệp. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân để chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các tỉnh uỷ đã chú trọng công tác tuyên truyền, vận động theo hướng sát thực tiễn, phù hợp điều kiện cụ thể địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo nên sự đồng thuận trong nhân dân.

Gắn với công tác tuyên truyền, các tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất phù hợp điều kiện đặc thù của vùng như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, các mô hình canh tác thích ứng với hạn mặn... Việc triển khai các mô hình này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn bảo vệ tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái của vùng.

Trong quá trình triển khai, các cấp uỷ nắm bắt tình hình thực tế để kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh mục tiêu, chính sách cho phù hợp; đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện. Bên cạnh đó, việc kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phát triển các mô hình nông nghiệp bền vững đã góp phần lan tỏa phong trào thi

đưa sản xuất xanh, thân thiện môi trường, hướng tới một nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, bền vững ở vùng ĐBSCL.

*Thứ năm*, phát triển nông nghiệp bền vững gắn với liên kết vùng, khai thác lợi thế tổng thể của vùng ĐBSCL.

Vùng ĐBSCL là một chỉnh thể thống nhất về tự nhiên, đặc biệt là hệ thống sông ngòi, nguồn nước và các tiểu vùng sinh thái liên kết chặt chẽ. Do đó, phát triển nông nghiệp nếu thiếu liên kết vùng sẽ dẫn đến tình trạng cục bộ, manh mún, kém hiệu quả. Nhận thức rõ đặc thù đó, các tỉnh uỷ đã xác định liên kết vùng trở thành quan điểm chỉ đạo, mang tính chiến lược trong phát triển nông nghiệp bền vững. Trên cơ sở đó, các tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp và hạ tầng theo hướng đồng bộ, liên thông, gắn với tổ chức lại không gian sản xuất theo các tiểu vùng sinh thái và chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực.

Đồng thời, trong bối cảnh hội nhập và yêu cầu nâng cao giá trị gia tăng, các tỉnh uỷ đã đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản. Đây là hướng đi phù hợp nhằm khắc phục hạn chế về quy mô sản xuất nhỏ lẻ, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản vùng ĐBSCL trên thị trường trong nước và quốc tế.

Các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL đã lãnh đạo liên kết đa chiều như liên kết giữa các tỉnh trong tiểu vùng, toàn vùng; liên kết với các trung tâm kinh tế lớn như TP. Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh và liên kết với các vùng kinh tế trọng điểm khác. Thông qua đó, hình thành mạng lưới liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ đồng thời hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ và giải quyết các vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền của các địa phương trong vùng.

### **Tiểu kết chương 3**

Thời gian qua, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp bền vững, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ các tỉnh đã từng bước cụ thể hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao đời sống nông dân. Tuy nhiên, công tác lãnh đạo của các tỉnh ủy còn một số hạn chế như: việc thể chế hóa chủ trương chưa đồng bộ, năng lực tổ chức thực hiện chưa cao, liên kết vùng chưa chặt chẽ và ứng dụng khoa học công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng. Nguyên nhân của những hạn chế trên đến từ cả khách quan lẫn chủ quan, trong đó nổi bật là nhận thức, trách nhiệm của một số tỉnh ủy viên còn hạn chế, nguồn lực phân bổ chưa hợp lý và sự phối hợp giữa các cấp ngành chưa chặt chẽ. Từ thực tiễn đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng: phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân kết hợp với triển khai có hiệu quả các mô hình kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững... Nguyên nhân, kinh nghiệm làm nền tảng cho đề xuất phương hướng, giải pháp ở chương 4.

## **Chương 4**

# **PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035**

## **4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035**

### **4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

#### **4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi**

Việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL của các tỉnh ủy hiện nay có nhiều thuận lợi tạo tiền đề quan trọng góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra, những yếu tố đó là:

*Thứ nhất*, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Đảng, Nhà nước trong phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL; nhiều cơ chế, chính sách đầu tư vào nông nghiệp bền vững được tập trung đẩy mạnh thực hiện.

Phát triển nông nghiệp bền vững luôn là mục tiêu chiến lược được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm trong quá trình phát triển đất nước. Với vị trí quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực, sinh kế cho hàng triệu nông dân và phát triển kinh tế nông thôn, nông nghiệp đang được định hướng phát triển theo hướng hiện đại, xanh, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong những năm gần đây, sự quan tâm ngày càng sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL đã được thể hiện rõ qua hàng loạt chính sách thiết thực, các chương trình đầu tư trọng điểm, cùng với nỗ lực cải thiện hạ tầng sản xuất ngày một

đồng bộ và hiệu quả hơn. Giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn ngân sách Trung ương đầu tư phát triển hạ tầng giao thông của vùng khoảng 86 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 14% cả nước, tăng gấp 2,6 lần so với giai đoạn 2016 - 2020, trong đó, vốn bố trí đầu tư phát triển đường cao tốc khoảng 42.647 tỷ đồng, chiếm 20% cả nước [5]. Liên kết nội vùng và vùng ĐBSCL với các địa phương khác cũng được cải thiện, trong đó, liên kết kinh tế vùng ĐBSCL - TP. Hồ Chí Minh đạt mức 280 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, các tỉnh, thành phố trong vùng đã hoàn thành 863 cụm, tuyến dân cư và 119 bờ bao khu dân cư có sẵn cho 191.000 hộ dân, 1 triệu người dân vùng ngập lũ.

Trên bình diện chiến lược, Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp, nông dân với biến đổi khí hậu từng vùng, miền. Cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng như Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó nhấn mạnh vai trò trung tâm của nông dân và nhu cầu cấp thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững, gắn kết chặt chẽ với thị trường và khoa học công nghệ. Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là hướng tới sự phát triển bền vững cả về kinh tế - xã hội và môi trường; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta xác định: “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm...” [46, tr.93]. Đây là cơ sở quan trọng để các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL xác định các

chủ trương, giải pháp lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững những năm tới đạt kết quả.

Vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp ĐBSCL tập trung cụ thể hóa chủ trương và tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ Trung ương. Các tỉnh, thành phố đã ban hành nhiều đề án, chương trình hành động thiết thực, đồng thời phối hợp với doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để xây dựng mô hình nông nghiệp thích ứng với đặc điểm sinh thái, điều kiện sản xuất của vùng. Từ đó, hình thành những vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn, áp dụng công nghệ hiện đại và xây dựng thương hiệu nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn quốc tế

Bên cạnh đó, các tỉnh, thành phố trong vùng phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các khu đô thị gồm trung tâm đầu mối tổng hợp ở TP.Cần Thơ; trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng (hiện nay là An Giang, Cà Mau, Cần Thơ) gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển; trung tâm đầu mối ở Tiền Giang, Bến Tre (nay là Đồng Tháp, Vĩnh Long) gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu.

*Thứ hai*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng với thành tựu phát triển qua 40 năm đổi mới tạo nền tảng để phát triển nông nghiệp bền vững, gia tăng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, người dân về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp của Đảng, Nhà nước, góp phần tạo thuận lợi cho việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh uỷ trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Đảng và Nhà nước tiếp tục khẳng định vai trò chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển đất nước. Các chủ trương, nghị quyết Trung ương về phát triển nông nghiệp bền vững là cơ sở vững chắc để các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo thực hiện. Nông nghiệp vẫn là thế mạnh

của nền kinh tế nước ta, tạo việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân; đồng thời, nông nghiệp phát triển bền vững góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cùng với việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách thiết thực, kịp thời nhằm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại thì niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân vào định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước ngày càng được củng cố. Niềm tin ấy xuất phát từ việc các chủ trương, chính sách về nông nghiệp được xây dựng sát thực tiễn, có định hướng lâu dài và phù hợp với yêu cầu của thời đại. Các Nghị quyết Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2030 đều cho thấy tầm nhìn chiến lược của Đảng, Nhà nước trong việc đưa nông nghiệp Việt Nam phát triển hiện đại, hội nhập sâu rộng, đồng thời bảo đảm an ninh lương thực, sinh kế và môi trường. Chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng, tín dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, bảo hiểm nông nghiệp... đã và đang tiếp thêm động lực để nông dân mạnh dạn chuyển đổi sản xuất, doanh nghiệp thì yên tâm đồng hành cùng nhà nước trong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp. Đây chính là yếu tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần tạo thuận lợi để thực hiện thành công mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Bên cạnh đó, niềm tin của người dân được củng cố qua kết quả thực tiễn của quá trình tổ chức thực hiện các chính sách. Nhiều cấp uỷ, chính quyền địa phương đã có những bước tiến rõ rệt trong lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tổ chức lại sản xuất theo mô hình hợp tác xã, liên kết sản xuất - tiêu thụ. Nhiều mô hình thành công trong sản xuất hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu... đã chứng minh rằng chủ trương của Đảng là đúng đắn được các cấp uỷ lãnh đạo thực hiện thành công trong thực tiễn đời sống. Thực hiện sự lãnh đạo của các cấp uỷ, người dân không còn đơn thuần trông chờ vào hỗ trợ mà đã trở thành chủ thể tích cực trong phát triển sản xuất. Doanh nghiệp không

còn đứng ngoài nông nghiệp mà đã đầu tư mạnh mẽ hơn vào lĩnh vực này, đặc biệt trong khâu chế biến, xuất khẩu và liên kết với nông dân.

Hơn nữa, sự công khai, minh bạch và lắng nghe ý kiến người dân, doanh nghiệp trong quá trình hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách cũng góp phần làm sâu sắc thêm niềm tin vào Đảng, Nhà nước. Đây chính là “nguồn vốn mềm” quan trọng, góp phần bảo đảm sự thành công trong triển khai thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của vùng. Ngoài ra, những thành tựu đạt được sau 40 năm đổi mới, đặc biệt là kinh nghiệm trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy, sẽ tiếp tục được kế thừa và phát huy trong quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

Tỉnh ủy các tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững. Qua thực tiễn nhận thấy quy trình xây dựng và chất lượng của những chương trình, kế hoạch ngày càng chặt chẽ và nâng cao. Các tỉnh ủy, các cấp ủy đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên tích lũy được nhiều kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững như: tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy, chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện nghị quyết về nông nghiệp; sự chủ động và linh hoạt trong hoạch định chính sách sát với điều kiện thực tiễn địa phương. Đây là tiền đề quan trọng để tỉnh ủy và chính quyền các tỉnh tiếp tục thực hiện mục tiêu đưa nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Đồng thời, những hạn chế, bất cập, yếu kém trong phát triển nông nghiệp bền vững cũng đã được chỉ ra để khắc phục, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới.

*Thứ ba*, tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế về nông nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam và các tỉnh trong vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng, việc tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp đã trở thành xu thế tất yếu để Việt Nam nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng phát triển nền nông nghiệp bền vững. Đây là điều kiện thuận lợi để các tỉnh uỷ lãnh đạo nâng cao chất lượng sản xuất, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Trước hết, hội nhập quốc tế tạo cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu và thúc đẩy tiêu thụ nông sản Việt Nam. Thông qua việc tham gia các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA, RCEP..., hàng loạt sản phẩm nông nghiệp của vùng ĐBSCL như lúa gạo, trái cây, thủy sản đã có cơ hội tiếp cận thị trường rộng lớn với thuế suất ưu đãi và tiêu chuẩn minh bạch. Điều này không chỉ nâng cao giá trị nông sản mà còn buộc các địa phương phải tái cấu trúc sản xuất, nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, từ đó tiến gần hơn đến mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế giúp các tỉnh vùng ĐBSCL tiếp cận các mô hình sản xuất tiên tiến và công nghệ hiện đại trong nông nghiệp. Việc hợp tác với các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển mang đến cơ hội ứng dụng nông nghiệp số, canh tác hữu cơ, công nghệ tiết kiệm nước, kiểm soát dịch bệnh bằng phần mềm quản lý... Những tiến bộ này giúp nông dân tăng năng suất, giảm chi phí, bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đây là một trong những yêu cầu quan trọng của phát triển nông nghiệp bền vững.

Hội nhập quốc tế sâu rộng cũng đặt ra yêu cầu để các tỉnh uỷ tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, tăng cường liên kết vùng và hoàn thiện thể chế quản lý nông nghiệp. Đây là cơ hội để các tỉnh uỷ trong vùng ĐBSCL đẩy mạnh phối hợp trong quy hoạch sản xuất, điều tiết thị trường, chia sẻ hạ tầng và nguồn lực. Kinh nghiệm quản trị và các chuẩn mực quốc tế sẽ hỗ trợ các địa

phương xây dựng chính sách phù hợp, minh bạch và hiệu quả hơn trong quản lý phát triển nông nghiệp.

Hội nhập quốc tế là điều kiện các tỉnh uỷ huy động nguồn lực từ bên ngoài, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ phát triển chính thức (ODA) và các chương trình hợp tác kỹ thuật. Những nguồn lực này không chỉ cung cấp tài chính mà còn đem lại tri thức, công nghệ và kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức sản xuất. Vùng ĐBSCL có thể tận dụng hợp tác quốc tế để triển khai các dự án lớn về cải tạo hạ tầng thủy lợi, phát triển vùng nguyên liệu, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống nông dân.

Ngoài ra, quá trình hội nhập quốc tế cũng góp phần thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Việc thực hiện các cam kết quốc tế yêu cầu các cấp uỷ, chính quyền vùng ĐBSCL phải đổi mới quy trình lãnh đạo, chỉ đạo, giảm thủ tục hành chính và minh bạch hóa chính sách. Đồng thời, thông qua các chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu và giao lưu quốc tế, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân sẽ có điều kiện tiếp thu kiến thức mới, nâng cao tư duy sản xuất và năng lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Việc đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong nông nghiệp không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực quan trọng để phát triển nền nông nghiệp bền vững, hiện đại, có khả năng thích ứng cao ở vùng ĐBSCL. Các tỉnh uỷ trong vùng cần nắm bắt cơ hội, chủ động đổi mới tư duy, nâng cao năng lực hội nhập, đồng thời phát huy nội lực để khai thác tối đa các lợi thế từ hợp tác quốc tế vì sự phát triển bền vững lâu dài cho nông nghiệp và nông thôn của vùng trọng điểm này. Vùng ĐBSCL đang thu hút sự quan tâm của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước trong lĩnh vực nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành chuỗi giá trị bền vững, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Nhiều tổ chức quốc tế như FAO, IFAD, JICA, ADB, WB... đã và đang tài trợ, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ nguồn vốn và tư vấn chính sách cho

Việt Nam triển khai các dự án cải thiện hệ thống canh tác thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp hữu cơ và xây dựng mô hình sinh kế bền vững ở các vùng trọng điểm trong đó có vùng ĐBSCL. Có thể thấy rằng hội nhập quốc tế về nông nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững đạt các mục tiêu đề ra.

*Thứ tư*, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo tinh thần tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc hợp nhất, sáp nhập một số tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSCL và tổ chức lại chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp mở ra nhiều thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy trong vùng.

Việc hợp nhất các đơn vị hành chính cấp tỉnh sẽ giúp rút ngắn khoảng cách hành chính giữa các địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và triển khai quy hoạch địa phương có tính tổng thể, đồng bộ và lâu dài. Các tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp trên quy mô rộng hơn, không còn bị giới hạn bởi ranh giới hành chính. Sự đồng bộ trong quy hoạch sẽ góp phần giải quyết tình trạng manh mún, chia cắt trong tổ chức sản xuất, từ đó thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại và hiệu quả.

Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bộ máy chính quyền trở nên gọn nhẹ, giảm khâu trung gian, rút ngắn quy trình xử lý công việc. Điều này giúp các tỉnh ủy lãnh đạo hệ thống chính quyền điều hành thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng vùng chuyên canh, liên kết sản xuất, tiêu thụ... được triển khai thông suốt, thống nhất từ cấp tỉnh xuống cấp xã. Đồng thời, việc cơ cấu lại bộ máy cũng tạo cơ hội để xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, chất lượng tham mưu và thực thi chính sách phát triển nông nghiệp bền vững hiệu quả hơn.

Khi tổ chức bộ máy tinh gọn, các tỉnh ủy có điều kiện ban hành chính sách phát triển nông nghiệp phù hợp với thực tế. Điều này khuyến khích các

địa phương trong vùng phát huy tính năng động, sáng tạo, đề xuất các giải pháp đột phá, từ đó hình thành các mô hình canh tác mới, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, xây dựng thương hiệu nông sản vùng. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các địa phương trong cùng một đơn vị hành chính sau sáp nhập sẽ góp phần lan tỏa những cách làm hay, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong phát triển nông nghiệp.

*Thứ năm*, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu sắc đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với nền tảng là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa... đang làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Vùng ĐBSCL là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra những cơ hội mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp như lai tạo giống mới kháng sâu bệnh; công nghệ chăm sóc, tưới tiêu; thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch; ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất... Các xu hướng này tác động làm thay đổi rất lớn và sâu sắc đời sống kinh tế, xã hội, lề lối làm việc, phong cách lãnh đạo, quản lý của các tập thể, cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta nói chung và ở vùng ĐBSCL nói riêng, trước hết là các tỉnh ủy vùng này. Sự hình thành môi trường số và dữ liệu số giúp các cấp ủy nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo thông qua việc ra quyết định dựa trên dữ liệu, theo dõi sát diễn biến sản xuất, thị trường và tác động của biến đổi khí hậu. Tiến bộ khoa học công nghệ như công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo đã tạo điều kiện để các tỉnh ủy đóng vai trò kiến tạo, định hướng đổi mới sáng tạo, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, hoàn thiện và đổi mới thể chế. Đây là động lực và thuận lợi lớn để các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nền nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình hình thành nền nông nghiệp thông minh, chính xác và linh hoạt, qua đó đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL trong việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao năng lực dự báo, xây dựng chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, mà còn mở ra cơ hội ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cũng như công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp.

Các tỉnh ủy chủ động ban hành các nghị quyết, chương trình hành động khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, số hóa trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; nâng cao vai trò dẫn dắt, khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; lãnh đạo đẩy mạnh liên kết vùng, chia sẻ cơ sở dữ liệu nông nghiệp và các giải pháp công nghệ tiên tiến để phát triển nông nghiệp bền vững toàn vùng.

#### ***4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn***

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL còn có những yếu tố khó khăn:

*Một là*, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đến sản xuất nông nghiệp cả nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng, nhất là trước áp lực cạnh tranh gay gắt, biến động thị trường và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm.

Trong thời gian tới, ngành nông nghiệp sẽ phải đối mặt với sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt từ thị trường quốc tế, đặc biệt về giá thành, chất lượng sản phẩm và các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong khi đó, năng suất và hiệu quả sản xuất của nông nghiệp Việt Nam vẫn còn hạn chế, làm giảm năng lực cạnh tranh và quá trình tiêu thụ, mở rộng thị trường, nhất là trong bối cảnh thị trường thế giới diễn biến phức tạp và cạnh tranh ngày

càng khốc liệt ngay cả đối với những mặt hàng có thể mạnh. Ở vùng ĐBSCL, những khó khăn này càng trở nên rõ nét khi sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng sản phẩm thiếu đồng đều, trình độ kỹ thuật và công nghệ còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế. Đồng thời, năng lực của người nông dân còn hạn chế, gây trở ngại trong việc hình thành các liên kết hiệu quả giữa nông dân, doanh nghiệp, ngân hàng cũng như trong việc tiếp cận thông tin và tận dụng cơ hội từ hội nhập quốc tế.

*Hai là*, thách thức về phương diện môi trường, biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, thời tiết cực đoan tác động tiêu cực, dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp tới việc hoạch định chiến lược phát triển và triển khai thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững.

Về môi trường, vấn đề đầu tiên là tác động của thượng nguồn sông MêCông. Các công trình thủy điện thượng nguồn làm giảm đáng kể lượng phù sa và cát do bị giữ lại trong các hồ chứa. Hệ quả gây ra tình trạng sạt lở bờ sông và làm đất bạc màu, nước mặn từ biển tràn vào làm đất bị nhiễm mặn, chất lượng đất canh tác xuống cấp. Bên cạnh đó, suy giảm tài nguyên nước trầm trọng; việc xả lũ trong mùa khô từng đợt làm cho mực nước biến động bất thường, làm hệ sinh thái bị rối loạn.

Trong thời gian tới, nông nghiệp chịu tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, giai đoạn 2030 - 2040, dự báo nhiệt độ tối đa trung bình mùa khô tăng, lượng mưa giảm vào đầu vụ hè thu và vụ thu hoạch, mùa mưa bắt đầu muộn hơn, năng suất toàn vùng sẽ thấp hơn. Tình trạng lốc xoáy, bão nhiệt đới gia tăng... sẽ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, đời sống và sinh kế của người nông dân vùng ĐBSCL vốn đã nhiều khó khăn lại càng khó khăn hơn. Vấn đề bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước vẫn là thách thức lớn. Dịch bệnh xuyên biên giới có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng trên diện rộng, diễn biến rất phức tạp, nguy cơ phát sinh các đợt dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, thủy sản là mối đe dọa tiềm ẩn đòi hỏi phải thay đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ và tăng cường áp dụng các loại giống mới thích nghi cao với biến đổi khí hậu.

*Qua khảo sát nhận thức về những yếu tố thách thức đến hoạt động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy trước biến đổi khí hậu trong thời gian tới, có 52,5% ý kiến đánh giá rất ảnh hưởng, 44,3% đánh giá ảnh hưởng; tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, đe dọa an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp đánh giá rất ảnh hưởng có 47,6%; 49% ảnh hưởng. Kết quả trên phản ánh sự nhận thức rõ của đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành về mức độ nghiêm trọng và trực tiếp của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp và đời sống người dân. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra đối với sự lãnh đạo của các tỉnh ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững là phải nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc nhận thức đầy đủ và sâu sắc các thách thức sẽ góp phần thúc đẩy sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt hơn của tỉnh ủy; đồng thời tăng cường năng lực của các cấp ủy, chính quyền trong công tác dự báo, hoạch định và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, qua đó bảo đảm khả năng thích ứng linh hoạt trước những diễn biến khí hậu ngày càng phức tạp và khắc nghiệt.*

*Ba là, việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp bên cạnh những thuận lợi cũng đặt ra một số khó khăn nhất định trong công tác lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững các tỉnh ủy vùng ĐBSCL.*

Mỗi tỉnh, thành trong vùng ĐBSCL sau khi sáp nhập có đặc điểm tự nhiên, nguồn lực và thế mạnh mới về sản xuất nông nghiệp như lúa gạo, thủy sản, cây ăn trái... việc xây dựng nghị quyết, chiến lược phát triển nông nghiệp chung dễ dẫn đến thiếu tính linh hoạt cho từng địa phương. Trên địa bàn tỉnh, các tỉnh ủy phải đối mặt với thách thức trong việc cân đối, hài hòa lợi ích giữa các địa phương, nhất là khi phân bổ nguồn lực đầu tư, quy hoạch vùng sản xuất, ứng dụng công nghệ, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Điều này có thể ảnh hưởng đến sự đồng thuận trong tổ chức triển khai và làm chậm quá trình ra quyết định lãnh đạo.

Việc tinh giản đầu mối tổ chức, thay đổi đơn vị hành chính, sắp xếp, sáp nhập, luân chuyển đội ngũ cán bộ, công chức thường dẫn đến sự xáo trộn về tổ chức, nhân sự; cán bộ nông nghiệp thiếu sự gắn bó với địa bàn mới, chưa hiểu rõ điều kiện thực tế của từng vùng sản xuất nên khó khăn trong tham mưu, đề xuất chính sách sát thực. Một số chương trình, dự án nông nghiệp đang triển khai có thể bị chậm tiến độ; việc lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đôi khi thiếu liên tục, ảnh hưởng đến sự đồng bộ trong triển khai các giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Hệ thống chính trị cấp xã là nơi trực tiếp triển khai sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy nhưng trong thực tế công tác lãnh đạo, quản lý còn nhiều yếu kém, bất cập. *Kết quả khảo sát nội dung này có 53,2% rất ảnh hưởng, 42,7% ảnh hưởng.* Tỷ lệ trên phản ánh mức độ tác động của hệ thống chính trị cấp xã đến quá trình triển khai các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững. Trong bối cảnh nông nghiệp đang đứng trước yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao và thích ứng biến đổi khí hậu thì năng lực và vai trò thực hiện của cấp xã lại chưa theo kịp yêu cầu như: trình độ, năng lực của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã còn yếu; sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã còn lúng túng, thiếu đồng bộ; chưa phát huy tốt vai trò của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể trong vận động nhân dân. Những hạn chế này ảnh hưởng rất lớn đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy trong vùng. Trong điều kiện hiện nay, lãnh đạo phát triển nông nghiệp nói chung và lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững nói riêng là vấn đề rất khó, nhất là khi hệ thống chính trị cấp xã sau sáp nhập còn lúng túng, bị động trong quá trình vận hành ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh và cả cấp xã.

*Bốn là, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong môi liên kết vùng cần nguồn lực đầu tư lớn và dài hạn*

Hạ tầng kinh tế - xã hội ở một số tỉnh trong vùng chưa đồng bộ, nhất là giao thông. Nông nghiệp, nông thôn có xuất phát điểm thấp; sông ngòi chằng

chặt, chi phí đầu tư hạ tầng, nhất là thủy lợi trong khi nguồn thu tại chỗ chưa đáp ứng. *Qua khảo sát, những yếu tố thách thức đến hoạt động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh uỷ về huy động các nguồn lực vào phát triển nông nghiệp bền vững còn nhiều hạn chế như nguồn lực tài chính tại chỗ, khoa học kỹ thuật... có 51,8% đánh giá rất ảnh hưởng, 44,2% đánh giá ảnh hưởng.* Thực tế cho thấy, việc triển khai các mô hình nông nghiệp bền vững như nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong nông nghiệp đòi hỏi nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn, công nghệ hiện đại, cán bộ có chuyên môn sâu. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương trong vùng, nguồn lực tại chỗ còn hạn chế đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững.

Việc thực hiện các giải pháp toàn diện nhằm phát triển nông nghiệp bền vững đòi hỏi nguồn lực tài chính dồi dào. Tuy nhiên, hiện nay, phần lớn các tỉnh trong vùng ĐBSCL vẫn đang phụ thuộc vào ngân sách từ Trung ương, trong khi nguồn lực tài chính tại chỗ còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh ngân sách Nhà nước cũng đang chịu áp lực lớn, các địa phương buộc phải tìm cách huy động các nguồn vốn nội lực. Thế nhưng, với đặc thù là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, đời sống người dân nơi đây còn nhiều khó khăn, nên việc tạo ra nguồn vốn từ chính cộng đồng địa phương là một thách thức không nhỏ. Bài toán về vốn cho phát triển nông nghiệp bền vững vì thế càng trở nên nan giải hơn.

*Năm là, nhận thức của cán bộ và người dân về phát triển nông nghiệp bền vững, chuyển đổi số trong nông nghiệp ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Qua khảo sát về nhận thức những yếu tố thách thức đến hoạt động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh uỷ, của cán bộ là tỉnh uỷ viên về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững có 61,3% đánh giá rất ảnh hưởng, 34,7% đánh giá ảnh hưởng.* Tỷ lệ trên phản ánh sự ảnh hưởng về nhận thức của tỉnh

ủy viên đối với những thách thức trong phát triển nông nghiệp bền vững. Nhận thức đúng hay chưa đúng những yếu tố thách thức sẽ ảnh hưởng đến việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của các tỉnh uỷ trong vùng.

Bên cạnh đó, nhận thức về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của cộng đồng dân cư cũng còn hạn chế. *Kết quả khảo sát những thách thức đến hoạt động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh uỷ về yếu tố nhận thức của nhân dân có 55% đánh giá rất ảnh hưởng, 41,5% ảnh hưởng.* Tỷ lệ trên cho thấy hạn chế trong nhận thức cộng đồng dân cư trở thành thách thức đối với sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ, bởi nó làm giảm hiệu quả các nghị quyết và chủ trương, gây khó khăn cho việc huy động sự tham gia của toàn xã hội vào thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.

#### **4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 về Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 khẳng định “Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường”; “Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính”. Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định mục

tiêu tổng quát đến năm 2030: “Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu”. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhấn mạnh việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta xác định: “Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp;...”[46, tr.94].

Tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL thực hiện các phương hướng sau:

*Một là*, các tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành nghị quyết, chương trình, quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững, phù hợp với đặc điểm, thế mạnh của địa phương, của vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay.

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng, mục tiêu, các nhiệm vụ của chiến lược quốc gia về phát triển nông nghiệp bền vững, chiến lược phát triển vùng ĐBSCL, các tỉnh uỷ xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với địa phương. Các tỉnh uỷ cần nâng cao chất lượng xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững tập trung vào phát triển nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn theo hướng chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao giá trị gia tăng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Hai là*, tăng cường đổi mới mạnh mẽ PTLĐ, chỉ đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số; sắp xếp, sáp nhập tổ chức, bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL tăng cường lãnh đạo đổi mới việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương phù hợp với đặc điểm từng địa phương; tăng cường rà soát các văn bản chỉ đạo đi đôi với kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phát triển nông nghiệp. Các tỉnh ủy cần quan tâm lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tư duy quản lý và kỹ năng điều hành của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh. Trên cơ sở xây dựng chính quyền số hiện đại, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ, phân tích đồng bộ, tạo nền tảng cho việc nhận diện sớm xu hướng phát triển kinh tế, xã hội, đánh giá chính xác tác động của các chủ trương, chính sách và dự báo kịp thời các vấn đề phát sinh. Qua đó, các tỉnh ủy định hướng hiệu quả phát triển nông nghiệp, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, góp phần thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp nhanh, bền vững và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trong giai đoạn mới.

*Ba là*, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị vào tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong tổ chức, triển khai chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là yêu cầu quan trọng đối với các tỉnh vùng ĐBSCL. Các tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, MTTQ và các tổ chức CT - XH trong triển khai các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững. Chính quyền các cấp chủ động cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành các chương trình, kế hoạch hành động thiết thực; các tổ chức đoàn thể tích cực

tuyên truyền, vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường sinh thái. Sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng trong hệ thống chính trị sẽ tạo nên sức mạnh thống nhất, góp phần đưa nông nghiệp vùng ĐBSCL phát triển ổn định, hiệu quả và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

*Bốn là*, các tỉnh ủy lãnh đạo hợp tác liên kết phát triển vùng, hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế thông qua các sáng kiến hợp tác vùng và hợp tác song phương.

Các tỉnh ủy vùng ĐBSCL chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển vùng gắn với hội nhập quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. Trên cơ sở nhận thức rõ tính liên kết tự nhiên của vùng trong khai thác và sử dụng tài nguyên, đặc biệt là nguồn nước sông MêCông, các tỉnh ủy chủ động tham gia và triển khai các sáng kiến hợp tác vùng, đồng thời mở rộng hợp tác song phương với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Thông qua các cơ chế đối thoại, chia sẻ thông tin và cùng thực hiện các dự án về quản lý tài nguyên nước, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp xanh, các địa phương góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên. Việc tăng cường hợp tác liên kết tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với kinh tế toàn cầu.

*Năm là*, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL tăng cường nâng cao chất lượng lãnh đạo phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường.

Các tỉnh ủy vùng ĐBSCL nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, phát huy lợi thế, hiệu quả các nguồn lực như tài nguyên đất, nước, khí hậu, con người, truyền thống lịch sử, văn hóa và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; chú trọng bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với ổn định xã hội và bảo vệ môi trường

sinh thái, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đặc biệt, lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu của thị trường, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm. Phát triển nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035**

### **4.2.1. Tăng cường thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, trách nhiệm của tỉnh ủy trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó trước hết là các tỉnh ủy viên và cán bộ các cơ quan tham mưu**

Phát triển nông nghiệp bền vững giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng ĐBSCL trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, tình trạng xâm nhập mặn gia tăng và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Để thực hiện mục tiêu này, cần có sự vào cuộc trách nhiệm, đồng bộ và quyết liệt của toàn bộ hệ thống chính trị. Trong đó, vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đóng vai trò quyết định. Chính vì vậy cần thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, trách nhiệm của tỉnh ủy trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL.

Trong bối cảnh hiện nay, khi triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc nâng cao nhận thức của các tỉnh ủy viên, cán bộ các cơ quan tham mưu của tỉnh ủy cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên về vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây chính là yếu tố then chốt góp

phần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất và tổ chức thực hiện hiệu quả các định hướng chiến lược trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, cần chú trọng nâng cao năng lực và trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy, đặc biệt phát huy vai trò nêu gương, dẫn dắt của người đứng đầu trong thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững. Đồng thời, tập trung chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả các nghị quyết, chính sách của Đảng về lĩnh vực này. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tỉnh ủy viên, đảng ủy viên cấp xã cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên về vai trò lãnh đạo của cấp ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững là yêu cầu then chốt. Đây không chỉ là cơ sở để củng cố ý chí và quyết tâm của mỗi tập thể, cá nhân, mà còn tạo sự thống nhất trong hành động, góp phần triển khai hiệu quả các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. *Kết quả khảo sát có 95% ý kiến đồng ý. Đây là giải pháp được xếp thứ 1 trong số các giải pháp được lựa chọn.*

Để thực hiện giải pháp này, cần:

*Thứ nhất*, đổi mới việc quán triệt, triển khai, tuyên truyền đường lối, nghị quyết của Đảng, các chương trình, nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững.

Kịp thời quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng và chính sách về phát triển nông nghiệp bền vững trong giai đoạn hiện nay, gắn với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, qua đó làm cơ sở xác định đúng đắn nhiệm vụ và đề ra các giải pháp phù hợp, nhằm đạt hiệu quả cao trong tổ chức thực hiện. Cụ thể là quán triệt phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng là “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển vùng sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia

tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn...” [46, tr.93]. Quán triệt vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với phát triển nông nghiệp trong các nghị quyết của Đảng như Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28-01-2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thống nhất nhận thức trong các tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, nhất là cấp ủy xã, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp xã, các cấp ủy trong các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Để góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững, cần đổi mới việc quán triệt các chủ trương, nghị quyết theo hướng thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Việc tổ chức học tập, triển khai nghị quyết cần được thiết kế linh hoạt; đồng thời mở các lớp bồi dưỡng chuyên sâu dành cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở cấp tỉnh và cấp xã. Các đảng ủy xã cần chủ động tổ chức các buổi học tập, quán triệt nghị quyết cho lực lượng nòng cốt tại địa phương. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện các chương trình hành động cụ thể, bảo đảm việc triển khai nghị quyết của tỉnh ủy đi vào thực chất và đạt hiệu quả.

Đa dạng hoá nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ những thuận lợi, khó khăn, thách thức, cũng như nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; đồng thời khẳng định vai trò định hướng, chỉ đạo của tỉnh ủy và các cấp ủy đảng trong quá trình tổ chức thực hiện. Cùng với đó, các tỉnh ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH triển khai nghiêm túc, đồng bộ và sâu rộng công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và các chương trình hành động của tỉnh ủy. Qua đó, nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cấp xã về vai trò chiến lược của nông nghiệp bền vững đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý chí quyết tâm chính trị của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Đối với các cấp ủy viên, việc truyền đạt chủ trương, quan điểm nên thực hiện chủ yếu thông qua sinh hoạt chính trị định kỳ, các buổi học tập nghị quyết và họp cấp ủy. Đối với cán bộ, đảng viên, bên cạnh việc tham gia học tập tại tổ chức đảng, có thể kết hợp cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu, nâng cao hiểu biết về chủ trương, chính sách, đề án phát triển nông nghiệp bền vững. Riêng với đoàn viên, hội viên thuộc các tổ chức CT - XH, nên lồng ghép nội dung tuyên truyền vào sinh hoạt định kỳ của đoàn thể, các cuộc vận động, phong trào thi đua nhằm tạo sự lan tỏa sâu rộng và đoàn viên, hội viên, người dân dễ dàng tiếp cận.

*Qua khảo sát, 89,5% cho rằng sự lãnh đạo có hiệu quả công tác triển khai, tuyên truyền, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết là yếu tố quyết định phát triển nông nghiệp bền vững.* Trong điều kiện vùng ĐBSCL có đặc điểm dân cư đa dạng, với nhiều dân tộc, tôn giáo và trình độ dân trí không đồng đều giữa các địa phương, đòi hỏi công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phải được triển khai linh hoạt, phù hợp nhằm nâng cao nhận thức về

phát triển nông nghiệp bền vững. Kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức ngày càng rõ nét về vai trò lãnh đạo sâu sát, hiệu quả của tỉnh ủy và các cấp ủy đảng trong việc đưa các chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững vào thực tiễn đời sống.

*Thứ hai*, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với các cơ quan, ban ngành; cơ quan báo chí, truyền thông trong tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, cũng như các nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững và vai trò của tỉnh ủy về lĩnh vực này. Đồng thời, cần định hướng hoạt động cho các cơ quan báo chí của đảng bộ tỉnh trong việc truyền tải thông tin kịp thời, chính xác về các chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững do tỉnh ủy đề ra. Cần tăng cường giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, gương điển hình tiên tiến, cũng như sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa và nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về vai trò của nông nghiệp bền vững tại địa phương.

Các tỉnh ủy và đảng ủy cấp xã cần tăng cường vai trò lãnh đạo, định hướng công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết của tỉnh ủy liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững. Hoạt động truyền thông cần được tổ chức sinh động, trực quan thông qua hệ thống panô, băng rôn, áp phích tại các khu vực trung tâm, trục đường chính và không gian sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, cần đẩy mạnh các hoạt động tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là những mô hình nông nghiệp bền vững tiêu biểu trong vùng ĐBSCL, qua đó rút ra bài học thực tiễn để vận dụng hiệu quả.

Ngoài ra, Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy cần tăng cường chỉ đạo công tác truyền thông chính sách, nâng cao chất lượng hoạt động của các kênh thông tin chính thức như cổng thông tin điện tử, bản tin nội bộ của tỉnh ủy và chính quyền, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác

về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững. Đồng thời, cần chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai lệch, nhận thức chưa đúng về vai trò lãnh đạo của Đảng; kiên quyết phê phán các hành vi, tổ chức, cá nhân vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết của tỉnh ủy trong lĩnh vực này. Việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông ở địa phương cũng là yêu cầu cấp thiết, nhằm tăng tính chiều sâu, hấp dẫn và sức lan tỏa của thông tin, đặc biệt hướng tới lực lượng lao động kỹ thuật, doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tỉnh ủy các tỉnh vùng ĐBSCL cần tăng cường lãnh đạo, định hướng xây dựng các chuyên trang, chuyên mục chuyên sâu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bền vững và hiện đại trên các phương tiện truyền thông của địa phương. Cần tăng cường tổ chức biên soạn các tài liệu phổ biến sâu rộng đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của các tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững, đồng thời bổ sung nội dung này vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ bảo đảm tính cập nhật kịp thời và thiết thực.

Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên nhằm tuyên truyền sâu rộng về vai trò của nông nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tỉnh ủy và đảng ủy cấp xã cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ này; đồng thời có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp để khuyến khích và phát huy hiệu quả hoạt động.

*Thứ ba*, các tỉnh ủy cần tăng cường nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản quy định rõ ràng, chi tiết về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng cũng như của từng cán bộ, đảng viên đặc biệt là những người giữ vai trò lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong hệ thống chính trị các cấp tỉnh, cấp xã trong việc triển khai nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương. Việc xây dựng quy định này cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm tính khả thi, cụ

thể và dễ thực hiện; đồng thời phải tổ chức quán triệt sâu rộng và đưa vào thực tiễn một cách nghiêm túc.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo hướng vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và cấp xã, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực công tác tốt và uy tín trong nhân dân. Đổi mới mạnh mẽ phong cách, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ theo hướng khoa học, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả, lấy kết quả, hiệu suất công việc làm thước đo chủ yếu để đánh giá.

Các tỉnh ủy cần tăng cường tổ chức các hoạt động đối thoại giữa cấp ủy với doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm kịp thời lắng nghe, đồng hành tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất, kinh doanh, đồng thời bảo đảm nguyên tắc “lợi ích hài hòa - rủi ro chia sẻ” giữa Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

#### **4.2.2. Tăng cường đổi mới nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển nông nghiệp bền vững**

*Kết quả khảo sát có 92,3% cho rằng cần đổi mới nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy các tỉnh vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững.* Kết quả này phản ánh sự thống nhất nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên về yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, việc đổi mới nội dung lãnh đạo phù hợp là khách quan, cấp bách.

##### ***4.2.2.1. Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long tăng cường lãnh đạo công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu***

Xây dựng quy hoạch phát triển là khâu quan trọng, tác động lớn đến mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. Do vậy, công tác quy hoạch phải được các tỉnh ủy vùng ĐBSCL tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện

nhằm bảo đảm sự đồng bộ, hợp lý, nâng cao tính khả thi trong triển khai và phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của vùng, của các địa phương.

Các tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, dài hạn và phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ĐBSCL và điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Vùng ĐBSCL đến năm 2030 trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới trên cơ sở phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp, các hành lang kinh tế và các đô thị động lực tập trung các dịch vụ và công nghiệp đa dạng với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế biển,... là mục tiêu phát triển vùng ĐBSCL theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp theo đó, Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững vùng ĐBSCL, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Chỉ thị đặt mục tiêu phát triển vùng nhanh và bền vững, tạo đột phá trong nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đồng thời giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định chính trị và trật tự xã hội. Các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL lãnh đạo thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL theo Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị; thực hiện Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các tỉnh uỷ bám sát quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL của chính phủ, lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh. Trên cơ sở đó, tỉnh uỷ chỉ đạo xây dựng chương trình, dự án cụ thể để thực hiện; chỉ đạo và hỗ trợ các xã, phường xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp ở địa phương mình; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát để điều

chính quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp của tỉnh đảm bảo theo hướng CNH, HĐH, phát triển bền vững thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Các tỉnh uỷ lãnh đạo tập trung xây dựng, hoàn thiện quy hoạch tỉnh, triển khai quy hoạch vùng ĐBSCL, tăng cường lãnh đạo HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn phù hợp với nguồn lực của địa phương. Trên cơ sở quy hoạch, tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng, triển khai các chương trình, đề án trọng điểm phát triển nông nghiệp phù hợp với đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và sản phẩm đặc sản của địa phương, vùng, tiểu vùng; chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Vùng ĐBSCL chú trọng xây dựng quy hoạch đầu tư phát triển các dịch vụ phục vụ nông nghiệp; xây dựng một số vùng chuyên canh lúa, trái cây, thủy sản (sản xuất theo tiêu chuẩn, được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, số hóa...). Ngoài ra, các tỉnh tổ chức hoạt động xúc tiến, kêu gọi thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tham gia nghiên cứu, chuyển giao, xây dựng mô hình, phát triển vùng nguyên liệu tập trung, chuỗi liên kết, chuyển đổi số liên quan đến phát triển nông nghiệp.

Trước tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, các tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng quy hoạch phải gắn chặt với yêu cầu thích ứng, chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp, phát huy lợi thế so sánh của từng tiểu vùng sinh thái, đồng thời bảo đảm liên kết vùng, liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Việc thực hiện quy hoạch cần được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của tỉnh uỷ nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa chủ trương, định hướng và tổ chức thực hiện.

Các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL tăng cường lãnh đạo triển khai thực hiện quy hoạch cần phải:

*Một là*, tỉnh uỷ lãnh đạo xây dựng, triển khai quy hoạch theo từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; xác định rõ mốc thời gian cụ thể cho việc

lập, điều chỉnh, công bố quy hoạch và tổ chức thực hiện, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững của từng thời kỳ. Tập trung lãnh đạo xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển nông nghiệp gắn với chiến lược phát triển chung của vùng; tăng trưởng nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, các chính sách xã hội, ban hành nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, xác định những vấn đề trọng điểm cần thực hiện trong mỗi giai đoạn.

*Hai là*, chỉ đạo bố trí và huy động tổng hợp các nguồn lực cho công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hoá, nguồn nhân lực chuyên môn; ưu tiên đầu tư cho công tác điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.

*Ba là*, chỉ đạo xác định rõ cơ quan chủ trì trong tham mưu và tổ chức thực hiện quy hoạch như các sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở tài chính,...; đồng thời tăng cường phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành liên quan, các địa phương trong tỉnh, các tỉnh trong vùng, các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm bảo đảm tính đồng bộ, liên kết và hiệu quả của quy hoạch.

*Bốn là*, lãnh đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp thích ứng với thay đổi về điều kiện tự nhiên theo 3 tiểu vùng sinh thái gồm vùng sinh thái ngọt, vùng sinh thái mặn - lợ ở ven biển, vùng chuyển tiếp ngọt - lợ ở giữa đồng bằng. Trong đó, phát triển các sản phẩm chiến lược theo ba trọng tâm: thủy sản, trái cây và lúa gạo theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản, trái cây và giảm tỷ trọng lúa gạo; phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, kết hợp với thương mại, dịch vụ logistic, du lịch sinh thái, công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp;

*Năm là*, lãnh đạo quy hoạch thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp phù hợp với từng vùng sinh thái, chủ động thích ứng, thực hiện hiệu quả các dự án ứng phó với BĐKH, nước biển dâng; giải quyết vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển,

sụt lún, hạn mặn; xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông MêCông.

*Sáu là*, thực hiện điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nhu cầu của thị trường và yêu cầu của từng vùng; sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm và có hiệu quả, duy trì diện tích đất trồng lúa, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường; phát triển các loại nông sản có lợi thế xuất khẩu và nông sản thay thế nhập khẩu; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án sản xuất lúa gạo bền vững thuộc Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT); quy hoạch vùng cây ăn trái tập trung. Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ sinh học sản xuất theo quy trình Gap, VietGap, GlobaGrap... trên cây trồng, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, tăng tính cạnh tranh về chất lượng và giá cả nông sản.

***4.2.2.2. Các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long tăng cường lãnh đạo khai thác, huy động hiệu quả các nguồn lực, tăng cường đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững***

Các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp bền vững, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Để lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL hiện nay các tỉnh uỷ cần có chính sách nhằm huy động đa dạng mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và nông dân, đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực xã hội hoá, nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân và các nguồn lực hợp pháp khác.

Ưu tiên đầu tư cho hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; phát triển nguồn nhân lực; xây

dựng và phát triển các chuỗi giá trị nông sản chủ lực gắn với lợi thế của từng địa phương và toàn vùng. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, giao thông, đào tạo nguồn nhân lực, dạy nghề... để thu hút các nhà đầu tư.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở trong quá trình huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển nông nghiệp bằng các hình thức linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Việc đầu tư phải bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững của từng tỉnh và của vùng ĐBSCL.

Để huy động nguồn lực đạt hiệu quả, các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL cần:

*Thứ nhất*, lãnh đạo xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể theo từng giai đoạn, trong đó xác định rõ mục tiêu, thời gian thực hiện, lộ trình triển khai và thứ tự ưu tiên đầu tư cho phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Thứ hai*, chỉ đạo phân công rõ cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp trong tổ chức thực hiện; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình triển khai đặc biệt là các chương trình, mục tiêu lớn

*Thứ ba*, lãnh đạo huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương với các nguồn vốn xã hội hoá; tạo môi trường thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khoa học công nghệ tham gia đầu tư vào phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ tư*, vận động người dân thực hiện dồn điền, đổi thửa nhằm khắc phục tình trạng sở hữu ruộng đất manh mún, tạo quỹ đất tập trung để sản xuất hàng hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng. Đặc biệt khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; có chính sách ưu đãi cao để các doanh nghiệp đầu tư vào vùng khó khăn, biên giới, hải đảo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, đồng thời cho phép quy hoạch sử dụng linh hoạt, có hiệu quả quỹ đất

nông nghiệp và các nguồn tài nguyên khác phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững

*Thứ năm*, tăng cường liên kết vùng trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch thu hút đầu tư và xác định danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh phối hợp liên vùng trong hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp và lãng phí nguồn lực. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, đề xuất các cơ chế đặc thù về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, tạo “đòn bẩy” thúc đẩy liên kết và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

*Thứ sáu*, đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng; đổi mới cơ chế, thủ tục để nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp tiếp cận tín dụng thuận lợi. Hình thành các chương trình hỗ trợ phát triển các cây, con, ngành nghề chủ lực có sức cạnh tranh cao.

#### ***4.2.2.3. Tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội***

Các tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo UBND tỉnh phát huy tốt vai trò của các sở, ban ngành như Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, lãnh đạo phối hợp giữa cơ quan nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT - XH... trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững tại các địa phương.

Để lãnh đạo công tác phối hợp hiệu quả giữa cơ quan nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT - XH cần:

*Thứ nhất*, hoàn thiện nội dung và cơ chế thực hiện quy chế phối hợp.

Các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH cấp tỉnh rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế phối hợp theo hướng thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững và đặc thù sinh thái của từng địa phương trong vùng. Quy chế

phối hợp cần xác định rõ mục tiêu, phạm vi phối hợp, trách nhiệm và thẩm quyền của từng chủ thể; đồng thời quy định cụ thể cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp chỉ đạo và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

*Thứ hai*, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế phối hợp.

Các tỉnh ủy lãnh đạo tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết định kỳ việc thực hiện quy chế phối hợp trong thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện phối hợp mang tính hình thức, thiếu trách nhiệm hoặc chông chéo trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, gắn kết quả thực hiện quy chế phối hợp với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân có liên quan, qua đó nâng cao tính trách nhiệm và hiệu quả phối hợp trong toàn hệ thống chính trị.

*Thứ ba*, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT - XH trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội việc thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; phát huy vai trò của Hội Nông dân trong tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

Tỉnh ủy lãnh đạo tạo điều kiện để MTTQ và các tổ chức CT - XH tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững; chú trọng đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm nông dân vùng ĐBSCL. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội và huy động hiệu quả các nguồn lực từ người dân cho phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ tư*, lãnh đạo phối hợp triển khai nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững như xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ; hỗ trợ giống, vốn, khoa học công nghệ; phát triển kinh tế hợp tác và doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết các nhà

và mở rộng chuỗi giá trị; chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng nguyên liệu, sản xuất, truy xuất nguồn gốc, kết nối cung cầu và tiêu thụ sản phẩm,...

### **4.2.3. Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển nông nghiệp bền vững**

#### **4.2.3.1. Đổi mới phương thức lãnh đạo về công tác tổ chức, cán bộ trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy**

*Kết quả khảo sát có 92,3% cho rằng cần đổi mới phương thức lãnh đạo của tỉnh uỷ các tỉnh vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững thông qua công tác tổ chức, cán bộ.* Kết quả này phản ánh sự thống nhất nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên về yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh uỷ trong công tác tổ chức, cán bộ

Các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL cần tập trung đổi mới PTLĐ về phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng gắn chặt công tác tổ chức, cán bộ với yêu cầu sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Việc đổi mới PTLĐ thông qua công tác tổ chức, cán bộ không chỉ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, mà còn tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của các chủ thể trong phát triển nông nghiệp bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của vùng trong giai đoạn mới.

Trong thời gian tới, các tỉnh uỷ cần phải:

*Thứ nhất*, rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp, phù hợp với đặc thù phát triển nông nghiệp bền vững của vùng.

*Thứ hai*, chú trọng xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác nông nghiệp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn sâu, tư duy đổi mới và năng lực tổ chức thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nông

nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

*Thứ ba*, tăng cường luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu thực tiễn, nhất là luân chuyển cán bộ về cơ sở, cấp xã để rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng năng lực tổ chức thực hiện, xử lý tình huống và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trong chỉ đạo, điều hành phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Thứ tư*, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Ban Thường vụ tỉnh uỷ đối với công tác tổ chức, cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp; kịp thời cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn của vùng ĐBSCL

*Thứ năm*, trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ; UBND tỉnh; các sở, ngành liên quan, MTTQ và các tổ chức CT - XH bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc phối hợp cần được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và đánh giá cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp; đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT - XH, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực lãnh đạo của các tỉnh uỷ đối với phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện mới.

#### ***4.2.3.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với kiến tạo chính quyền số; phát triển khoa học công nghệ hiện nay***

Các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL tăng cường vai trò định hướng chiến lược, kiến tạo thể chế, lấy khoa học công nghệ, chuyển đổi số và dữ liệu làm nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững, chuyển từ lãnh đạo theo địa giới hành chính sang lãnh đạo theo không gian sinh thái, ngành hàng và chuỗi giá trị, từ quản lý hành chính sang quản trị số

Để thực hiện giải pháp này, các tỉnh uỷ trong vùng cần:

*Thứ nhất*, các tỉnh ủy cần tăng cường lãnh đạo việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và hoạch định chính sách nông nghiệp, bảo đảm các quyết định được xây dựng trên cơ sở dữ liệu lớn, thông tin chính xác và kịp thời. Các tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng và triển khai các nghị quyết, chương trình hành động về phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở đặc thù vùng ĐBSCL là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm nhưng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và sụt lún. Nội dung các nghị quyết phải tích hợp mục tiêu chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm thống nhất với quy hoạch vùng ĐBSCL và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Thông qua việc ban hành nghị quyết, cơ chế, chính sách phù hợp, các tỉnh ủy tạo môi trường thuận lợi để huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

*Thứ hai*, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp phân tán, chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện tự nhiên. Các tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung về nông nghiệp, đất đai, nguồn nước, khí tượng thủy văn; từng bước hình thành hệ thống dự báo sớm về hạn, mặn, dịch bệnh và thị trường; chỉ đạo chính quyền các cấp đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền tảng số phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh, kết nối nông dân, doanh nghiệp và thị trường.

*Thứ ba*, tăng cường phối hợp liên tỉnh, liên ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL; hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp khoa học công nghệ trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL.

*Thứ tư*, đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng nâng cao vai trò kiến tạo phát triển, hoàn thiện thể chế và phát huy vai trò của các thành phần kinh tế phù hợp với đặc trưng sản xuất nhỏ lẻ của vùng ĐBSCL. Trong đó,

kinh tế nhà nước giữ vai trò định hướng, tập trung đầu tư hạ tầng thủy lợi, giao thông, logistics, dữ liệu số và nghiên cứu khoa học; kinh tế tập thể, nông cốt là hợp tác xã nông nghiệp, được củng cố để tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn, liên kết nông dân với doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nước, ngân hàng, nhà phân phối trong chuỗi giá trị.

Thực hiện giải pháp trên đòi hỏi sự lãnh đạo thống nhất của các tỉnh ủy trong vùng, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự tham gia của doanh nghiệp, người dân, qua đó từng bước chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị số, từ phát triển riêng lẻ sang phát triển liên kết vùng, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển bền vững của vùng ĐBSCL.

#### **4.2.4. Nâng cao chất lượng của tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu tăng cường lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững**

*Qua khảo sát, 91,5% cho rằng nâng cao chất lượng của tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững. Đây là yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.*

Nâng cao chất lượng để các tỉnh ủy thực sự là chủ thể lãnh đạo hiệu lực, hiệu quả phát triển nông nghiệp bền vững, cần phải:

*Một là, cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư tỉnh ủy tại từng địa phương*

Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, tạo nguồn phát hiện, lựa chọn và giới thiệu những cán bộ thực sự có phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển thông qua thực tiễn công tác, cán bộ trẻ, cán bộ nữ và cán bộ người dân tộc thiểu số vào cấp ủy. Xây dựng đội ngũ cấp ủy viên đủ tiêu chuẩn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; có năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên

môn lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.

Cụ thể hoá tiêu chuẩn cấp ủy viên được xác định trên cơ sở các văn bản quan trọng của Đảng như Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Trung ương khóa XII, Chỉ thị 45-CT/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017, Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020, Quy định số 365-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị và các quy định hiện hành của Đảng và pháp luật Nhà nước. Vận dụng các tiêu chuẩn đó, đối với các tỉnh ủy viên tại vùng ĐBSCL cần nhấn mạnh những yêu cầu cụ thể về lập trường chính trị vững vàng, năng lực điều hành thực tiễn được thể hiện rõ qua kết quả hoàn thành nhiệm vụ; có uy tín lớn trong tổ chức đảng và trong nhân dân; có tư duy sáng tạo, đổi mới, năng lực nắm bắt tình hình và đưa ra giải pháp phù hợp, hiệu quả đối với các vấn đề nảy sinh; phong cách làm việc khoa học, dân chủ, gần dân, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm. Đồng thời, phải công tâm, minh bạch trong công tác cán bộ, biết phát hiện và trọng dụng nhân tài, có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ với những hành vi sai trái, biểu hiện tiêu cực, tham nhũng và các quan điểm sai lệch, phản động; có tinh thần tự soi, tự sửa và cầu thị trong phê bình, góp ý.

Đối với Ủy viên Ban Thường vụ các tỉnh ủy, yêu cầu cao hơn đặt ra là phải có phẩm chất vượt trội, toàn diện so với các tỉnh ủy viên khác. Riêng Bí thư và Phó Bí thư tỉnh ủy là những cán bộ thực sự tiêu biểu cả về tầm nhìn, trí tuệ, đạo đức, uy tín, khả năng lãnh đạo, nhất là trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác xây dựng Đảng. Bí thư, phó bí thư cần có tín nhiệm cao của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

*Hai là*, cần thực hiện đổi mới toàn diện và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đối với tỉnh ủy, Ban Thường vụ và các chức danh chủ chốt, Bí thư tỉnh ủy, trong đó chú trọng việc xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý ngay từ khâu quy hoạch. Việc lập quy hoạch cần được thực hiện theo định hướng dài hạn, bao gồm tầm nhìn cho hai nhiệm kỳ kế tiếp. Quá trình này cần mở rộng

diện cán bộ được quy hoạch, chủ động phát hiện, bồi dưỡng nguồn nhân lực từ sớm, từ xa, ưu tiên lựa chọn những cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực nổi bật để bổ sung nhân tố mới, tạo bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng đội ngũ tỉnh ủy viên.

Căn cứ các hướng dẫn của Trung ương về tỷ lệ độ tuổi, giới tính và thành phần dân tộc, cần xác lập cơ cấu tổ chức tỉnh ủy trong từng nhiệm kỳ một cách hợp lý, cân đối. Trong đó, chú trọng các cán bộ có trình độ chuyên môn về nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp. Bên cạnh đó, cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện một cách đồng bộ; duy trì việc rà soát, bổ sung quy hoạch theo định kỳ đối với cán bộ mới có tiềm năng, đồng thời loại khỏi quy hoạch những trường hợp không đủ tiêu chuẩn hoặc có vi phạm. Qua đó, tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch, khuyến khích đội ngũ cán bộ phấn đấu, trưởng thành từ thực tiễn để tham gia vào quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

*Ba là*, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy.

Tăng cường bồi dưỡng cập nhật kiến thức cần thiết cho các tỉnh ủy viên đương chức để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Có kế hoạch gửi đi đào tạo một cách hệ thống theo hình thức tập trung ở các cơ sở đào tạo cán bộ của Đảng, Nhà nước đối với những cán bộ trong quy hoạch. Tỉnh ủy định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức tại địa phương hoặc cử đi học các lớp bồi dưỡng kiến thức theo chức danh cán bộ. Tăng cường thực hiện luân chuyển cán bộ để nâng cao trình độ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý về các vấn đề nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, việc bố trí 100% Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030 không phải là người địa phương là chủ trương có ý nghĩa quan trọng đối với vùng ĐBSCL. Trong bối cảnh phát triển nông nghiệp bền vững gắn với yêu cầu liên kết vùng và thích ứng biến

đổi khí hậu, chủ trương này góp phần bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, khách quan, hạn chế cục bộ địa phương, đồng thời tăng cường tính minh bạch và phòng ngừa tiêu cực.

Đội ngũ Bí thư không phải người địa phương, với kinh nghiệm thực tiễn đa dạng và tầm nhìn rộng, sẽ tạo điều kiện thúc đẩy tư duy đổi mới, chiến lược dài hạn trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp; qua đó nâng cao hiệu quả chỉ đạo liên kết vùng, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và toàn vùng ĐBSCL, hướng tới phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững.

*Bốn là*, cần đẩy mạnh công tác quản lý, theo dõi, đánh giá và giám sát đối với đội ngũ tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy đương nhiệm cũng như thuộc diện quy hoạch. Việc đánh giá phải khách quan, toàn diện, sát với thực tế công tác và phẩm chất chính trị, bảo đảm phản ánh đúng năng lực, trách nhiệm và uy tín của từng cán bộ. Đồng thời, cần tăng cường công tác giám sát thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, lợi ích nhóm.

Bên cạnh đó, việc quản lý cần được thực hiện một cách nghiêm túc và toàn diện, không chỉ ở môi trường công tác mà còn trong đời sống cá nhân. Cần chú trọng theo dõi và kiểm tra các biểu hiện về tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách sinh hoạt, các mối quan hệ xã hội và việc chấp hành quy định nơi cư trú. Qua đó, kịp thời phát hiện những dấu hiệu lệch chuẩn để có biện pháp điều chỉnh, xử lý phù hợp, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

*Năm là*, cần xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của tỉnh ủy ngay sau khi kết thúc Đại hội Đảng bộ tỉnh. Quy chế này phải được ban hành đồng bộ, cụ thể, phù hợp với yêu cầu lãnh đạo trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và vận hành chính quyền địa phương hai cấp. Bên cạnh đó, tỉnh ủy cần duy trì nền nếp rà soát định kỳ để

bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện quy chế làm việc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu lực điều hành của cấp ủy.

Song song với việc hoàn thiện quy chế, cần đẩy mạnh đổi mới phong cách lãnh đạo và phương pháp làm việc trong toàn Đảng bộ, đặc biệt là tại tỉnh ủy. Việc điều hành, lãnh đạo cần tuân thủ nguyên tắc dân chủ, khoa học, công khai, hiệu quả, đồng thời phát huy tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, sáng tạo trong từng cán bộ, đảng viên. Khuyến khích tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới và hành động vì lợi ích chung”, sẵn sàng đối mặt với thách thức và vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Phương châm làm việc phải rõ ràng: “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”.

Các tỉnh ủy vùng ĐBSCL tăng cường các hoạt động trao đổi kinh nghiệm về lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giữa các tỉnh trong vùng ở và các tỉnh khác trong cả nước; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững ở một số nước theo quy định của Đảng. Ngoài ra, các tỉnh ủy viên cần tăng cường đi cơ sở, sâu sát thực tiễn, gần gũi nhân dân để kịp thời nắm bắt tình hình, lắng nghe ý kiến phản biện liên quan đến các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Việc điều hành công việc cần có trọng tâm, trọng điểm, kế hoạch rõ ràng và bảo đảm xử lý dứt điểm từng nội dung theo đúng mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL cần:

*Thứ nhất*, cần hiểu rõ các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ cũng như vị trí then chốt của các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy trong hệ thống tổ chức Đảng. Đây là lực lượng giữ vai trò nòng cốt, góp phần quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động lãnh đạo của tỉnh ủy đặc biệt là trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững tại địa phương.

Thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, cụ thể là Quy định

số 329-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. Một nguyên tắc được nhấn mạnh là bảo đảm tham mưu, giúp việc, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của tỉnh ủy; không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc; một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy chính là “bộ não thứ hai”, có vai trò hoạch định, định hướng và phản biện, hỗ trợ hiệu quả cho cấp ủy trong toàn bộ quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tỉnh ủy cần phát huy vai trò và sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan tham mưu để tổ chức thực hiện thành công các nghị quyết, chương trình hành động trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Thứ hai*, trên cơ sở các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cần tiến hành rà soát, cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan. Đây không chỉ là yêu cầu cần thiết để hoàn thiện bộ máy tổ chức mà còn góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, giúp việc mà còn là cơ sở quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp bền vững nói riêng. Quá trình cụ thể hóa cần được thực hiện nghiêm túc, có tính hệ thống và đảm bảo rõ ràng, chi tiết, dễ áp dụng, tránh tình trạng chồng chéo, mơ hồ hoặc trùng lặp nhiệm vụ giữa các đơn vị.

*Thứ ba*, xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của từng cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy.

Trong quy chế làm việc, cần xác định cụ thể trách nhiệm, phạm vi công việc của từng chức danh cán bộ; đồng thời làm rõ mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tham mưu với tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh ủy, cũng như với các cơ quan tham mưu khác trong nội bộ tỉnh ủy, các đơn vị trực

thuộc chính quyền tỉnh và các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó, từng cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy cần ban hành quy chế làm việc, trong đó quy định rành mạch vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của từng vị trí, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó.

Việc tổ chức, xử lý công việc trong các cơ quan tham mưu phải được tiến hành đúng theo quy định đã đề ra, bảo đảm nguyên tắc làm việc có quy trình, có căn cứ rõ ràng. Trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ đã được xác lập, tỉnh ủy cần tập trung chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, giúp việc nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao trong giai đoạn mới.

*Thứ tư*, cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ từng cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy làm cơ sở để rà soát đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham mưu.

Việc cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL cần tuân thủ các nguyên tắc chung về xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và đáp ứng yêu cầu đặc thù trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của vùng. Đội ngũ này phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy nhạy bén, am hiểu sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời có kiến thức chuyên sâu về nông nghiệp, nông thôn, biến đổi khí hậu và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, cán bộ tham mưu cần nắm chắc tình hình thực tiễn sản xuất nông nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, có năng lực tư duy độc lập, tổng hợp và phân tích vấn đề. Trên cơ sở đó, có thể tham mưu cho tỉnh ủy ban hành các chủ trương, giải pháp phù hợp, khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, thích ứng và bền vững ở vùng ĐBSCL.

Trên cơ sở những tiêu chuẩn đã được xác định và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tham mưu, tỉnh ủy cần xây dựng quy

hoạch đội ngũ một cách hệ thống, thường xuyên gắn với yêu cầu thực tiễn của phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Công tác này cần có lộ trình cụ thể, chú trọng trang bị kiến thức về kinh tế nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi số, liên kết vùng và quản trị phát triển.

Đồng thời, các tỉnh cần xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất và năng lực tham gia vào đội ngũ tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu, bảo đảm việc hoạch định và tổ chức thực hiện các chủ trương, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững của vùng đạt hiệu quả trong giai đoạn đổi mới và hội nhập.

#### **4.2.5. Tăng cường lãnh đạo phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp bền vững**

*Qua khảo sát, có 94% ý kiến cho rằng để tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững cần phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, xếp thứ 2 trong số các giải pháp được đề xuất. Các tỉnh ủy trong vùng ĐBSCL cần tăng cường phát huy vai trò của chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về nông nghiệp bền vững; đồng thời tăng cường phối hợp chặt chẽ với MTTQ và các tổ chức CT - XH trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội, qua đó tạo sự đồng thuận và thống nhất trong nhận thức, hành động của toàn xã hội về phát triển nông nghiệp bền vững.*

##### **4.2.5.1. Lãnh đạo phát huy vai trò của chính quyền cấp tỉnh, cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững**

Để phát huy vai trò của chính quyền theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các tỉnh ủy cần tập trung lãnh đạo thực hiện những nội dung sau:

*Thứ nhất*, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương hai cấp cần thực hiện theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương về tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn, hướng đến mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.

Cùng với đó, cần tiếp tục tinh gọn các đầu mối bên trong cơ quan hành chính gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đội ngũ này phải bảo đảm đủ số lượng, chất lượng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy hành chính cần đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp xã. HĐND tỉnh cần phát huy vai trò trong việc thể chế hóa các chủ trương của tỉnh ủy thông qua các kỳ họp chất lượng, tăng cường công tác tiếp xúc cử tri và giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

*Thứ hai*, các tỉnh ủy cần chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp. Chính quyền cấp tỉnh, cấp xã cần rà soát lại toàn bộ thủ tục hành chính liên quan, mạnh dạn loại bỏ những quy định không còn phù hợp, gây cản trở cho người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi để phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Thứ ba*, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính. Chính quyền cấp tỉnh, cấp xã cần chủ động phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm liên quan đến tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện chính sách nông nghiệp, không để xảy ra hậu quả nghiêm trọng do sự thiếu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức gây ra.

*Thứ tư*, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là việc xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy ứng dụng

công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước. Các địa phương cần tích cực triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia định hướng đến năm 2035, tiến tới hình thành nền hành chính hiện đại, phục vụ nền kinh tế số và xã hội số.

*Thứ năm*, các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL tăng cường lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh, cấp xã nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp

Các tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ ngành nông nghiệp, đặc biệt là lực lượng làm việc tại cơ sở. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ này sẽ góp phần quan trọng trong công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương và thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể trong việc triển khai các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. Các địa phương cần xây dựng đề án đào tạo chuyên sâu cho cả cán bộ, chuyên gia và nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nhằm từng bước xây dựng, phát triển đội ngũ có năng lực quản lý và phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Cần ưu tiên thu hút và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ sinh học, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, công nghệ bảo quản, chế biến, cơ khí nông nghiệp và công nghệ số. Chính quyền các cấp cần quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khuyến nông từ cấp tỉnh đến cơ sở. Việc đổi mới hoạt động khuyến nông một cách chủ động sẽ là giải pháp then chốt nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn mới, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

Bên cạnh đó, cần tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ hệ thống chính trị cấp xã vững mạnh nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, phát huy hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của cán bộ cấp xã và cán bộ khuyến nông trong việc triển khai các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương.

**4.2.5.2. Lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp bền vững**

ĐBSCL là vùng có cơ cấu xã hội đa dạng, nhiều dân tộc và tôn giáo, việc phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT - XH càng có ý nghĩa quan trọng, giúp chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững được lan tỏa sâu rộng, phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương. Để phát huy vai trò của các tổ chức trong phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn mỗi tỉnh sau sáp nhập, sắp xếp cần:

*Thứ nhất*, cần phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ Việt Nam cùng các tổ chức CT - XH, xã hội - nghề nghiệp tại khu vực nông thôn trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện các nghị quyết, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Việc phổ biến sâu rộng các nội dung này đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân cần được thực hiện linh hoạt, đa dạng về hình thức nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ hai*, cần tiếp tục cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động của MTTQ và các đoàn thể CT-XH ở nông thôn theo hướng sâu sát với cơ sở, gần dân, phục vụ nhân dân. Các tổ chức này cần đóng vai trò nòng cốt trong việc vận động người dân tích cực sản xuất, kinh doanh, tham gia thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững; khơi dậy tinh thần tự chủ, liên kết hợp tác trong cộng đồng dân cư nông thôn để cùng nhau xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Thứ ba*, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức phong trào phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương. Các cấp ủy và chính quyền cần tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này tham gia đề xuất chính sách và trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống của

người dân. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã; nâng cao nhận thức pháp luật, hiểu biết về kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và quyền lợi khi tham gia hợp đồng tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp.

Thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ trên đòi hỏi phải quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của MTTQ và các đoàn thể CT - XH. Cần lựa chọn những người có trình độ chuyên môn, có uy tín, biết phát động phong trào, biết lắng nghe và nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để tổ chức tốt các hoạt động liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững. Đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác mặt trận, đoàn thể tinh thông, được hỗ trợ bởi mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, nhằm khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức hoạt động tại cơ sở.

*Thứ tư*, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc vai trò quan trọng của Hội Nông dân Việt Nam trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững. Các tỉnh ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để Hội Nông dân phát huy tốt chức năng đại diện, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân; đồng thời hỗ trợ hội viên thích ứng với cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế. Hội Nông dân cấp tỉnh và cấp xã cần chủ động tổ chức các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực tiễn nhằm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững tại địa phương.

Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện thuận lợi để Hội Nông dân phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành trong việc triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo nghề và cung cấp dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi theo hướng hiện đại; mở rộng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống. Đồng thời, chú trọng giải quyết việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động

và hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững.

*Thứ năm*, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ cùng các đoàn thể CT - XH đối với các hoạt động, chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững. Chính quyền các cấp cần coi trọng, tạo điều kiện để Mặt trận, các tổ chức đoàn thể thực hiện giám sát đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ liên quan đến nông nghiệp, cũng như phản biện các dự thảo chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp trước khi ban hành nhằm bảo đảm tính thực tiễn, hiệu quả và phù hợp với lợi ích của người dân.

#### **4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng; lãnh đạo sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững**

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là nội dung quan trọng, các tỉnh ủy cần tăng cường quan tâm lãnh đạo thực hiện. *Qua khảo sát có 93,2% ý kiến cho rằng cần tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp bền vững.* Qua đó cho thấy nhận thức về tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát ngày càng được nâng cao, xem đây là công cụ hữu hiệu để phòng ngừa sai phạm, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và cơ quan thực thi chính sách, góp phần thúc đẩy việc phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống người dân.

*Thứ nhất*, các tỉnh ủy chỉ đạo đưa nội dung liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững vào văn kiện, kế hoạch nhiệm kỳ, các văn bản chuyên đề về phát triển nông nghiệp bền vững như một nội dung trung tâm của cấp ủy. Từ đó, xây dựng kế hoạch để thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất, chuyên đề phù hợp, hiệu quả

*Thứ hai*, các tỉnh ủy cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy trực thuộc, đặc biệt là đảng ủy xã, phường và các cấp

ủy trong các cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp. Việc kiểm tra, giám sát cần được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với việc đánh giá kết quả triển khai các nghị quyết, chủ trương về phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy. Thời gian tới, các tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy cần áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, trong đó ưu tiên kiểm tra định kỳ theo từng nội dung cụ thể để đảm bảo tính hiệu quả.

*Thứ ba*, tỉnh ủy cần tăng cường chỉ đạo giám sát đối với các đảng ủy viên cấp xã và các tổ chức đảng trong cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp. Cần phát huy vai trò của UBKT tỉnh ủy trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra dấu hiệu vi phạm, đặc biệt là đối với những tổ chức đảng trực thuộc và các đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý. Việc kiểm tra cần bám sát quy định của Điều lệ Đảng, bảo đảm đúng quy trình, đúng thẩm quyền, góp phần chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời những lệch hướng trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp.

*Thứ tư*, các tỉnh ủy cần tăng cường chỉ đạo các cơ quan hành chính triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong quản lý nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững ở cấp xã. Đồng thời, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thanh tra với Ủy ban kiểm tra cấp ủy nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại cơ sở, nhất là những vụ việc phức tạp liên quan đến việc thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp.

*Thứ năm*, cần chú trọng thúc đẩy sự phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy trong quá trình triển khai nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Tỉnh ủy cần chỉ đạo tăng cường gắn kết giữa hoạt động kiểm tra của tổ chức Đảng với giám sát của các tổ chức đoàn thể CT - XH và sự phản ánh, góp ý từ nhân dân. Việc kết hợp giữa kiểm tra của cấp ủy và giám sát xã hội sẽ góp phần nâng cao tính khách quan, toàn diện và hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát.

*Thứ sáu*, các tỉnh ủy cần tăng cường công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp

bền vững. Quá trình tổng kết phải được tiến hành khách quan, trung thực, đánh giá đầy đủ cả những kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại; đồng thời phân tích rõ nguyên nhân, kể cả từ những mô hình, cách làm chưa thành công, để đúc rút những bài học có giá trị. Việc sơ kết, tổng kết cần được triển khai từ cơ sở, đặc biệt là tại các đảng ủy xã, phường, nhằm bảo đảm phản ánh sát thực tiễn, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

#### **Tiểu kết chương 4**

Chương 4 đã đi sâu phân tích những yếu tố tác động, cả thuận lợi và khó khăn đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đến năm 2035. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững tại vùng ĐBSCL trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Để đáp ứng yêu cầu này, việc tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đóng vai trò then chốt. Cần xác định rõ phương hướng chiến lược, trong đó nhấn mạnh đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm sinh kế lâu dài cho người dân. Bên cạnh đó, những giải pháp chủ yếu, như tăng cường thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, trách nhiệm của tỉnh ủy trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL, trong đó trước hết là các tỉnh ủy viên và cán bộ các cơ quan tham mưu; đổi mới nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững; đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững sẽ là cơ sở quan trọng giúp nâng cao hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy các tỉnh trong phát triển nông nghiệp bền vững thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Vùng ĐBSCL có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hiện nay. Với đặc điểm địa lý và điều kiện tự nhiên vừa là lợi thế, vừa tiềm ẩn nhiều thách thức do tác động ngày càng phức tạp của biến đổi khí hậu, sự định hướng, chỉ đạo xuyên suốt và kịp thời của các tỉnh ủy đã tạo cơ sở cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy được thể hiện trên nhiều phương diện, từ việc xây dựng quy hoạch, ban hành các chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững đến chỉ đạo cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động gắn với điều kiện thực tiễn từng địa phương. Đồng thời, công tác lãnh đạo còn được thực hiện thông qua hoạt động triển khai, kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết nhằm bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong quá trình thực hiện. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường phối hợp giữa cấp ủy với chính quyền, các tổ chức CT-XH, cùng với việc phát huy vai trò của người dân và doanh nghiệp đã tạo nên sự đồng thuận xã hội rộng rãi trong triển khai các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, công tác lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL hiện vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: thể chế hóa chủ trương còn thiếu đồng bộ, năng lực tổ chức thực hiện chưa đồng đều giữa các địa phương, liên kết vùng chưa chặt chẽ, việc ứng dụng khoa học công nghệ còn chưa tương xứng với tiềm năng. Nguyên nhân của những tồn tại này xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó nổi bật là nhận thức, trình độ phát triển chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi, nguồn lực phân bổ thiếu hợp lý và cơ chế phối hợp liên ngành còn bất cập, chưa chặt chẽ.

Trên cơ sở đó, luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy thời gian tới. Để tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL trong thời gian tới các tỉnh ủy cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung lãnh đạo; đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, thực tiễn và linh hoạt hơn, nhằm thích ứng với những biến động thị trường, biến đổi khí hậu. Trong đó, việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân; đổi mới nội dung lãnh đạo; đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua sắp xếp tổ chức bộ máy; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát và thực hiện sơ, tổng kết kịp thời các nghị quyết là những giải pháp nền tảng. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phan Thị Minh Hiền (2023), “Tỉnh ủy Đồng Tháp lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề, tháng 11, ISSN 2525-2585.
2. Phan Thị Minh Hiền (2023), “Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Đồng Tháp góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, hiện đại”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, số chuyên đề số 02 (10), ISSN 1859-1485.
3. Phan Thị Minh Hiền (2025), “Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, cập nhật ngày 13/8/2025.
4. Phan Thị Minh Hiền (2025), “Một số kinh nghiệm lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề, ISSN 2525-2585.
5. Phan Thị Minh Hiền (2025), “Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, số chuyên đề số 04/2025, ISSN 1859-1485.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương An, Lê Nhung (2019), *"Tìm hướng phát triển nông nghiệp bền vững"*, Tạp chí Hồ sơ sự kiện, số 412 (ngày 10/12/2019).
2. Bé Trung Anh (2016), *Đánh giá hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Lê Nguyễn Diệu Anh (2024), *Chính sách phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam*, đăng trên tạp chí Lý luận Chính trị điện tử, ngày 02/12/2024.
4. Phạm Thị Kim Anh (2024), *Phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số*, đăng trên Tạp chí Tài chính điện tử, ngày 04/4/2024
5. Phương Anh - Phong Linh (2023), *Xúc tiến đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Báo Lao động điện tử, ngày 30/10/2023
6. Nguyễn Thị Lan Anh (2024), *"Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đổi mới"*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức, số 48/2024
7. Hoàng Thị Ngọc Ánh (2016), *"Nông nghiệp bền vững của Israel"*, *Tạp chí Con số sự kiện*, 5/2016.
8. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2018), *Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Ánh (2025), *Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta*, đăng trên Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 18/6/2025.
10. Angelika Hilbeck, Bernadette Oehen (2018), *"Agroecology - the most convincing proposal for transforming un sustainable agro-food systems"*, *The international Journal for Rural Development*, (52), pp.8-10.

11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (2015), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Bạc Liêu.
13. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2020), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Cà Mau
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2020), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đồng Tháp
15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An (2020), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Long An
16. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh (2015), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Trà Vinh
17. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2020), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Bến Tre
18. Phạm Thị Thanh Bình (2017), "*Phát triển nông nghiệp bền vững ở Thái Lan*", Tạp chí Cộng sản, (Chuyên đề cơ sở, số 123).
19. Phạm Thị Thanh Bình (2017), "*Phát triển nông nghiệp bền vững ở Israel: thành tựu và hạn chế*", Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, số 2 (138).
20. Vũ Trọng Bình (2013), "*Phát triển nông nghiệp bền vững: Lý luận và thực tiễn*", Tạp chí Kinh tế và phát triển, (196), tr.37- 45.
21. Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Thông tin Khoa học và công nghệ quốc gia (2019), "*Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia và một số khuyến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh mới*", *Tổng luận*, số 7/2019, Hà Nội.
22. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Chủ biên) (2014), *Kỷ yếu Hội thảo Tái cơ*

- cầu phát triển nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Sóc Trăng.*
23. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008), *"Nông nghiệp và nông dân Việt Nam trong công cuộc phát triển bền vững"*, Ấn phẩm thông tin, (7).
  24. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội
  25. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (2022), Báo cáo Hội nghị *"Khát vọng nông nghiệp Đất Chín Rồng xanh-sinh thái-bền vững"*, Sóc Trăng.
  26. Bùi Đình Bôn (2017), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
  27. Lưu Kỳ Bảo (2013), *Những cách làm và kinh nghiệm chủ yếu về xây dựng tác phong đảng viên chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Đề dẫn Hội thảo lần thứ 9 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam", ngày 27/7/2013 tại thành phố Liêu Ninh, Trung Quốc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  28. Bun Thoong Chít Ma Li (2010), *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học Chính trị, Hà Nội.
  29. Nguyễn Danh Châu (2014), *"Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước"*, Tạp chí Xây dựng Đảng, (9) tr.43-46.
  30. Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung (2015), *"Nông nghiệp Việt Nam hướng đến phát triển bền vững"*, Tạp chí Cộng sản, (868), tr.41-43.

31. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, Hà Nội.
32. Phùng Chí Cường (2020), *"Phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá"*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (10).
33. Lê Khánh Cường (2021), *"Phát triển nông nghiệp bền vững tại một số quốc gia và hàm ý cho Việt Nam"*, Tạp chí Quản lý nhà nước, (311).
34. Phùng Chí Cường (2021), *Phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tốc độ cao - Nghiên cứu trường hợp tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận án tiến sĩ ngành kinh tế nông nghiệp, Hà Nội.
35. Hoàng Phó Dân (2014), *"Phát huy vai trò của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới"*, Tạp chí Cộng sản chuyên đề cơ sở, (94), tr.15-19.
36. Đường Hồng Dật (2012), *Phát triển nông nghiệp bền vững*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
37. Bùi Văn De (2019), *Các tỉnh, thành ủy ở Đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
38. Trần Trí Dũng (2016), *"Trà Vinh phát triển nông nghiệp bền vững trước thách thức biến đổi khí hậu"*, Tạp chí Cộng sản, (889), tr.86-90.
39. Phạm Ngọc Dũng (Chủ biên) (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Dinesh Kumar, Sivamohan, Nitin Bassi (2013), *Water Management, Food Security and Sustainable Agriculture in Developing Economies* (Quản lý nước, an ninh lương thực và nông nghiệp bền vững trong các nền kinh tế đang phát triển), Ấn Độ.

41. Nguyễn Ngọc Diễm (2022), *Nông nghiệp bền vững - Tổng quan lý thuyết và khả năng áp dụng ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 10 (290).
42. Nguyễn Văn Dương (Sưu tầm và biên soạn) (2013), *Bác Hồ với Nông dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
43. Hà Thị Thùy Dương (2016), "*Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới*", Tạp chí Cộng sản điện tử, (10).
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
47. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2016), *Các Nghị quyết, Chương trình hành động và Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá X*, Đồng Tháp.
48. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đồng Tháp.
49. Đảng bộ tỉnh An Giang (2025), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, An Giang
50. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Đồng Tháp
51. Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2025), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Cà Mau
52. Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Vĩnh Long
53. Phương Điền (2024), *Hướng phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí điện tử Thiên nhiên và Môi trường, ngày 16/12/2024

54. Nguyễn Văn Đoá (2010), *"Nông nghiệp bền vững và các thách thức lớn"*, Tạp chí Khoa học & Tổ quốc, tháng 10/2010.
55. Vũ Văn Đông (2019), *"Phát triển nông nghiệp bền vững ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam"*, Tạp chí Giáo dục Lý luận, (291).
56. Lý Lương Đống (2020), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
57. Trần Thanh Giang (2015), *"Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề "tam nông" trong giai đoạn hiện nay"*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 30/9/2015
58. Đinh Ngọc Giang, Bùi Văn De (2022), *Các tỉnh, thành uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn hiện nay*, Nxb Lao động, Hà Nội
59. Trúc Giang (2022), *"Đầu tư 86.000 tỷ đồng phát triển giao thông đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2025"*, Báo điện tử Đầu tư, ngày 21-8-2022
60. Phí Văn Hạnh (2016), *Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án ngành kinh tế nông nghiệp, Hà Nội.
61. Tô Đức Hạnh, Hà Thị Thuý (2018), *"Sản xuất nông nghiệp bền vững ở Israel và hàm ý chính sách cho Việt Nam"*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (3).
62. Trần Thị Hảo (2017), *Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành kinh tế phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
63. Hồ Quế Hậu (2012), *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
64. Phùng Quốc Hiến (2017), *"Hướng tới một nền nông nghiệp bền vững, tương xứng với lợi thế, tiềm năng của đất nước"*, Tạp chí Cộng sản, (894).

65. Vũ Quang Hiển (2013), *Đảng với vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn 1930-1975*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Huỳnh Thanh Hiếu (2018), *Phát huy vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
67. Nguyễn Thị Hoa (2010), "*Nông nghiệp bền vững và bài toán giảm nghèo đói ở các nước đang phát triển*", Tạp chí Cộng sản, (Chuyên đề cơ sở, số 41).
68. Lưu Chấn Hoa (2010), *Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Lê Minh Hoan (2015), "*Đồng Tháp sau 2 năm thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp*", Tạp chí Cộng sản, (Số tháng 12).
70. Lê Minh Hoan (2022), *Báo cáo tái cơ cấu nông nghiệp và đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2022 - 2030*, Hội nghị công bố quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, thời kỳ 2021 - 2030, ngày 21/6/2022, Hà Nội
71. Lê Minh Hoan, Bùi Văn Huyền (2022), *Kinh tế tập thể và liên kết kinh tế nhìn từ mô hình hội quán tỉnh Đồng Tháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
72. Lê Minh Hoan (2023), "*Tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhanh và bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn mới*", Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 01/12/2023
73. Hoàng Văn Hồ, (2014), *Cầm quyền khoa học*, do Hải Anh, Như Châu, Thúy Hằng và Thanh Hương dịch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Hội đồng lý luận Trung ương (2022), *Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Văn kiện Đại hội XI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

75. Hội đồng nghiên cứu quốc gia thuộc Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Hoa Kỳ (2010), *Hướng tới hệ thống nông nghiệp bền vững trong thế kỷ 21*.
76. Lê Thị Hồng (2015), *Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội.
77. Đoàn Minh Huân (2022), "*Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn*", Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 18/3/2022.
78. Võ Thị Kim Huệ (2023), "*Công tác giảm nghèo bền vững ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long*", Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, ngày 31/10/2023
79. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2014), "*Định hướng tâm lý, tính cách nông dân đồng bằng sông Cửu Long trong vai trò chủ thể xây dựng nông thôn mới*", Tạp chí Cộng sản, (Chuyên đề cơ sở), (94), tr.30-33.
80. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2017), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Hà Nội.
81. Nguyễn Thành Hưng (2017), *Các giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
82. Nguyễn Thành Hưng (2020), "*Liên kết vùng - Giải pháp cơ bản phát triển nông nghiệp bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long*", Tạp chí Thông tin Khoa học chính trị, số 04 (21).
83. Đỗ Hương (2025), *Phát triển nông nghiệp tuần hoàn tạo giá trị bền vững*, đăng trên Báo Chính phủ điện tử, ngày 26/02/2025.
84. Ngô Thị Lan Hương (2017), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững từ năm 2001 đến năm 2013*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

85. Julian M. Alston (2014), *Agriculture in the Global Economy*, University of California.
86. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế (2020), *Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam - Kinh nghiệm các quốc gia châu Á*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
87. Nguyễn Xuân Khoát (2017), *Phát triển nông nghiệp bền vững ở một số nền kinh tế chuyển đổi: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Khoa học xã hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội
88. Phạm Đức Kiên (2017), *Đảng lãnh đạo kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội từ năm 1991 đến nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Lê Quốc Khởi (2017), *Các tỉnh uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
90. Kim Etingoff (2016), *"Sustainable Agriculture and food supply: scientific, economic, Policy Enhancements"*, Apple academic Press and CRC Press, US. (Nông nghiệp bền vững và nguồn cung lương thực: Khoa học, kinh tế và sự thay đổi chính sách)
91. Nguyễn Văn Khang (2011), *Nghiên cứu mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững trong vùng dự án ngọt hoá Gò Công*, Luận án tiến sĩ Nông nghiệp.
92. Lê Tuấn Khanh (2025), *"Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vững đường lối lãnh đạo đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc"*, tạp chí Tâm lý - giáo dục, số 05 (tháng 5/2025)
93. Bùi Thị Ngọc Lan (2015), *"Quan điểm của V.I.Lênin về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam"*, Tạp chí Lịch sử Đảng, (4).

94. Ngô Thị Phương Lan (2010), *"Tính duy lý của nông dân đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp"*, Tạp chí dân tộc học, (01), tr.25-32.
95. Nguyễn Thị Phong Lan (2018), *Quản lý nhà nước đối với xuất khẩu nông sản ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội
96. Vũ Trọng Lâm (2020), *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
97. Phạm Thị Diệu Linh (2021), *Phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hoá trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội
98. Nguyễn Minh Luân (2016), *Nông nghiệp tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
99. Đào Thanh Lương (2018), *Các Tỉnh uỷ vùng Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
100. Lê Quốc Lý (Chủ biên) (2012), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Thiên Lý, Lý lan (2025), *Vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn*, đăng trên báo Thiên nhiên môi trường điện tử, ngày 02/02/2025.
102. Mark Redwood (2012), *Agriculture in urban planning: Generating livelihoods and food security*, (Nông nghiệp trong quy hoạch đô thị: Tạo sinh kế và an ninh lương thực), Viện phát triển môi trường quốc tế xuất bản, New York

103. Trương Thị Mai (2021), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
104. Nguyễn Thị Miên (2018), *Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong giai đoạn hiện nay, qua thực tiễn tỉnh Nam Định* (Sách chuyên khảo), Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
105. Trần Thị Minh, Nguyễn Thị Tố Uyên (Đồng chủ biên) (2023), *Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới* (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
106. Trương Giang Nam, Nguyễn Thành Phong (Đồng chủ biên) (2011), *Liên kết "Bón nhà" - giải pháp cơ bản góp phần xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
107. Trần Thị Minh Ngọc (chủ biên) (2010), *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
108. Vũ Văn Ninh (2014), *"Nhìn lại hơn 3 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: kết quả và một số bài học kinh nghiệm"*, Tạp chí Cộng sản chuyên đề cơ sở, (94), tr.8-14.
109. Khánh Nguyên (2020), *"Hướng đến nền nông nghiệp bền vững, thân thiện môi trường"*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, số 23 (349).
110. Bùi Văn Nghiêm (2018), *Các tỉnh uỷ ở Đồng bằng Sông Cửu Long lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
111. National research Council of The national Academies (2010), *"Toward Sustainable Agricultural Systems in the 21st Century"*, *The national Academies Press*, Washington, D.C, Báo cáo của Hội đồng nghiên cứu quốc gia thuộc Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Hoa Kỳ

112. Đặng Kim Oanh (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (1996-2006)*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
113. Nguyễn Vũ Phong (2015), *Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
114. Chương Phương (2023), *Đồng bằng sông Cửu Long thu hút khoảng 100 nghìn tỷ đồng đầu tư vào nông nghiệp*, <https://vneconomy.vn/>, ngày 30/10/2023
115. Võ Hữu Phước (2021), "Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu", *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 35 (789)
116. P.W. Heringaa, C.M. van der Heideb, W.J.M. Heijman (2013), "The economic impact of multifunctional agriculture in Dutch regions: An input-output model", *NJAS - Wageningen Journal of Life Sciences*, Volumes 64-65, September, Pages 59-66.
117. Nguyễn Phong Quang (2015), *Cơ cấu lại và phát triển bền vững nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở liên kết vùng*, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 8/7/2015.
118. Triệu Thanh Quang (2022), *"Phát triển nông nghiệp sinh thái - mô hình kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam"*, Thông tin Khoa học xã hội.
119. Serey Mardy (2014), *Nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Svay Riêng, Campuchia*, Nxb Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
120. Rahul Katiyar, Arun Kumar Pal and Brij Mohan (2017), *An Adoption of Selected Ecological Agricultural Practices by the Farmers*, *International Journal of Current Microbiology and Applied Sciences*, (10), Volume 6, pp. 1004-1011.

121. Võ Thị Kim Sa (2013), *Sự liên kết của nông dân vùng Tây - Nam Bộ trong các nhóm và tổ chức hợp tác để phát triển nông nghiệp hàng hóa*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
122. Trương Tấn Sang (2012), *Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới - Những kết quả bước đầu và một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn*, tại trang <http://www.tuyengiao.vn>, [truy cập ngày 20/3/2015].
123. Nguyễn Văn Sánh (2009), *Nguyên lý phát triển "tam nông" và ứng dụng vào bối cảnh vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
124. Đặng Kim Sơn (Đồng chủ biên) và các cộng sự (2014), *Đổi mới chính sách nông nghiệp Việt Nam, bối cảnh, nhu cầu và triển vọng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
125. Thào Xuân Sùng (2022), "*Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo định hướng Đại hội XIII của Đảng*", Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 12/3/2022.
126. Phạm Thắng (2013), "*Quyết sách của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long*", Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày ngày 16/7/2014.
127. Phạm Thắng (2015), *Xây dựng nông thôn mới: Một số vấn đề đặt ra*, Tạp chí cộng sản điện tử, ngày 6/10/2015
128. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 939/QĐ/TTg ngày 09/7/2012 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội
129. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 899/QĐ-TTg của ngày 10/6/2013 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*, Hà Nội
130. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 về Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội

131. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội.
132. Tỉnh ủy An Giang (2012), *Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 27/6/2012 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*, An Giang.
133. Tỉnh ủy An Giang (2018), *Báo cáo số 201-BC/TU ngày 11/9/2018 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, An Giang.
134. Tỉnh ủy An Giang (2021), *Báo cáo số 84-BC/TU ngày 20/8/2021 tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, An Giang
135. Tỉnh ủy Kiên Giang (2014), *Báo cáo số 336-BC/TU ngày 19/11/2014 một số vấn đề về tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang*, Kiên Giang
136. Tỉnh ủy Cà Mau (2021), *Báo cáo số 114-BC/TU ngày 13/8/2021 tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCH Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Cà Mau.
137. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2016), *Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/10/2016 tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả giai đoạn 2016 - 2020*, Bạc Liêu
138. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2018), *Báo cáo số 256-BC/TU ngày 13/7/2018 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu
139. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2021), *Báo cáo số 101-BC/TU ngày 19/7/2021 tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu

140. Tỉnh uỷ Hậu Giang (2022), *Chương trình số 123-CTr/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Hậu Giang
141. Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2023), *Chương trình số 33-CTr/TU ngày 08/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045*, Sóc Trăng
142. Tỉnh uỷ Tiền Giang (2018), *Báo cáo số 257-BC/TU ngày 10/8/2018 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Tiền Giang
143. Tỉnh uỷ Tiền Giang (2021), *Báo cáo số 88-BC/TU ngày 28/7/2021, tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Tiền Giang.
144. Tỉnh uỷ Tiền Giang (2022), *Chương trình số 29-CTr/TU ngày 28/10/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Tiền Giang.
145. Tỉnh uỷ Trà Vinh (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23/01/2017 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến 2030*, Trà Vinh
146. Tỉnh uỷ Trà Vinh (2018), *Báo cáo số 360-BC/TU ngày 22/8/2018, Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*, Trà Vinh
147. Tỉnh uỷ Trà Vinh (2022), *Chương trình số 37-CTr/TU ngày 19/10/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Trà Vinh
148. Tỉnh uỷ Vĩnh Long (2021), *Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 01/12/2021 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021 - 2030*, Vĩnh Long

149. Trường Đại học Cần Thơ (2011), *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất ở đồng bằng sông Cửu Long: Sự thích ứng của các hệ thống canh tác trên nền lúa*, Dự án CLUES, Cần Thơ.
150. Trường Đại học Cần Thơ (2016), *Phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Đại học Cần Thơ.
151. Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh (đồng chủ biên) (2009), *Phát triển bền vững - từ quan niệm đến hành động*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
152. Trần Thành (2009), "*Tác động của phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long đến nhiệm vụ quốc phòng - an ninh*", Tạp chí Kinh tế và dự báo, (7) (447), tr.30-32.
153. Nguyễn Quang Thái (2013), "*Tái cơ cấu để phát triển nông nghiệp bền vững*", Tạp chí Kinh tế và dự báo.
154. Nguyễn Thị Thu Thảo (2025), "*Tổng quan về nhân lực xanh: yếu tố then chốt trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam*", Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Số 9 (2025)
155. Nguyễn Văn Thạo, Nguyễn Viết Thông (2021), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
156. Phan Thuận (2024), *Giải quyết các vấn đề xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Báo Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngày 03/8/2024
157. Mộng Toàn (2022), "*Biến đổi khí hậu - Thách thức lớn cho toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long*", Tạp chí Tài chính điện tử, ngày 9/11/2022.
158. Nguyễn Kim Tôn (2017), *Nông dân đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

159. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống Kê, Hà Nội
160. Tổng cục Thống kê (2024), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống Kê, Hà Nội
161. Phạm Tuyên (2024), “*Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp bền vững tại Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, cập nhật 30/12/2024.
162. Đồng Liên Tường (2010), *Cải cách xã hội Trung Quốc và những sáng tạo, đổi mới trong xây dựng đảng cơ sở*, Sách tham khảo, Nxb Nhân dân Giang Tô.
163. Trần Trọng Triết (2012), “*Giải pháp thích ứng để phát triển nông nghiệp bền vững và hội nhập*”, Tạp chí Lao động và công đoàn, (495).
164. Ngô Huy Tiếp (2010), *Đảng lãnh đạo xây dựng giai cấp nông dân trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
165. Ngô Huy Tiếp (2011), *Những vấn đề lý luận về công tác tư tưởng của Đảng hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
166. Nguyễn Văn Tuấn, Dương Quang Điện (2018), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
167. Đào Thế Tuấn (2008), “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn- Những vấn đề không thể thiếu trong phát triển bền vững*”, Tạp chí Cộng sản, (9), tr.56-59.
168. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên) (2018), *350 thuật ngữ xây dựng đảng*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
169. Nguyễn Minh Tuấn (2021), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
170. Hoàng Anh Tuấn (2018), “*Phát triển nông nghiệp bền vững theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng*”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (272).
171. Thanh Tùng (2021), *Xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long đến sớm hơn nhiều năm*, Báo Tài nguyên và Môi trường điện tử, ngày 24/8/2021

172. Nguyễn Thị Tô Uyên (2012), *Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
173. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (2014), *Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020*, Cà Mau.
174. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2016), *Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030*, Đồng Tháp.
175. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2016), *Đề án tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Sóc Trăng.
176. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2021), *Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 11/6/2021 về kết quả thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020*, Trà Vinh
177. Trần Thị Hà Vân (2019), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
178. Trần Đức Viên (2024), “*Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân sau gần 40 năm đổi mới*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 10/12/2024
179. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Kinh tế Việt Nam, Trần Thị Minh Ngọc (Chủ biên) (2010), *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

180. Bạch Hồng Việt (2017), *"Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp bền vững ở Tây Nguyên"*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Số 4 (113).
181. Trần Khắc Việt (2013), *"Quá trình phát triển nhận thức về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong thời kỳ đổi mới"*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 4 (269), tr.48-54.
182. Trần Khắc Việt, Nguyễn Văn Giang và Phạm Tất Thắng (2015), *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
183. Võ Tòng Xuân (2015), *Vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà khoa học và nông dân trong việc hình thành và phát triển các chuỗi giá trị nông nghiệp*, Tài liệu hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững, Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy Bến Tre, Báo Sài Gòn giải phóng, Bến Tre, tr.120-129.
184. Bùi Thanh Xuân (2018), *Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
185. Xôm Nức - Xôm Vi Chít (2008), *Đổi mới phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
186. Zhang Hongzhou (2012), *China's Economic Restructuring: Role of Agriculture Singapore*: S. Rajaratnam School of International Studies, Nanyang Technological University, 21 May 2012.

187. ZHAO Hua, GONG Qianwen (2023), “*Một cuộc điều tra kéo dài một thế kỷ về Đảng Cộng sản Trung Quốc dẫn dắt nông dân tham gia xây dựng nông thôn dưới góc độ hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*”, Tạp chí Đại học Lâm nghiệp Bắc Kinh (Khoa học Xã hội), 2023, 22(1): 12-17
188. Zhi-xiong Du, Ling-xiao Hu (2023), *The achievements and interpretations of the high-quality agricultural development in China since the 18th National Congress of the Communist Party of China* (Những thành tựu và diễn giải về sự phát triển nông nghiệp chất lượng cao ở Trung Quốc kể từ đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng cộng sản Trung Quốc), Chinese Rural Economy, 2023, No. 1, 2-17

## **PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1**  
**THỐNG KÊ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**  
**CẤP HUYỆN, CẤP XÃ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
*(Số liệu thống kê đến tháng 7 năm 2024)*

TT	Tỉnh, thành phố	Đơn vị hành chính cấp huyện					Đơn vị hành chính cấp xã			
		Tổng số	Huyện	Quận	Thị xã	TP thuộc tỉnh	Tổng số	Xã	Phường	Thị trấn
1	An Giang	11	7		2	2	155	110	27	18
2	Bạc Liêu	7	5		1	1	64	49	10	5
3	Bến Tre	9	8			1	167	147	10	7
4	Cà Mau	9	8			1	101	82	10	9
5	Cần Thơ	9	4	5			85	36	44	5
6	Đồng Tháp	12	9			3	144	119	17	8
7	Hậu Giang	8	5		1	2	76	54	12	10
8	Kiên Giang	15	12			3	145	118	15	12
9	Long An	15	13		1	1	192	166	12	14
10	Sóc Trăng	11	8		2	1	109	80	17	12
11	Tiền Giang	11	8		1	2	173	144	22	7
12	Trà Vinh	9	7		1	1	107	85	17	10
13	Vĩnh Long	8	6		1	1	109	94	10	5
<b>Tổng số</b>		<b>134</b>	<b>102</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>1.624</b>	<b>1.293</b>	<b>211</b>	<b>120</b>

*Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.*

**PHỤ LỤC 2**  
**DIỆN TÍCH, DÂN SỐ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC TỈNH VÙNG**  
**ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG SAU HỢP NHẤT, SÁP NHẬP**

<b>TT</b>	<b>TỈNH, THÀNH PHỐ</b>	<b>DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (KM2)</b>	<b>QUY MÔ DÂN SỐ (NGƯỜI)</b>	<b>PHƯỜNG</b>	<b>XÃ</b>	<b>ĐẶC KHU</b>
1	TP. Cần Thơ	6.360,83	4.199.824	31	72	00
2	Vĩnh Long	6.296,20	4.257.581	19	105	00
3	Đồng Tháp	5.938,64	4.370.046	20	82	00
4	Cà Mau	7.942,39	2.606.672	09	55	00
5	An Giang	9.888,91	4.952.238	14	85	03
<b>Tổng số</b>				<b>93</b>	<b>399</b>	<b>03</b>

*Nguồn: tổng hợp từ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội ngày 12/6/2025  
về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp Tỉnh*

**PHỤ LỤC 3**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ**  
**DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, THÀNH ỦY QUẢN LÝ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
*(Số liệu thống kê đến năm tháng 12 năm 2023)*

Số lượng		Tỉnh	An Giang	Bạc Liêu	Bến Tre	Cà Mau	Cần Thơ	Đồng Tháp	Hậu Giang	Kiên Giang	Long An	Sóc Trăng	Tiền Giang	Trà Vinh	Vĩnh Long	Toàn Vùng
Tổ chức cơ sở đảng			1.271	487	891	872	1.073	934	681	1.113	791	854	1.104	729	596	<b>11.396</b>
Đảng viên			63.580	25.823	55.325	46.899	50.522	59.139	33.409	59.147	45.967	43.460	47.730	43.948	41.336	<b>616.285</b>
Số lượng cán bộ diện BTVTTU quản lý	Cấp tỉnh		191	186	209	198	189	228	167	227	165	230	188	186	148	<b>2.512</b>
	Cấp huyện		77	73	81	85	80	100	71	118	68	96	72	77	58	<b>1.056</b>

*Nguồn:* Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**PHỤ LỤC 4**  
**THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, THÀNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY,**  
**THÀNH ỦY CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2015-2020**

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN	UVTV TU	GIỚI TÍNH NỮ	ĐỘ TUỔI					TRÌNH ĐỘ					DÂN TỘC	
					Dưới 40	41 đến 45	46 đến 50	Trên 50	Trung bình	VH	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
											ĐH	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Cao cấp		Cử nhân
1	An Giang	55	15	4	4	9	18	24	43.56	55	40	10	3	19	34	1
2	Bến Tre	52	16	8	5	10	15	22	42.53	52	41	11	0	30	22	0
3	Bạc Liêu	46	16	4	3	13	12	18	43.74	46	35	9	2	29	17	1
4	Cà Mau	52	15	4	4	11	17	20	43.18	52	33	18	1	33	19	1
5	Cần Thơ	53	16	8	5	11	18	19	42.33	53	23	24	6	34	19	0
6	Đồng Tháp	54	15	5	6	8	14	26	43.55	54	26	25	3	37	17	0
7	Hậu Giang	52	16	7	4	12	16	20	42.06	52	42	8	2	34	18	1
8	Kiên Giang	56	16	14	6	13	15	22	41.98	56	37	15	3	40	16	3
9	Long An	54	15	2	3	11	14	26	43.89	54	38	15	1	39	15	0
10	Sóc Trăng	54	16	7	5	9	15	25	42.67	54	45	7	2	32	11	6
11	Tiền Giang	49	14	7	3	8	14	24	43.29	49	36	10	3	25	24	0
12	Trà Vinh	55	15	7	5	9	16	25	42.55	55	47	5	3	35	25	6
13	Vĩnh Long	51	15	6	6	5	13	27	43.38	51	21	26	4	31	20	1
	<b>Cộng</b>	<b>683</b>	<b>200</b>	<b>83</b>	<b>59</b>	<b>131</b>	<b>197</b>	<b>298</b>		<b>683</b>	<b>466</b>	<b>183</b>	<b>33</b>	<b>418</b>	<b>527</b>	<b>20</b>

*Nguồn: Ban Tổ chức các Tỉnh ủy, Thành ủy ở ĐBSCL.*

**PHỤ LỤC 5**  
**THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, THÀNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY,**  
**THÀNH ỦY CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2020-2025**

(Số liệu thống kê đến năm tháng 6 năm 2025)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN	UVTV TU	GIỚI TÍNH NỮ	ĐỘ TUỔI				TRÌNH ĐỘ					DÂN TỘC	
					Dưới 40	41 đến 45	46 đến 50	Trên 50	VH	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
										ĐH	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Cao cấp		Cử nhân
1	An Giang	45	15	9	4	8	11	22	55	45	22	3	34	11	2
2	Bến Tre	49	14	10	5	10	15	19	49	32	16	1	30	19	0
3	Bạc Liêu	47	14	8	3	13	12	18	47	26	19	2	29	18	1
4	Cà Mau	51	16	5	4	11	17	20	51	25	25	1	33	18	1
5	Cần Thơ	50	16	8	5	11	17	17	50	15	25	10	40	10	0
6	Đồng Tháp	51	15	6	2	11	5	33	51	20	27	4	36	15	0
7	Hậu Giang	50	16	9	4	12	14	20	50	30	18	2	34	16	1
8	Kiên Giang	51	14	12	6	13	15	22	51	20	28	3	40	11	4
9	Long An	52	13	5	4	11	12	5	52	28	22	2	45	17	0
10	Sóc Trăng	51	15	6	5	9	15	25	51	28	21	2	32	20	6
11	Tiền Giang	47	13	7	3	4	10	30	47	22	24	1	47	0	0
12	Trà Vinh	49	11	8	5	9	16	25	49	26	23	3	35	14	7
13	Vĩnh Long	49	15	7	2	5	16	26	49	20	26	3	38	11	1
	<b>Cộng</b>	<b>642</b>	<b>187</b>	<b>100</b>	<b>52</b>	<b>127</b>	<b>175</b>	<b>282</b>	<b>625</b>	<b>337</b>	<b>296</b>	<b>37</b>	<b>473</b>	<b>180</b>	<b>23</b>

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**PHỤ LỤC 6**  
**THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, THÀNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ**  
**TỈNH ỦY, THÀNH ỦY CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2025-2030**  
*(Số liệu thống kê đến tháng 11 năm 2025)*

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN</b>	<b>ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ</b>
1	Cần Thơ	77	18
2	Đồng Tháp	53	16
3	Vĩnh Long	83	24
4	An Giang	66	16
5	Cà Mau	53	16
	<b>Cộng</b>	<b>332</b>	<b>90</b>

*Nguồn: Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.*

**PHỤ LỤC 7**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN ĐẢNG BỘ CÁC TỈNH, THÀNH**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2025-2030**  
*(Số liệu thống kê đến tháng 11 năm 2025)*

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN CƠ SỞ</b>	<b>TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG</b>	<b>ĐẢNG VIÊN</b>
1	Cần Thơ	109	1.320	141.360
2	Đồng Tháp	106	1006	120.752
3	Vĩnh Long	128	847	152.064
4	An Giang	107	930	131.000
5	Cà Mau	68	1.222	82.297
	<b>Cộng</b>	<b>518</b>	<b>5.325</b>	<b>672.473</b>

*Nguồn: Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.*

**PHỤ LỤC 8**  
**DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG LÚA CẢ NĂM PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2020 - 2024**

*Đơn vị: nghìn ha*

<b>TỈNH, THÀNH PHỐ</b>	<b>NĂM 2020</b>	<b>NĂM 2021</b>	<b>NĂM 2022</b>	<b>NĂM 2023</b>	<b>NĂM 2024</b>
Long An	502,6	511,3	509,1	516,3	538,9
Tiền Giang	136,0	131,8	134,9	129,4	120,3
Bến Tre	22,0	36,6	23,6	22,2	14,5
Trà Vinh	205,2	209,0	199,0	203,4	202,8
Vĩnh Long	145,8	134,5	112,4	112,7	109,9
Đồng Tháp	514,2	504,4	482,2	498,3	495,9
An Giang	637,2	624,9	604,4	616,2	618,6
Kiên Giang	725,8	715,7	699,6	712,9	725,7
Cần Thơ	223,0	222,4	216,4	216,2	212,6
Hậu Giang	198,2	189,0	188,4	177,8	176,3
Sóc Trăng	353,7	327,9	332,8	330,4	338,1
Bạc Liêu	187,6	191,0	188,9	191,6	191,6
Cà Mau	112,4	100,1	111,0	111,3	113,4
<b>Tổng</b>	<b>3963,7</b>	<b>3898,5</b>	<b>3802,7</b>	<b>3838,7</b>	<b>3858,5</b>

*Nguồn: Niên giám thống kê 2024*

**PHỤ LỤC 9**  
**DIỆN TÍCH THU HOẠCH THỦY SẢN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
**GIAI ĐOẠN 2021 - 2024**

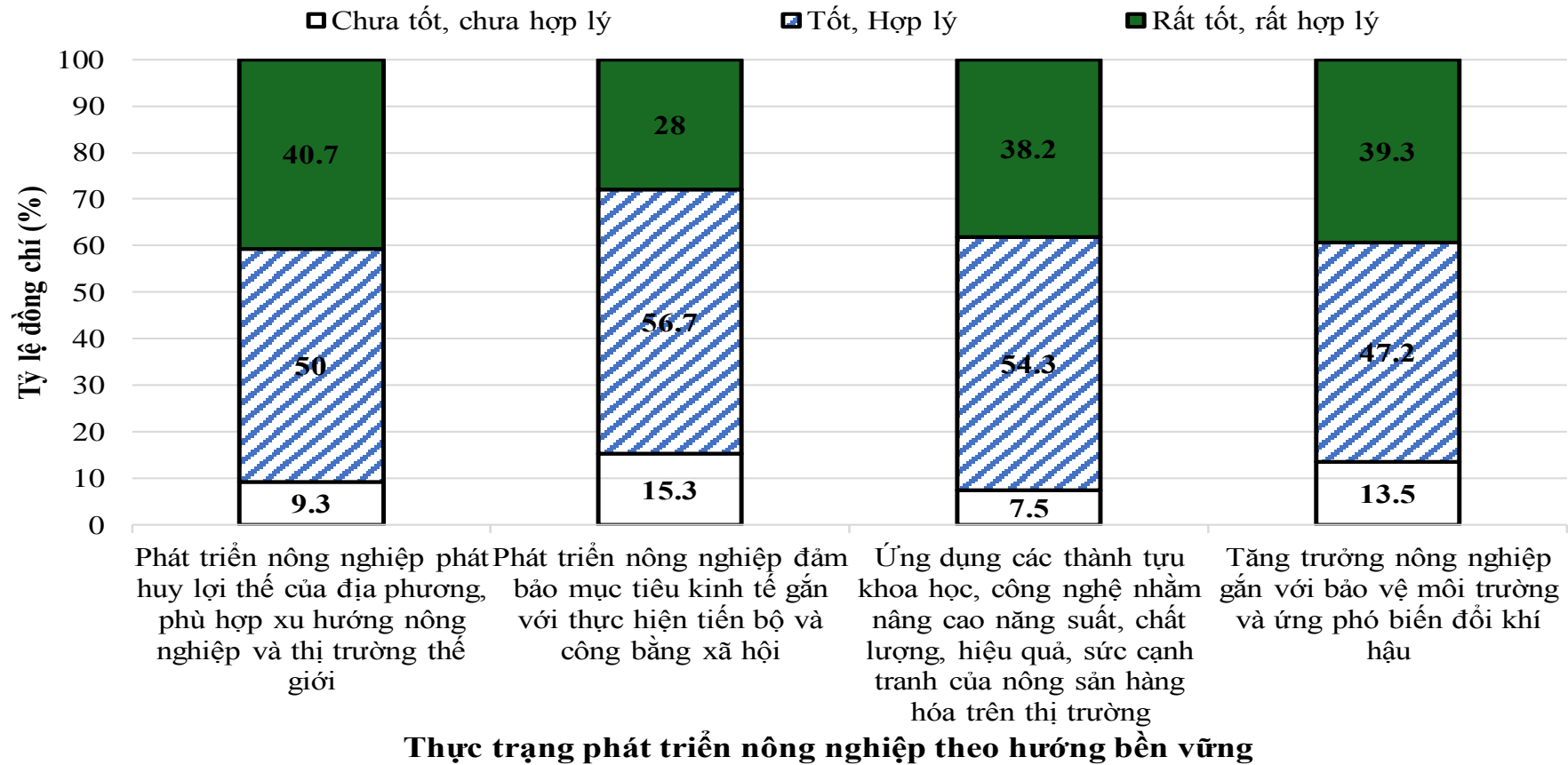
*Đơn vị: nghìn ha*

<b>TỈNH, THÀNH PHỐ</b>	<b>NĂM 2021</b>	<b>NĂM 2022</b>	<b>NĂM 2023</b>	<b>NĂM 2024</b>
Long An	8,6	8,7	6,9	7,2
Tiền Giang	7,9	8,7	15,0	16,4
Bến Tre	31,2	31,4	35,5	35,2
Trà Vinh	31,7	33,5	31,9	31,5
Vĩnh Long	2,3	2,4	2,4	2,3
Đồng Tháp	2,5	4,0	6,0	5,3
An Giang	0,8	0,8	1,6	1,8
Kiên Giang	140,6	160,7	170,2	195,7
Cần Thơ	4,8	4,9	5,6	4,7
Hậu Giang	7,9	8,8	12,2	13,3
Sóc Trăng	61,4	58,9	58,5	63,2
Bạc Liêu	143,0	144,5	147,1	149,3
Cà Mau	287,0	283,4	287,6	288,5
<b>Tổng</b>	<b>729,8</b>	<b>750,6</b>	<b>780,6</b>	<b>814,4</b>

*Nguồn: Niên giám thống kê 2024*

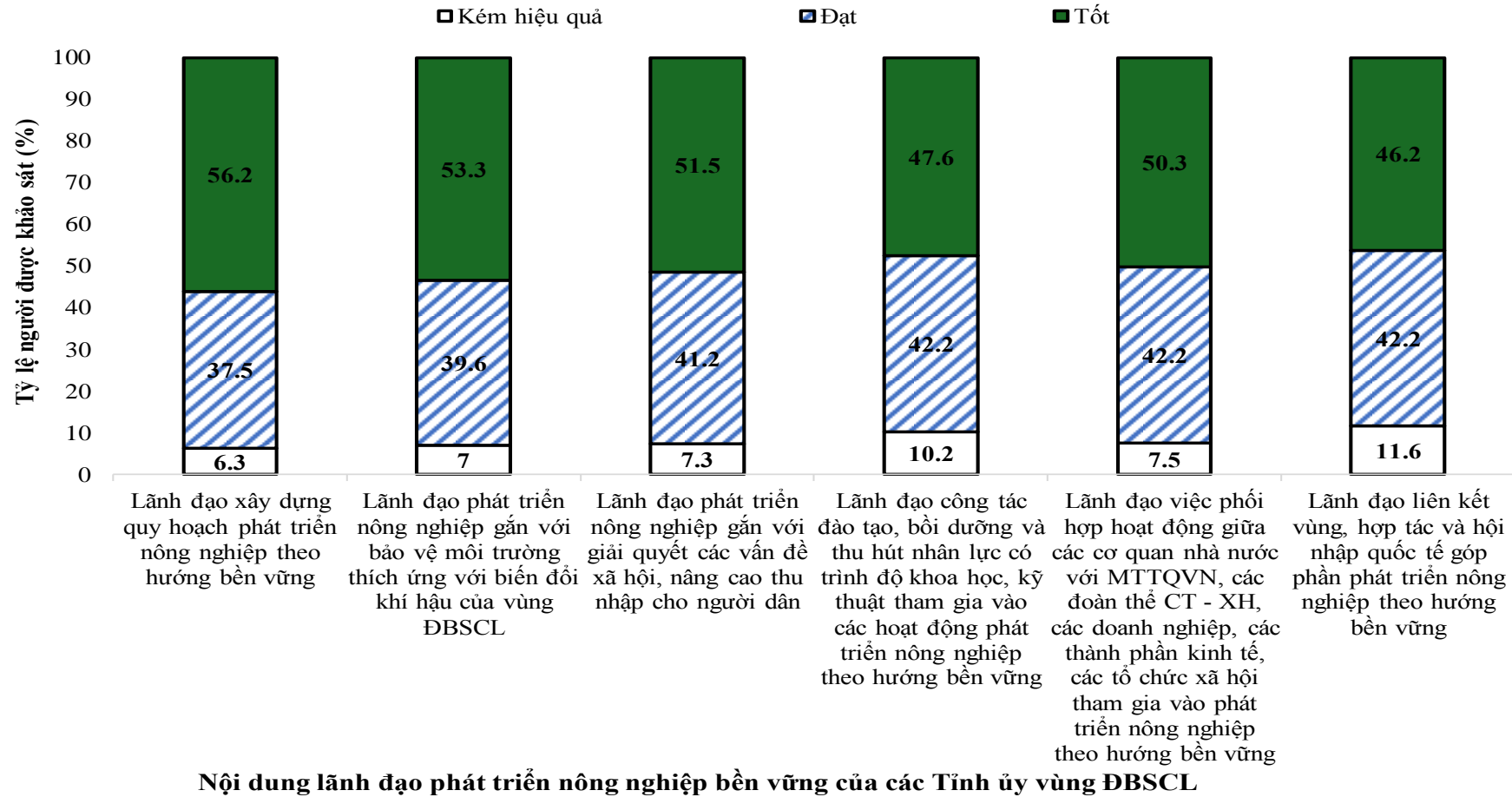
## PHỤ LỤC 10

**Biểu đồ: Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của các tỉnh vùng ĐBSCL**



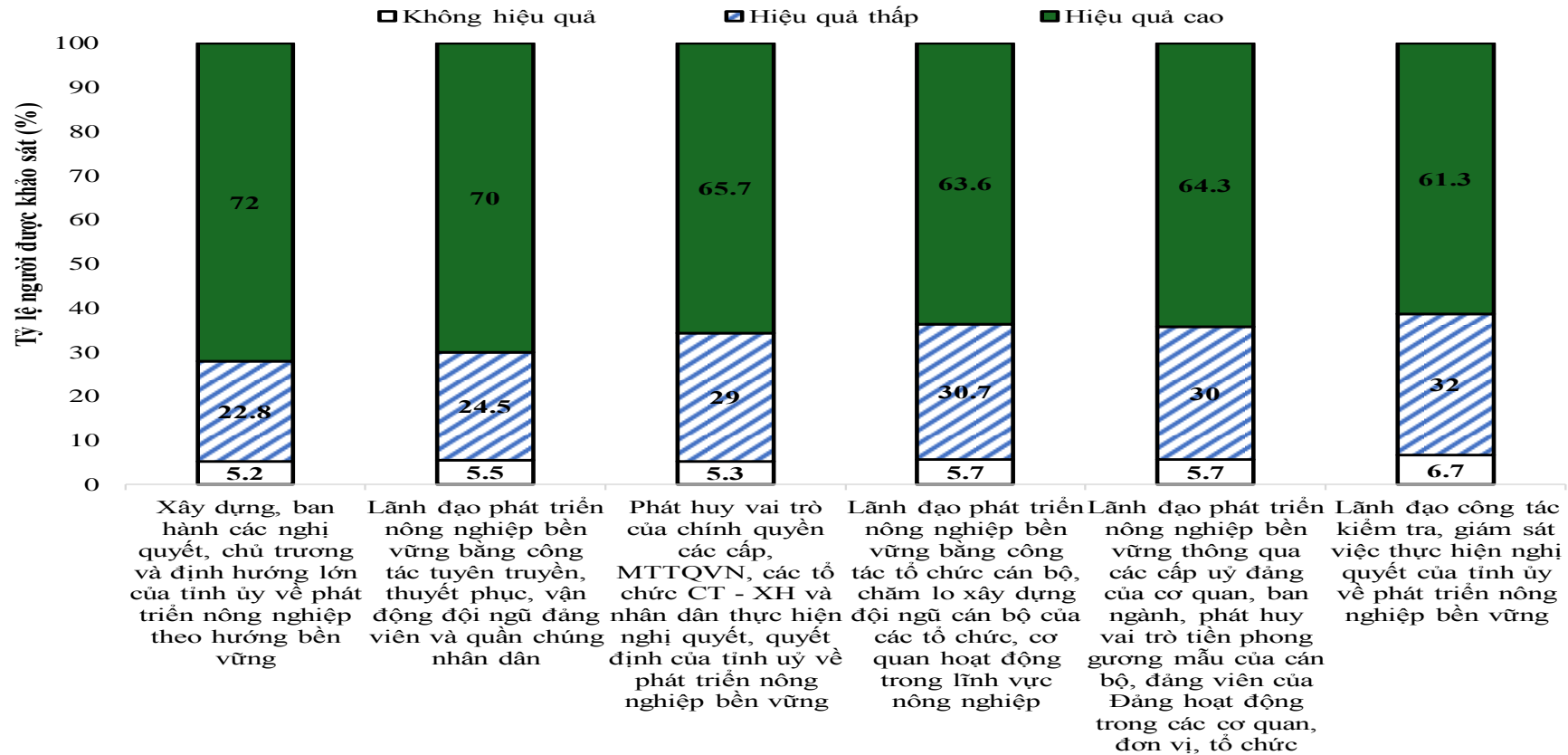
## PHỤ LỤC 11

**Biểu đồ: Đánh giá thực hiện nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL**



## PHỤ LỤC 12

**Biểu đồ: Đánh giá thực hiện phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các Tỉnh ủy vùng ĐBSCL**

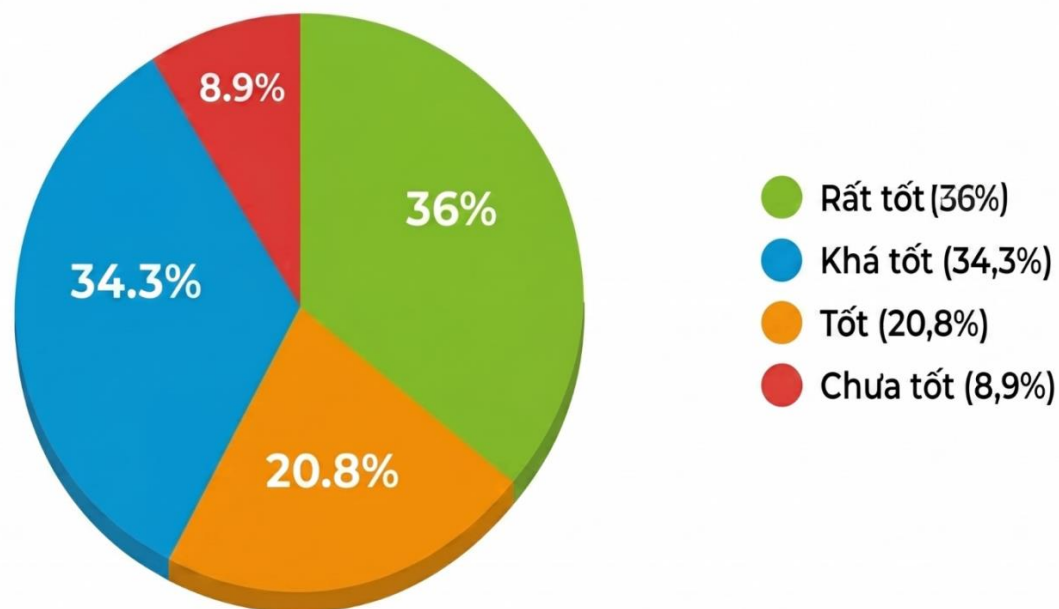


**Phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các Tỉnh ủy vùng ĐBSCL**

### PHỤ LỤC 13

**Biểu đồ: Nhận xét về công tác tuyên truyền, vận động thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững tại các tỉnh**

#### **'NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG THỰC HỆN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG'**



**PHỤ LỤC 14**  
**PHIẾU KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN**  
**VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG**  
**CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
*(Dành cho cán bộ các cơ quan tỉnh)*  
*Số lượng phiếu khảo sát: 600 phiếu*

***Thưa đồng chí!***

Nhằm tạo cơ sở để đánh giá thực trạng sự lãnh đạo về phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy ở địa phương trong những năm qua và đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được hỏi trong phiếu khảo sát dưới đây. Đồng chí đánh dấu (X) vào ô (□) bên cạnh, hoặc dấu (X) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng nội dung phù hợp với ý kiến của đồng chí, xếp thứ tự vấn đề theo mức độ quan trọng hoặc ghi thêm ý kiến khác vào chỗ trống (.....) trong biểu, bảng của câu hỏi. Chúng tôi cam kết những thông tin của bảng hỏi chỉ phục vụ vào nghiên cứu của luận án. Xin chân thành cảm ơn!

**Xin đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân: (tỷ lệ %)**

a. Giới tính	- Nam	: 61,5%
	- Nữ	: 39,5%
b. Tuổi	- Dưới 30	: 11,3%
	- Từ 31 - 50	: 62,5%
	- Từ 51 trở lên	: 26,2%
c. Trình độ chuyên môn	- Trung cấp	: 0%
	- Đại học	: 76,8%
	- Sau đại học	: 23,2%

- d. Trình độ lý luận chính trị
- Sơ cấp : 0%
  - Trung cấp : 52,7%
  - Cao cấp : 47,3%
- e. Đồng chí đang công tác ở:
- Cơ quan đảng : 26,3%
  - Cơ quan nhà nước : 37,3%
  - Đoàn thể CT-XH : 36,4%

**Câu 1: Đồng chí đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Tỉnh hiện nay như thế nào?**

TT	Nội dung	Rất tốt, rất hợp lý	Tốt, Hợp lý,	Chưa tốt, chưa hợp lý
1	Phát triển nông nghiệp phát huy lợi thế của địa phương, phù hợp xu hướng nông nghiệp và thị trường thế giới	40,7%	50%	9,3%
2	Phát triển nông nghiệp đảm bảo mục tiêu kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội	28%	56,7%	15,3%
3	Ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường	38,2%	54,3%	7,5%
4	Tăng trưởng nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	39,3%	47,2%	13,5%
5	Ý kiến khác: không có			

**Câu 2: Đồng chí cho biết nội dung Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững như thế nào?**

<b>TT</b>	<b>Nội dung lãnh đạo</b>	<b>Tốt</b>	<b>Đạt</b>	<b>Kém hiệu quả</b>
1	Lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững	56,2%	37,5%	6,3%
2	Lãnh đạo chính quyền tỉnh tổ chức thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	53,3%	39,6%	7%
3	Lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL	51,5%	41,2%	7,3%
4	Lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân.	47,6%	42,2%	10,2%
5	Lãnh đạo việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước với MTTQVN, các đoàn thể CT-XH, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia vào phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	50,3%	42,2%	7,5%
6	Lãnh đạo thực hiện liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	46,2%	42,2%	11,6%

**Câu 3: Đồng chí đánh giá thế nào về thực hiện phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của Tỉnh ủy thời gian qua?**

<b>TT</b>	<b>Phương thức lãnh đạo</b>	<b>Hiệu quả cao</b>	<b>Hiệu quả thấp</b>	<b>Không hiệu quả</b>
1	Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	72%	22,8%	5,2%
2	Lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân	70%	24,5%	5,5%
3	Phát huy vai trò của chính quyền các cấp, MTTQVN, các tổ chức CT-XH và nhân dân trong lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy phát triển nông nghiệp bền vững.	65,7%	29%	5,3%
4	Lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững bằng công tác tổ chức cán bộ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ của các tổ chức, cơ quan hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.	63,6%	30,7%	5,7%
5	Lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững thông qua cấp ủy đảng của cơ quan, ban ngành, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên của Đảng hoạt động trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức.	64,3%	30%	5,7%
6	Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững.	61,3%	32%	6,7%

**Câu 4: Đồng chí nhận xét về công tác tuyên truyền, vận động thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững tại Tỉnh như thế nào?**

<b>TT</b>	<b>Nhận xét</b>	<b>Trả lời</b>
1	Rất tốt	36%
2	Khá tốt	34,3%
3	Tốt	20,8%
4	Chưa tốt	8,8%
5	Ý kiến khác: <b>Không có</b>	

**Câu 5: Đồng chí cho biết mức độ triển khai thực hiện nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn Tỉnh**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Nhanh, tích cực</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Chậm</b>
1	Hội đồng nhân dân	56,3%	36,7%	7%
2	Ủy ban nhân dân	57,5%	24,2%	6,7%
3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	55,2%	38,3%	6,5%
4	Hội Nông dân Việt Nam	55,2%	38,7%	6,1%
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	47,8%	45,5%	6,7%
6	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	48%	45,3%	6,7%
7	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	42,8%	47,4%	9,8%

**Câu 6: Theo đồng chí, đâu là lợi thế của địa phương khi phát triển nông nghiệp bền vững?**

TT	Các yếu tố	Rất quan trọng	Quan trọng	Không cần thiết
1	Tính ủy viên có trình độ và năng lực	59%	40,5%	0,5%
2	Điều kiện tự nhiên thuận lợi	52,8%	46,2%	1%
3	Cán bộ nông nghiệp có chuyên môn và kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững	58,5%	40,8%	0,7%
4	Có nguồn kinh phí lớn	54,2%	43,8%	2%
5	Nông dân tin tưởng vào Đảng, Nhà nước	57,7%	41,5%	0,8%
6	Sự thay đổi tư duy sản xuất, sáng tạo của nông dân trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	58%	42%	0
7	Chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phù hợp với thế mạnh của vùng, của tỉnh	57,8%	42,2%	0
8	Ý kiến khác: <b>Không có ý kiến khác</b>			

**Câu 7: Theo đồng chí, các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy?**

<b>TT</b>	<b>Các yếu tố</b>	<b>Ảnh hưởng lớn</b>	<b>Có ảnh hưởng ở mức độ thấp</b>	<b>Khó xác định</b>
1	Chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững	71,8%	21,7%	6,5%
2	Các quy định, quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban thường vụ, thường trực Tỉnh ủy	66%	25,7%	8,3%
3	Khả năng lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy đối với chính quyền	70,5%	23,3%	6,2%
4	Năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết của chính quyền các cấp	68,7%	24,8%	6,5%
5	Trình độ dân trí, đặc điểm phong tục, tập quán sản xuất của người dân	60,7%	33%	6,3%
6	Chất lượng hoạt động, năng lực các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy	66%	31%	3%
7	Vai trò của người đứng đầu Tỉnh ủy	74,9%	24,3%	0,8%
8	Phong cách, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý	67,5%	30%	2,5%
9	Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh	58,8%	35,7%	5,5%
10	Sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện của Trung ương	71,6%	25,7%	2,7%

**Câu 8: Theo đồng chí nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy? Xếp theo thứ tự chiều quan trọng giảm dần?**

<b>TT</b>	<b>Các nguyên nhân</b>	<b>Đồng ý</b>	<b>Xếp theo thứ tự</b>
1	Tỉnh ủy chưa thật quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo huy động các nguồn lực vào phát triển nông nghiệp bền vững	84,5%	7
2	Năng lực tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp,... của chính quyền các cấp còn hạn chế	93,7%	1
3	Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường	91,8%	3
4	Chưa phát huy tốt vai trò của nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, hữu cơ, sinh thái, chuyển đổi số trong nông nghiệp	92,3%	2
5	Nhận thức của tỉnh ủy viên chưa thật sự sâu sắc về tầm quan trọng chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	86,3%	6
6	Tổ chức bộ máy, cán bộ và chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu giúp việc cho tỉnh ủy, chính quyền địa phương trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.	89,2%	5
7	Trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện và cán bộ chủ chốt cấp xã đối với phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững chưa đáp ứng.	90,7%	4

**Câu 9: Theo đồng chí, trong thời gian tới yếu tố nào sẽ thách thức đến hoạt động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của Tỉnh ủy?**

<b>TT</b>	<b>Các yếu tố</b>	<b>Rất ảnh hưởng</b>	<b>Ảnh hưởng</b>	<b>Không ảnh hưởng</b>
1	Nhận thức và tư tưởng của một số cán bộ là tỉnh ủy viên về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững	61,3%	34,7%	4%
2	Hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý	53,2%	42,7%	4,1%
3	Tình trạng biến đổi khí hậu sẽ tác động đến kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.	52,5%	44,3%	3,2%
4	Tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, đe dọa an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp.	47,6%	49%	3,4%
5	Huy động các nguồn lực vào phát triển nông nghiệp bền vững còn nhiều hạn chế như nguồn lực tài chính tại chỗ, khoa học kỹ thuật,...	51,8%	44,2%	4%
6	Nhận thức về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của cộng đồng dân cư.	55%	41,5%	3,5%

**Câu 10: Để tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh ủy cần thực hiện những giải pháp nào sau đây?**

<b>TT</b>	<b>Các giải pháp</b>	<b>Đồng ý</b>	<b>Xếp thứ tự</b>
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy các cấp, chính quyền, cán bộ, đảng viên về tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ủy trong phát triển nông nghiệp bền vững.	95%	1
2	Nâng cao chất lượng hoạt động của tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.	91,5%	5
3	Tiếp tục đổi mới một số nội dung, phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững.	92,3%	4
4	Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế và nhân dân tham gia thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững.	94%	2
5	Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh	90,5%	6
6	Lãnh đạo có hiệu quả công tác triển khai, tuyên truyền, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững	89,5%	8
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, coi trọng công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy; xử lý sai phạm về thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.	93,2%	3
8	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi của các Bộ, ngành Trung ương đối với sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của Tỉnh ủy	90,2%	7

## **PHỤ LỤC 15**

### **PHÂN TÍCH MỘT SỐ KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

#### **Mẫu khảo sát**

Nghiên cứu sinh sử dụng bảng hỏi để thu thập thông tin khái quát làm cơ sở phân tích thực trạng lãnh đạo và đề xuất một số giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035. NCS đã gửi bảng hỏi khảo sát ở 12 tỉnh vùng ĐBSCL với 600 phiếu, mỗi tỉnh 50 phiếu nhằm bảo đảm tính đại diện tương đối giữa các địa phương trong toàn vùng, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kích thước mẫu trong phân tích thống kê, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng tiếp cận. Đối tượng khảo sát là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đang công tác tại các cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH. Phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi bán cấu trúc nhằm vừa thu thập dữ liệu định lượng phục vụ phân tích thống kê, vừa khai thác thêm các ý kiến đánh giá, nhận xét từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý của đối tượng khảo sát. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS. Những dữ liệu cần thiết sau khi được xử lý từ phần mềm SPSS được chuyển sang word để thuận tiện cho việc phân tích và viết kết quả nghiên cứu của luận án.

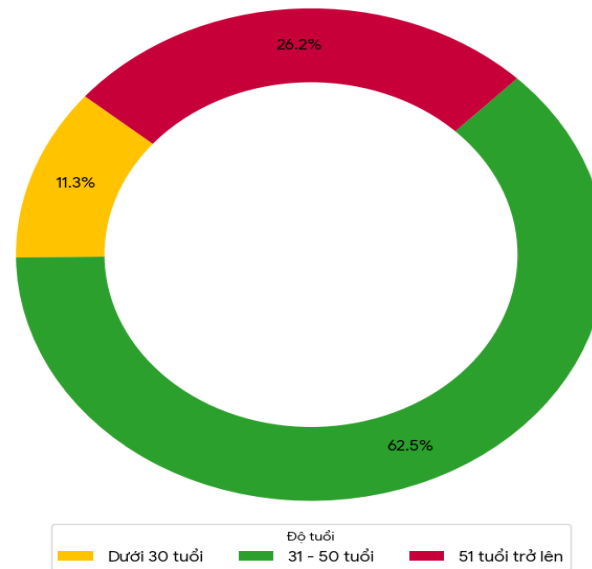
## Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát

*Bảng: Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát*

<b>Đặc điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
<b>Tổng</b>	<b>600</b>	<b>100</b>
<b>Tỉnh</b>		
Đồng Tháp	50	8,33
An Giang	50	8,33
Tiền Giang	50	8,33
Kiên Giang	50	8,33
Hậu Giang	50	8,33
Sóc Trăng	50	8,33
Cà Mau	50	8,33
Bạc Liêu	50	8,33
Trà Vinh	50	8,33
Bến Tre	50	8,33
Vĩnh Long	50	8,33
Long An	50	8,33

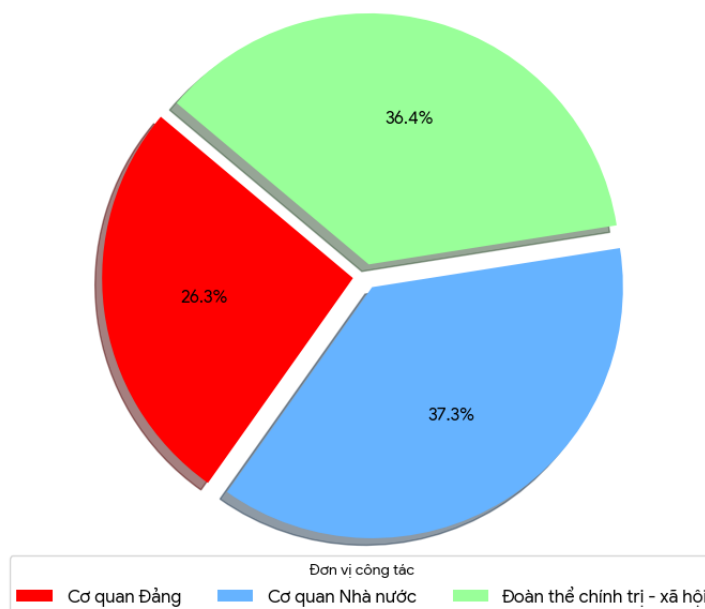
<b>Giới tính</b>		
Nam	369	61,5
Nữ	231	39,5
<b>Tuổi</b>		
Dưới 30	68	11,3
Từ 31-50	375	62,5
Từ 51 trở lên	157	26,2
<b>Trình độ chuyên môn</b>		
Trung cấp	0	0
Đại học	461	76,8
Sau đại học	139	23,2
<b>Trình độ lý luận chính trị</b>		
Sơ cấp	0	0
Trung cấp	316	52,7
Cao cấp	284	47,3
<b>Đơn vị công tác</b>		
Cơ quan Đảng	158	26,3
Cơ quan nhà nước	224	37,3
Đoàn thể CT-XH	218	36,4

*Biểu đồ tuổi người khảo sát*



Trong số đối tượng khảo sát, độ tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 31-50 tuổi, chiếm tỷ lệ 62,5%; tiếp theo là độ tuổi từ 51 trở lên chiếm tỷ lệ 26,2%; thấp nhất là dưới 30 tuổi, tỷ lệ 11

***Biểu đồ đơn vị công tác của người khảo sát***



Trong số đối tượng khảo sát, đơn vị công tác ở các cơ quan nhà nước chiếm tỷ lệ cao nhất là 37,3%; thứ hai là các đoàn thể chính trị - xã hội với tỷ lệ là 36,4%; thứ ba là các cơ quan Đảng chiếm tỷ lệ 26,3%

**Bảng: Ảnh hưởng của trình độ lý luận chính trị đến đánh giá nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh uỷ**

	Giá trị	Bậc tự do	Mức ý nghĩa tiệm cận (2 phía)
<b>Lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	10.034a	2	0,007
Tỷ số khả năng	10,061	2	0,007
Kiểm định xu hướng tuyến tính	9,773	1	0,002
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 20.75			
<b>Lãnh đạo việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể CT - XH, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia vào phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	9.100a	2	0,011
Tỷ số khả năng	9,123	2	0,01
Kiểm định xu hướng tuyến tính	7,613	1	0,006
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 21.23			
<b>Lãnh đạo thực hiện liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	12.888a	2	0,002
Tỷ số khả năng	12,961	2	0,002
Kiểm định xu hướng tuyến tính	12,767	1	0
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 33.02			

Kết quả cho thấy, nhận thức về phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL, việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể CT - XH, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia vào phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; thực hiện liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững chịu ảnh hưởng của trình độ lý luận chính trị. Những cán bộ có trình độ chính trị cao cấp nhận định về nội dung trên ở mức kém hiệu và đạt cao hơn so với những cán bộ có trình độ trung cấp lý luận chính trị ( $p < 0,05$ , kiểm định Chi bình phương). Nguyên nhân có thể là do cán bộ có trình độ lý luận chính trị cao cấp sẽ nhìn nhận vấn đề một cách hệ thống, toàn diện hơn về quan điểm, đường lối của Đảng đối với phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt trong bối cảnh đặc thù của vùng ĐBSCL. Quá trình học tập cao cấp lý luận chính trị không chỉ trang bị nền tảng lý luận sâu sắc mà còn tăng cường năng lực phân tích, tư duy phản biện và khả năng vận dụng chủ trương, nghị quyết vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý.

Bên cạnh đó, cán bộ có trình độ cao cấp lý luận chính trị thường giữ vị trí công tác cao hơn, có điều kiện tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch liên quan đến liên kết vùng và hội nhập quốc tế. Thực tiễn công tác phong phú giúp cán bộ nhận diện rõ hơn vai trò của cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể CT - XH, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế trong phát triển nông nghiệp bền vững.

Ngoài ra, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ) theo kiểm định Chi bình phương cho thấy trình độ lý luận chính trị không chỉ là yếu tố về bằng cấp, mà có mối liên hệ thực chất với mức độ nhận thức và đánh giá hiệu quả thực hiện các nội dung phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Có thể thấy rằng việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ là một trong những giải pháp quan trọng nhằm tăng cường sự thống nhất trong nhận thức và hành động về lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

**Bảng: Ảnh hưởng của đơn vị công tác đến đánh giá thực hiện nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh uỷ vùng ĐBSCL**

	<b>Giá trị</b>	<b>Bậc tự do</b>	<b>Mức ý nghĩa tiệm cận (2 phía)</b>
<b>Lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	10.012a	4	0,04
Tỷ số khả năng	10,876	4	0,028
Kiểm định xu hướng tuyến tính	6,461	1	0,011
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 11.53			
<b>Lãnh đạo chính quyền tỉnh tổ chức thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	14.098a	4	0,007
Tỷ số khả năng	16,299	4	0,003
Kiểm định xu hướng tuyến tính	6,537	1	0,011
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 12.74			

Kết quả cho thấy, nhận thức về lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; lãnh đạo chính quyền tỉnh tổ chức thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững chịu ảnh hưởng của vị trí công tác trong đó tỷ lệ người được khảo sát công tác ở đơn vị nhà nước nhận định nội dung trên ở mức tốt cao hơn ở đơn vị đoàn thể và Đảng ( $p < 0,05$ , Kiểm định Chi bình phương). Nguyên nhân có thể xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ và mức độ tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách của từng nhóm vị trí công tác. Cán bộ công tác tại các cơ quan nhà nước thường trực tiếp tham mưu, xây dựng, triển khai việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; đồng thời chịu trách nhiệm cụ thể về tiến độ, nguồn lực và kết quả thực hiện. Vì vậy, họ có điều kiện tiếp cận đầy đủ thông tin, nắm rõ quy trình và các chỉ tiêu, từ đó có xu hướng đánh giá mức độ lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện ở mức “tốt” cao hơn.

Trong khi đó, cán bộ ở các cơ quan Đảng và đoàn thể chủ yếu thực hiện chức năng lãnh đạo, định hướng, tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội, ít tham gia trực tiếp vào khâu điều hành kỹ thuật và tổ chức thực hiện cụ thể. Do đó, nhận thức và đánh giá của họ có thể thận trọng hơn, phản ánh góc nhìn của những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

Mặt khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ) theo kiểm định Chi bình phương cho thấy vị trí công tác là một biến có mối liên hệ với mức độ đánh giá. Điều này hàm ý rằng nghề nghiệp, trách nhiệm và mức độ tiếp cận thông tin là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nhận thức của cán bộ về hiệu quả lãnh đạo xây dựng quy hoạch và tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

**Bảng: Ảnh hưởng của đơn vị công tác đến đánh giá thực hiện phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh uỷ thời gian qua**

	Giá trị	Bậc tự do	Mức ý nghĩa tiệm cận (2 phía)
<b>Về xây dựng, ban hành các nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	10.7a	4	0,029
Tỷ số khả năng	11,756	4	0,019
Kiểm định xu hướng tuyến tính	7,376	1	0,007
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 9.40			
<b>Lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	9.60a	4	0,048
Tỷ số khả năng	11,701	4	0,02
Kiểm định xu hướng tuyến tính	4,342	1	0,037
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 10.01			
<b>Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững</b>			
Kiểm định chi bình phương Pearson	10.3a	4	0,035
Tỷ số khả năng	11,317	4	0,023
Kiểm định xu hướng tuyến tính	4,494	1	0,034
Số trường hợp hợp lệ	600		
Có 0 ô (0%) có tần số kỳ vọng nhỏ hơn 5. Tần số kỳ vọng nhỏ nhất là 12.13			

Kết quả cho thấy, nhận thức về xây dựng, ban hành các nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững; lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân; lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững chịu ảnh hưởng của vị trí công tác của những cán bộ được khảo sát, trong đó tỷ lệ người được khảo sát công tác ở đơn vị nhà nước nhận định về nội dung trên đạt hiệu quả cao thì cao hơn ở đơn vị đoàn thể và Đảng ( $p < 0,05$ , Kiểm định Chi bình phương). Điều này cho thấy, mối liên hệ giữa vị trí công tác và mức độ đánh giá hiệu quả các nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ( $p < 0,05$ ), chứng tỏ sự khác biệt trong nhận thức có liên quan đến đặc thù môi trường công tác của nhóm cán bộ được khảo sát. Từ góc độ phân tích số liệu khảo sát, cho thấy vị trí công tác là một biến phân tầng quan trọng khi đánh giá nhận thức về hiệu quả lãnh đạo của tỉnh uỷ trong phát triển nông nghiệp bền vững. Do đó, cần nghiên cứu và phân tích theo nhóm vị trí công tác để đề xuất giải pháp tăng cường phối hợp, thống nhất nhận thức giữa các các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.